

BÁCH KHOA

SỐ 45 – NGÀY 15.11.1958

Trong số này :

HUỖNH-VĂN-LANG	Vấn đề « thầu » cho chính phủ (les marchés de l'Etat).
HOÀNG-MINH-TUYNH	Chế độ dân chủ mác-xít.
NGUYỄN-QUANG-LỆ	Vấn đề dân khẩu ở Việt-nam tự do.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Vương-Dương-Minh.
NGUYỄN-HỮU-NGƯ	Hồ-Biêu-Chánh.
ĐOÀN-THÊM	Chúng ta đã mất quá nhiều.
NGUYỄN-ANH-LINH	Một vài nhận xét về chương trình trung học mới.
CÔ-LIÊU	Thế hệ J3 tại Anh và Pháp.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC } và NGUYỄN-NGƯ } NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Tiếng địa phương. Lược khảo về Tam-quốc diễn nghĩa.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	Rừng ở Bắc-Việt.
CÔ-LIÊU	Chung quanh chiếc vệ tinh nguyệt cầu Pioneer I.
LÊ-THƯƠNG	Giọng nói tiếng ta với âm nhạc mới.
VŨ-KÝ (dịch)	Đến viếng Gandhi.
HUY-TRÂM	Đồng vọng (thơ).
NGUYỄN-HỮU-NGƯ	Hồ-trả-kiếm lại (thơ).
DIỄN NGHỊ	Vội vợi (thơ).
KIM-THU	Mưa đêm (thơ).
LÊ-VĂN	Lão bắt cá.
KIỀU-YIÊU (dịch Liễu-Trai)	Kí-sanh con trai Vương-Quốc-Am.
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Từ điển y ngữ.
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khởi lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cũ* " 40° và 50°
— Rượu Tàu *"L'Als-Manch-Fine"*
— Rượu Tàu *"Tch-Tho-Fine"*

SI-RÔ *"Verigoud"* :

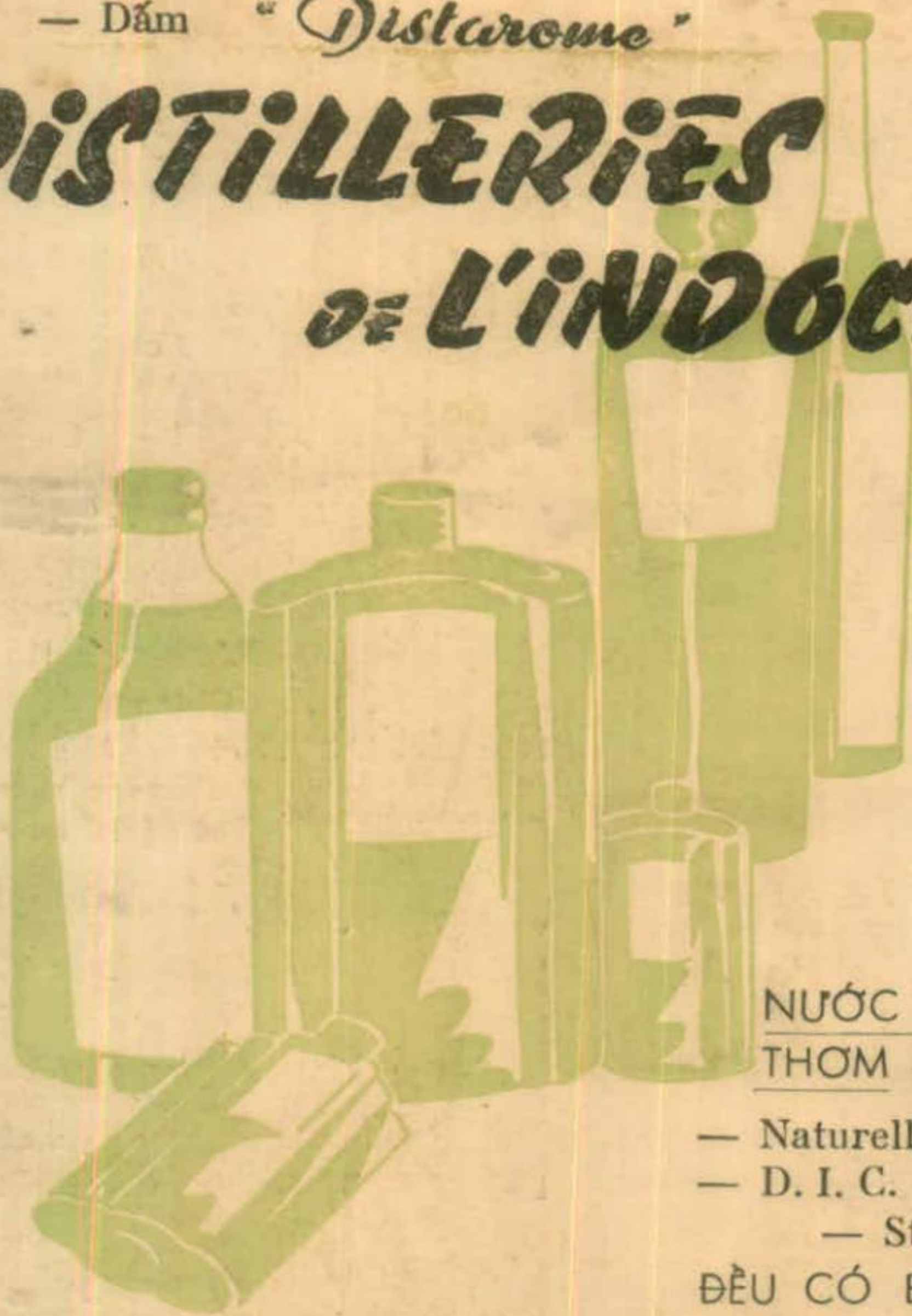
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *"Distarome"*

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DAU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.



Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur
- SAIGON -

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE, GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à Chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	
MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois			



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Rhum NEGRITA
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whisky V.O. (Canadian)
NOILLY PRAT	Vermouth	FOUR ROSES	Bourbon



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les Deux Béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

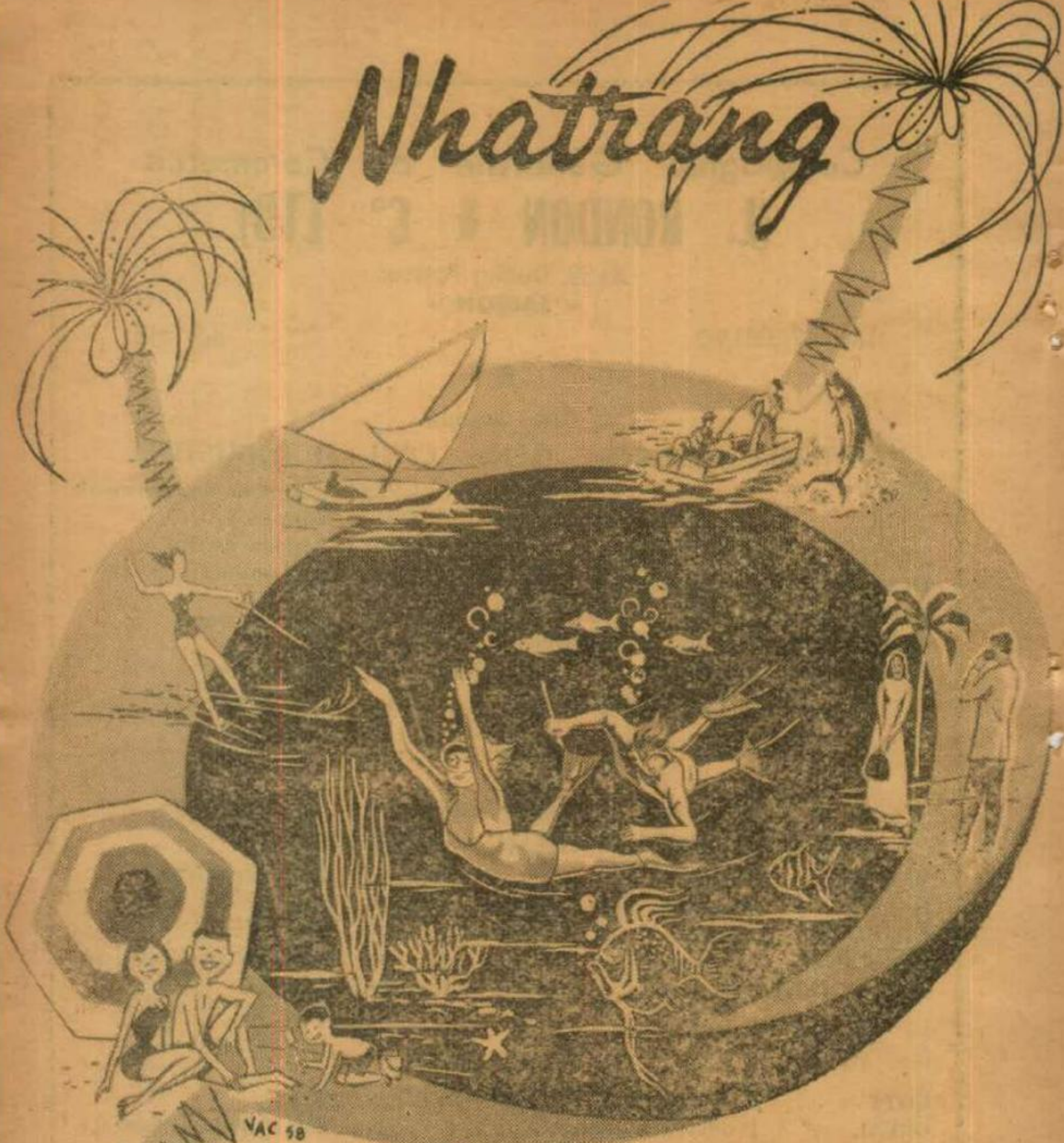
J. THIRIEZ PÈRE & FILS & CARTIER BRESSON :
Fil à Coudre, à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

Nhatrang



Với những du-khách thích ra biển, hoặc đi bơi lội, đi thuyền, nhào lặn dưới nước, hay đi hóng gió và ngắm cảnh, NHATRANG quả là một nơi bãi biển quyến-rũ nhất, với làn nước trong xanh hơn tất cả những bờ biển khác, với phong-cảnh mê-lý hữu tình của miền duyên-hải Trung-Việt.

Là nơi lý tưởng cho các môn thể thao trên mặt nước, NHATRANG cũng là nơi có Viện Hải-Học Việt-Nam, trưng bày hàng trăm loại hải ngư còn sống, cùng nhiều thú kỳ-quan của biển sâu. Tại đây, du-khách sẽ thấy tận mắt những loài cá và loài cây sống dùm bọc lẫn nhau, mỗi khi gặp nguy có chỉ việc núp vào cho lá cây cụp lại thành một thú thành trì bất khả xâm-phạm.

Ngày nay du-khách có thể đi xe hơi đến Nha-Trang một cách dễ-dàng và thích-thú — nếu trước khi đi du-khách đem xe đến hãng **STANVAC** xem lại, lấy đầy xăng và cho dầu mỡ, và nếu dọc đường du-khách đề ý đến những bảng hiệu Con Ngựa Bay để dừng xe lại mỗi khi cần thiết.

STANDARD - VACUUM OIL COMPANY

BÁCH - KHOA

Số 45 — Ngày 15-11-1958

HUỖNH-VĂN-LANG

HOÀNG MINH-TUỖNH

NGUYỄN-QUANG-LỆ

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

ĐOÀN-THÊM

NGUYỄN-ANH-LINH

CÔ-LIÊU

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGƯ-Í

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

CÔ-LIÊU

LÊ-THƯƠNG

VÕ-KÝ (dịch)

HUY-TRÂM

Ngư-Í NGUYỄN-HỮU-NGƯ

DIÊN-NGHỊ

KIM-THU

LÊ-VĂN

KIỀU-YIÊU (dịch Liêu-Trại)

B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)

Trang

Vấn đề « thầu » cho chính phủ
(*Les marchés de l'Etat*) . . . 3

Chế độ dân chủ mác-xít . . . 7

Vấn đề dân khẩu ở Việt-nam
tự do. 11

Vương-Dương-Minh 17

Hồ Biểu-Chánh 25

Chúng ta đã mất quá nhiều . . . 28

Một vài nhận xét về chương trình
trung học mới 32

Thế hệ J 3 tại Anh và Pháp. . . 37

Tiếng địa phương 41

Lược khảo về Tam - quốc diễn
nghĩa. 46

Rừng ở Bắc-Việt 50

Chung quanh chiếc vệ tinh nguyệt
cầu Pioneer I 53

Giọng nói tiếng ta với âm nhạc
mới 58

Đến viếng Gandhi 61

Đồng vọng (thơ) 64

Hồ-trả-kiếm-lại (thơ) 65

Vời vợi (thơ) 65

Mưa đêm (thơ) 65

Lão bắt cá. 66

Ki-Sanh con trai Vương-Quế-Am . . 72

Từ điển y ngữ 78

Khỏi lửa kinh thành 82

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỖNH-VĂN-LANG	: Gian lận ngoại-tệ.
HOÀNG-MINH-TUYNH	: Chế độ dân chủ mác-xít.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	: Ngũ hành sơn — Rừng ở Trung-Việt.
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	: Kỷ luật phải xây dựng trên quy tắc nào ?
NGUYỄN-VĂN-TUYÊN	: Sử quan trong tư tưởng hiện đại.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC	: Bản quyền tác giả.
NGUYỄN-VĂN-XUNG	: Mụ quản gia trong « Đoạn-trường Tân - thanh. »
SONG-AN CƯ SĨ	: Liên-bang Mã-lai.
TIÊU-DÂN	: Hậu phương trong chiến lược hiện đại.
ĐOÀN-THÊM	: Vài nhận xét nhân dịp đi thăm các nhà sách.
LƯU-NGUYỄN	: Tiếng ta với sự phổ nhạc và cách hát ngày nay.
VÂN-TRANG	: Hai thế giới.
NGUYỄN-HỮU-NGU	: Trúc-Hà Trần - Thiêm - Thới, nhà giáo, nhà báo, nhà văn khả ái miền Nam.
ĐÔNG-HỒ	: Chung quanh bài thơ « Thăng-Long hoài cổ » của bà huyện Thanh-Quan.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	: Tôi đóng phim bên Anh.
LƯU-KIỂM	: Hoài (truyện ngắn).
NGUYỄN-PHÚC	: Đêm không hết (truyện ngắn).
HUY-TRÂM	: Trưa vàng (truyện ngắn).
KIỀU-YIÊU	: Xảo Kế (dịch Liêu trai).

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. Sg. 342.

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

VẤN ĐỀ «THÀU» CHO CHÍNH PHỦ

(Les marchés de l'Etat)

HUỲNH-VĂN-LANG

L.T.S. — Tác giả bài này cũng là chủ nhiệm tạp chí Bách-Khoa vừa lên đường đi sang Hoa-thịnh-đốn dự lớp tu nghiệp do Ngân-hàng quốc-tế tổ chức, đã từ Tokio gửi bài này về đề mở đầu cho một loạt bài về kinh tế tài chánh mà tác giả lúc ra đi đã hứa với chúng tôi. Chắc bạn đọc cũng biết « Ngân-hàng quốc-tế Trùng-tu và khuyếch-trương kinh-tế » đã tổ chức đến khóa này là khóa thứ tư cho các công chức cao cấp từ các nước đến dự, mỗi khóa dài lối 6 tháng gồm lý thuyết và trao đổi kinh nghiệm về mọi vấn đề liên quan đến sự khuyếch trương kinh tế. Các khóa sinh thường là bộ trưởng, thứ trưởng, Thống đốc, Tổng giám đốc... những người hiện giữ trách nhiệm trực tiếp đến kinh tế của mỗi nước.

Chúng tôi hy vọng trong lúc học hỏi thêm và trao đổi ý kiến với người ngoài, Ô. Huỳnh-văn-Lang sẽ không quên Bách-Khoa và đều đều viết về những điều mới lạ bổ ích cho bạn đọc ở nhà.

Máy bay cất cánh đã mười phút rồi, tai người hành khách còn lù lù không nghe gì được hơn là tiếng bốn động cơ đang điên cuồng nổ, như muốn ép buộc đầu óc con người cũng phải quay tít theo.

Tôi muốn quên đi tất cả để trút hết mệt nhọc của những ngày gần đây. Nhưng làm sao quên được khi mà máy bay vẫn còn bay trên trời Việt-nam, khi mà mắt còn thấy non sông gấm vóc vẫn vươn mình dưới kia, năm sáu ngàn thước, vẽ ra một bờ biển chạy dài về đâu... Bến-hải ư? Vịnh Hạ-long ư? Trung-hoa ư?

NÊN LƯU Ý ĐẾN VẤN ĐỀ « THẦU » CHO CHÁNH PHỦ

Chợt cô chiêu đãi viên đưa ra trước mắt tôi một tờ báo và dòng chữ sau đây lại làm tôi phải suy nghĩ và lại thấy cần phải viết :

« Sur les marchés de l'Etat, des milliards à économiser » par Jean Lecerf. (Figaro, 19-10-1958). (Hàng tỷ bạc có thể tiết kiệm được trên các vụ thầu cho chánh phủ.)

Bài báo viết gì ? Sau khi điều tra, ông Pinay Tổng trưởng Tài chánh Pháp đã tuyên bố rằng Pháp có thể tiết kiệm cả 100 lý phật lạng trên các vụ thầu cho chánh phủ. Vì thế mà Thủ tướng De Gaulle đã phải đặt một Bộ trưởng — ông Bouloche — để cải cách chế độ thầu cho chánh phủ. Và tác giả cho rằng nhà kỹ thuật và người mua phải là người chịu trách nhiệm ...

Bên lề bài báo này tôi cố gắng đưa ra một ít nhận xét riêng về vấn đề thầu cho chánh phủ ở Việt-nam ta và một ý kiến chung về việc cải cách chế độ. Nếu ý kiến của tôi có xa thực tế và rời rạc thì xin bạn đọc lượng thứ cho, vì người viết đương bay quá cao mà mây gió lại không xuôi ...

Ai ai cũng biết rằng ngân sách quốc gia bao giờ cũng có khuynh hướng thiếu hụt, mà thuế má càng ngày phải càng cao, và, hơn nữa một phần lớn ngân sách quốc gia phải dùng vào việc không sản xuất, như chi tiêu về an ninh, về quốc phòng. Tình hình chánh trị bất buộc chánh phủ phải chi tiêu như thế vì lý do không những chính đảng mà lại còn quá khẩn cấp. Nếu đem so sánh những số tiền ấy với số tiền chi tiêu về giáo dục, y tế hay mở mang kỹ nghệ, nông nghiệp... thì chúng ta sẽ thấy một sự cách biệt quá nặng nề mà ai ai cũng phải đau lòng và cố gắng tìm phương giải quyết. Nhưng sự giải quyết lại tùy thuộc ở tình thế hơn là ở lòng người. Cho nên chỉ còn một việc có thể làm được và phải làm là tiết kiệm, và cùng một lúc, tìm thêm huê lợi cho chánh phủ.

Nước Pháp đã mạnh đã giàu như thế, lại có một hệ thống hành chánh chặt chẽ như thế, mà trong giai đoạn này cũng phải đặt lại vấn đề và đặc biệt lo giải quyết, thực đáng làm gương cho những nước nhược tiểu, nghèo nàn, yếu đuối, và có một hệ thống hành chánh chưa hoàn bị.

Ai ai cũng biết cái thủ đoạn cổ điển làm tiền của phần đông nhà thầu là sau khi tính một phần xuất tiền lãi rồi, còn gian lận thêm một phần trăm nữa bằng cách giao hàng hay dịch vụ, hoặc ít hơn, hoặc xấu hơn một chút và thường thường phải chia xẻ số phần trăm ấy với người trong chánh quyền. Ai đã có thầu công tác

kiểu lộ, ấn loát hay giao hàng hóa cho chánh phủ, chắc phải biết rõ hơn chúng ta nhiều. Đó là chuyện xưa của thực dân, của phong kiến...

Không biết dưới chánh thể Cộng-hòa cách mạng của chúng ta hiện tại, cái hình thức mục nát ấy có còn tồn tại phần nào nữa không hay mất hẳn rồi? Ai ngừ ừ đương sự xin trả lời giùm cho chúng tôi! Con hùm, con hạm... có khi chỉ xoay được một đôi ngàn bạc, hay nhiều là tới hai ba triệu bạc đi nữa, đề rồi báo chí của ta thẳng tay khai thác, tha hồ mà câu độc giả, thành ra đôi khi việc làm không có gì tây trời mà dư luận hóa ra kinh thiên động địa. Tất nhiên, kẻ có tội thì đáng phạt và phạt cho đúng mức, đó là ý kiến của tất cả mọi người. Nhưng có một điều ta nên lưu ý là đừng lấy việc nhỏ làm đại sự để rồi đại sự lại cho là nhỏ và đừng làm lẫn sự việc với chế độ, với hệ thống...

Chúng ta thường hay lưu ý đến sự việc hơn là đến một chế độ, chỉ vì ta quen với chế độ ấy rồi, quen đến đôi khi không nghĩ đến phân tách nó nữa, dù nó có tệ hại bao nhiêu. Thực ra thì có những cái chế độ hết sức tai hại cần phải sửa chữa cấp thời.

Nếu thật ra cái chế độ nhà thầu vừa tính tiền lãi, vừa gian lận thêm, vừa hối lộ... là một chế độ mục nát trước kia còn rớt lại và nếu vẫn còn mục nát như trước, thì tất nhiên cải cách chế độ là việc phải làm gấp hơn và mạnh hơn là bắt hùm, bắt hạm... vì những lý do sau đây:

1) Con hùm con hạm... chỉ là những khúc, những dẫn của một con độc trùng. Nếu không trục xuất cả hệ thống « độc trùng » thì đời đời hùm hạm vẫn còn nảy nở mãi.

2) Sự thiệt hại do một hai cá nhân gây ra bao giờ cũng có giới hạn. Sự gian lận, mục nát của một chế độ... trên những con số đôi ba tỷ bạc hằng năm, thì ai mà ước đoán được mức thiệt hại lên tới bao nhiêu.

3) Sự thiệt hại do một chế độ gây ra và nuôi dưỡng không những nặng nề mà còn sâu xa nữa. Một con đường bị nhà thầu gian lận đá sẽ mau hư mà còn có thể gây tai nạn hại đến sinh mạng người là khác nữa.

4) Sự việc hay, thì cá nhân có hư, chánh quyền cũng dễ tìm biết, dễ trừ khử, quần chúng dễ phê phán, dễ phanh phui. Trái lại, một chế độ mà đã hỏng, thì bao nhiêu tội ác sẽ được tổ chức che đậy khéo léo, sự thối nát ngấm ngấm tiếp diễn tai hại không thể nào lường được.

5) Hơn nữa, một chế độ không hư hỏng mà chỉ có kẻ hở thì chẳng những mở đường cho mọi sự lạm dụng mà còn khuyến khích các sự lạm dụng là khác nữa.

Kẻ viết bài này không có ý vor đũa cả nắm, vì biết rằng trên đời và ở đâu cũng có luật trừ nhiều ít. Nhưng nhiều hay ít, luật trừ vẫn là luật trừ, vì nếu ở trong một chế độ mà luật chung là thủ đoạn gian lận thì thử hỏi người lương thiện cạnh tranh làm sao mà sống nổi ?

Ngoài mọi sự hiểu lầm, tác giả bài này chỉ muốn đặt lại vấn đề « thầu » cho chánh phủ, đề trước nhất là đề nghị lại chánh quyền nên theo gương nước Pháp tránh cho ngân sách quốc gia những số tiền lãng phí có khi hằng tỷ bạc, mà ta có thể dùng vào việc đầu tư tinh thần (giáo dục...) hay kinh tế (khuyến trương nông nghiệp...) có lợi hơn là để nó từ ngân sách quốc gia qua tay các nhà thầu hay tay công chức rồi biến thành xa xỉ phẩm hay phương tiện để gây tội lỗi.

Nếu thật ra cần phải lập thêm một bộ hay một nha hao tổn cho ngân sách đôi ba chục triệu mà có thể tiết kiệm hằng tỷ bạc thì cũng là việc nên làm. Đó chỉ là vấn đề cộng trừ thôi. Đã đánh, bắt kẻ gian, bỏ tù trộm đạo là một việc dễ hơn là cải cách một chế độ. Nhưng nếu là những cải cách khẩn cấp và quan hệ thì dù khó khăn đến đâu thiết tưởng cũng không thể bỏ qua được.

Cộng-sản chủ trương cách mạng cơ cấu xã hội, cải cách chế độ, bất chấp đến sự cải cách phong hóa là con người, vì họ nghĩ rằng với chế độ Y thì con người phải thành Z và với chế độ X thì con người bắt buộc phải thành O. Tự do của con người chỉ là một danh từ. Ta bảo đó là một sự sai lầm và chính Cộng-sản đã nhìn nhận sự sai lầm ấy bằng những cuộc sửa sai, thanh trừng, an trí, của họ.

Chống với Cộng-sản, ta phải chủ trương một cuộc cách mạng vừa cơ cấu xã hội hay chế độ xã hội, vừa cách-mạng bản thân con người. Nếu ta chỉ thiên về hoán cải con người mà quên lãng sự cải cách cơ cấu xã hội thì chầy kíp ta sẽ thấy việc làm của ta luống đi vô ích. Con người sửa đổi cho tốt đẹp mà không có một chế độ, một hệ thống tốt đẹp, thích hợp để gìn giữ họ thì trước sau rồi con người cũng sẽ lại trở thành xấu xa hư hỏng.

Saigon — Tokyo, 20-10-1958

HUỲNH-VĂN-LANG

BÁCH KHOA XXXXV

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC-XÍT

NHỮNG ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ PHỎNG THEO CHỦ NGHĨA MÁC-XÍT

Những định chế chính trị tại Liên-Xô

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

2.— Hiến-pháp năm 1936

D— Những cơ quan chính quyền liên bang; thẩm quyền của mỗi cơ quan; quan hệ giữa các cơ quan.

(liếp theo)

3. — Không có phân quyền và không có chế độ đại nghị

Chế độ hiện hành tại Liên-xô thiếu hẳn sự phân quyền, đó là vì tại : ý niệm phân quyền đã bị gạt bỏ ngay từ khi lập thành chế độ và vì nó trái nghịch hẳn với tinh thần của chế độ, như ta sẽ thấy sau. Hội đồng Bộ trưởng, về mặt pháp lý, bị đặt trên một bình diện thấp kém, vì tất cả quyền hạn chỉ là những quyền hạn thi hành luật pháp và hành chính thường ngày, bị chặt hết các đặc quyền cao nhất dành cho uy quyền của một chính phủ và không được tham dự vào « chính quyền cao cấp của Nhà nước ». Ngoài ra, Hội đồng Bộ trưởng còn bị phụ thuộc chặt chẽ vào Xô-viết tối cao (và giữa khoảng các kỳ họp vào Chủ tịch đoàn) cả về mặt đề cử lẫn về mặt

trách nhiệm. Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô không có cái độc lập của quyền lập pháp trong chế độ Tổng Thống mà cũng không có cả những phương tiện quân bình hóa ảnh hưởng của Quốc Hội đối với chính phủ như trong chế độ nghị viện.

Đến như cái khí giới tối hậu là khí giới : « đặt vấn đề tín nhiệm » là thứ khí giới mà trong chế độ nghị viện, chính phủ thường khi phải dùng để tránh tình trạng chính quyền « lép vế », Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô cũng không có nốt.

Căn cứ theo các bản văn, chế độ hiện hành tại Liên-xô, không những không có phân quyền mà còn thiếu hẳn tính chất đại nghị nữa. Bất cứ lúc nào, đại biểu Xô-viết tối cao cũng có thể bị cử tri bãi miễn, vì quyền cử tri ủy nhiệm cho các đại biểu là thứ quyền chỉ mệnh. Sta-lin, khi đối chiếu chính thể Xô-viết với chính thể các nước tư bản chủ nghĩa là những nước mà trong đó « nghị sĩ trong hạn bốn

hay năm năm được có cảm giác tuyệt đối tự do và độc lập, đối với nhân dân, đối với cử tri đã bầu ra họ », (1) đã từng tuyên bố rằng « nghị sĩ phải nhớ mình chỉ là tôi tớ của nhân dân, là đại biểu của nhân dân tại Xô-viết tối cao và phải đặt mình trong đúng đường lối nhân dân đã chỉ vạch cho họ khi ủy nhiệm họ ». Đề trừng trị những người vi phạm, không tuân giữ cái ủy nhiệm chỉ mệnh đó, cử tri phải có quyền bãi miễn đại biểu bất cứ lúc nào.

Như vậy, các bản văn cho ta cái cảm giác chính quyền tại Liên-xô xếp đặt theo từng lớp đại biểu mà nguồn gốc là nhân dân: đại biểu của nhân dân là nghị sĩ; đại biểu của nghị sĩ là Chủ tịch đoàn và Hội đồng Bộ trưởng. Ta cũng có thể hình dung chính thể ấy như một kim tự tháp mà nhân dân là mặt chân.

4. — Các bản văn hiến-pháp và thực thể chính trị

Tuy nhiên, chỉ đọc nguyên các bản văn hiến pháp của Liên-xô, liệu ta có thể có một nhận định chân xác về chế độ Xô-viết không? Chẳng những những người đối lập mà chính những người theo phe Liên-xô cũng không hề quyết bảo thực thể của chế độ Liên-xô diễn hành được đúng như các bản văn hiến pháp đã qui định.

Đối với những người đối lập thì: muốn nói hay nói đẹp gì thì nói, song những điều thực tế phải kể đến trước hết là chuyện độc đảng, chuyện di đảng trị quốc, chuyện tuyên truyền một chiều và chuyện bọn cầm quyền nắm giữ độc quyền toàn thể sinh hoạt chính trị, kinh tế và văn hóa tại Liên-xô. Một chế

độ như vậy không phải là bây giờ mới có. Một chính thể độc tài (nhất là một chính thể độc tài chuyên chế) mà lại che dấu bằng một cái khăn phủ trong suốt, để cho người ta thấy rõ tất cả những gì ở trong!

Đối với những người theo phe Liên-xô thì: không thể nào ngạc nhiên hay bất bình trước bất luận một điều gì trong chính thể Xô-viết cả, trừ khi người ta cố tình quên rằng: có tiêu trừ các giai cấp xã hội thì mới tạo ra được những điều kiện khách quan để giải phóng cho sinh hoạt chính trị và sinh hoạt xã hội thoát khỏi những mâu thuẫn cố nhiên phải bài trừ trong một chế độ « dân chủ chân chính ».

Song đây là then chốt vấn đề đối lập giữa hai quan niệm về dân chủ. Trước khi trở lại vấn đề đó để dẫn giải cho sáng tỏ thêm, chúng tôi xin tiếp tục phác họa thêm vài nét nữa về Hiến pháp của Liên xô.

E — Quyền hạn và nghĩa vụ căn bản của công dân.

(Chương X, trong Hiến pháp)

1) Quyền hạn.

a) Quyền hạn của công dân Xô-viết được đảm bảo, và không phải là những tự do suông, mà là những quyền đòi hỏi nước phải thực hiện bằng những hiện vật cụ thể (xin nhớ đó vẫn là theo các bản văn). Thí dụ: quyền được đảm bảo về việc làm trong khi già yếu cũng như trong lúc bệnh tật và mất năng lực lao động, quyền này được đảm bảo bằng việc phát triển công ới công cuộc bảo hiểm xã hội do Nhà nước đài thọ cho công nhân và viên chức, lương

(1) Diễn văn ngày 11-12-1937.

tổ chức không lấy tiền cho những người lao động, bằng cách để họ sử dụng một hệ thống rộng rãi các nơi dưỡng bệnh. Một thí dụ khác : quyền được tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và mít-tinh, tự do rước sách và biểu tình ngoài phố, các quyền này được bảo đảm bằng cách để những người lao động và các tổ chức của họ được sử dụng nhà in, kho giấy, công thợ, đường phố, bưu điện và những điều kiện vật chất khác để thực hiện những quyền ấy. Đó là một trong những phương diện mà các tác giả Xô viết nhấn mạnh nhiều nhất, nhất là về những khoản liên hệ đến quyền tuyền cử.

Các báo chí Xô-viết thường đặc biệt nhấn mạnh về sự phồn thịnh các « khí cụ tuyền cử » (danh bạ, chương trình, thùng phiếu, lá phiếu v. v...) tới tận những hang cùng ngõ hẻm.

b) Dưới đây là những quyền được đảm bảo : quyền lao động, quyền nghỉ ngơi, quyền được đảm bảo về vật chất trong khi đau yếu và bảo hiểm xã hội ; quyền được học tập, quyền phụ nữ được hưởng ngang nam giới trong mọi lãnh vực sinh hoạt ; quyền bình đẳng của công dân Liên-xô không phân biệt dân tộc và chủng tộc ; quyền tự do tín ngưỡng, tự do theo các tôn giáo và tuyền truyền chống tôn giáo ; quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, rước sách, gia nhập các tổ chức xã hội ; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở ; quyền cư trú cho các công dân nước ngoài bị truy nã.

2) Nghĩa vụ.

Các nghĩa vụ của công dân Liên-xô, Hiến-pháp liệt kê đại khái như sau :

phải tuân theo Hiến-pháp, chấp hành luật pháp, tuân theo kỷ luật lao động, làm tròn nghĩa vụ xã hội, tôn trọng những nguyên tắc sinh hoạt trong xã hội, phải bảo vệ và củng cố tài sản xã hội (kẻ xâm phạm sẽ coi là kẻ thù của nhân dân), làm tròn nghĩa vụ quân sự (một nhiệm vụ « vinh quang »), bảo vệ tổ quốc (phản bội coi như « tội ác nặng nhất »).

F — Thủ tục xét lại Hiến-pháp

Hiến-pháp chỉ có thể sửa đổi bằng quyết nghị của Xô-viết tối cao thông qua với ít nhất là quá hai phần ba số phiếu của mỗi viện của Xô-viết tối cao.

G. — Đảng Cộng sản.

Theo điều 126 thì quyền gia nhập các tổ chức không áp dụng cho các đảng phái chính trị vì chỉ nhằm các tổ chức xã hội mà thôi : « công đoàn, hợp tác xã, tổ chức thanh niên, tổ chức thể thao và tự vệ, hội văn hóa, kỹ thuật và khoa học ». Về quyền gia nhập tổ chức có tính chất thuần túy chính trị thì điều 124 qui định như sau : « Những người công dân hoạt động nhất và giác ngộ nhất thuộc giai cấp công nhân, nông dân lao động và lao động trí óc, được tự do gia nhập Đảng Cộng sản Liên xô, đội tiền phong của những người lao động trong cuộc tranh đấu để xây dựng xã hội công sản chủ nghĩa, và là hạt nhân lãnh đạo mọi tổ chức của người lao động, các tổ chức xã hội cũng như các tổ chức Nhà nước. »

Xem vậy thì rõ ràng là chế độ độc đảng chính là chế độ mà Hiến pháp Liên xô dụng ý và chủ ý lập nên : một mặt, quyền tự

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC-XÍT

do gia nhập các tổ chức không áp dụng khi người công dân muốn gia nhập các đảng phái chính trị, và mặt khác, quyền ấy chỉ áp dụng khi người công dân muốn gia nhập Đảng Cộng sản mà thôi. Điều này, người cộng sản vẫn là cho là đúng với đường lối của chủ thuyết Mác-Lê-nin chủ trương

rằng đa nguyên đối với các đảng phái chính trị không có lý do tồn tại trong một xã hội không giai cấp.

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

Kỳ sau : Tranh luận về tính chất dân chủ của Liên xô.

Danh ngôn, danh lý

TINH THẦN QUYẾT ĐOÁN VÀ SÁNG TẠO

- ★ Người ta có thể có nhiều đức hay tính tốt mà vẫn chỉ có giá trị của một kẻ thuộc hạ, tùy tùng ; những yếu tố cốt thiết để nhận ra thủ lĩnh là tinh thần sáng tạo và tinh thần đảm đương trách nhiệm.
- ★ Kẻ biết đảm đương trách nhiệm là kẻ đã lạnh lùng cân nhắc hết cả, quan sát hết cả, thấy rõ hết cả và sau khi đã đắn đo lợi hại, xét rằng cần liều, thì cương quyết liều ngay (Foch).
- ★ Đây là điều Pierre de la Force đã viết về tâm lý bọn quần thần của vua Louis XVI :
Người ta chăm lo cử động theo tục lệ một cách quá đáng đến nỗi ai cũng dậm ra rụt rè e sợ ; những ý kiến nào mới lạ vừa được ngỏ ra một chút là người ta đã vội chụp ngay đi, coi là mực nguy hiểm ; những sáng kiến nào hơi táo bạo mà dám phô trương ra thì đã có những lễ nghi rất phiền toái ngăn chặn lại và cả những ý kiến cấp bách, bởi phải qua nhiều thủ tục ngóc ngách thái quá mới đạt tới tai vị quân vương, nên khi tới thì đã quá trễ và cơ hội cũng mất tuốt theo. Ta đã biết những thái độ rụt rè, kiểu cách ấy, cùng cái chủ nghĩa « *đúng theo luật* » ấy đã đưa đến những kết quả tai hại thế nào.

VẤN-ĐỀ DÂN-KHẨU

Ở VIỆT-NAM TỰ-DO

NGUYỄN-QUANG-LỆ

(Tiếp theo)

L.T.G. — Kỳ trước, (Bách-Khoa số 44) chúng tôi đã trình bày phương diện tĩnh chỉ (aspect statique) của vấn đề dân khẩu ở Việt-Nam Cộng-hòa, và đã nhận xét rằng so với 1937, mật độ tổng quát về dân số đã tăng gấp đôi, tuy nhiên nạn nhân mãn thật sự quan trọng hơn nhiều: ở nhiều vùng tại Trung và ngay tại tỉnh Gia-định nữa, mật độ ở trên số 1.000 người / 1 cây số vuông, nghĩa là đông hơn cả vùng Trung-Châu Bắc-Việt năm 1937 trên 2 lần (480 người / một cây số vuông). Và nạn nhân mãn trên không hẳn là toàn diện, vì có sự xung khắc giữa đồng bằng Trung và Nam, giữa đồng bằng và Cao-nguyên, giữa những trọng điểm nhân mãn của một vùng đồng bằng.

Còn đứng về mặt trình độ sinh hoạt mà xét, thì mỗi người Trung với 0,11 héc-ta ruộng và 140 ký lúa, chỉ có thể có một mức sống vật chất ngang với phân nửa mức sống người ở trong Nam (0,27 héc-ta ruộng và 332 ký lúa). Hay tính cách khác thì ở Trung hiện có đến 1.265.508 người thiếu phương tiện sống hoặc thất nghiệp mà Chính phủ phải săn sóc (632.754 gia trường thất nghiệp thật sự hay dùng vào việc không hữu ích).

Hôm nay chúng tôi xin đề cập phương diện động đích của vấn đề trên.

II. PHƯƠNG DIỆN ĐỘNG ĐÍCH (aspect dynamique)

I) Phân số tăng gia :

Trên phương diện động đích người ta thường nghiên cứu sự tăng gia dân số hằng năm, theo thói thường, bằng cách so sánh dân số năm sau với năm trước. Dưới đây là dân số 3 phần trong 2 năm 1943 (trước đảo chánh) và 1956 (bắt đầu chế độ Cộng-hòa) là 2 năm có thống kê khá đầy đủ :

Lược-kê dân-số các Phần

BIỂU SỐ II.

Nơi	dân số 1943	dân số 1956 (1)
Trung-phần . .	3.638.800	4.194.273
Nam-phần. . .	5.577.800	7.641.540
Cao-nguyên . .	432.370	530.478

(1) Trừ đi 887.895 người định cư thì phân số tăng gia đồ đồng cho thời gian này là 14,50/00 tại phần đất của Việt-nam Cộng-hòa ngày nay.

Nhưng trong những năm giặc từ 1943 đến 1956, vì nhiều lý do nên nhịp tăng gia không được đồng đều năm này qua năm khác. Và lại số người định cư (887.895) từ ngoài vào làm cho khối tăng gia mất tính cách tự nhiên. Thiết tưởng nên dựa vào phân số tăng gia của ông Khérian đưa ra là 13^o/oo (1933), hay là phân số của Viện Thống kê 15^o/oo (1) (tính cho các năm 1936 — 1940), hay là phân số 14^o/oo (Nam-Việt 1940).

Phân số 15^o/oo này là phân số kỷ lục thế giới.

Như thế mỗi năm ở Trung tăng thêm ít là 54.525 công dân mới, tức là Chánh phủ trên nguyên tắc, phải mở mang độ 27.264 Ha. đất ruộng mới để tạo việc làm cho họ (2 ng. một mẫu) nghĩa là phân nửa diện tích ruộng Phú-yên hay ruộng Quảng-ngãi. Nhưng diện tích ruộng không thể mở thêm như ý muốn, vậy giải pháp còn lại là hằng năm Chính phủ phải cải tạo 27.264 Ha. ruộng thành những đất trồng cây có sức nuôi sống nhân dân gấp đôi lần lúa. Ngoài vấn đề chi tiêu, kỹ thuật hiện giờ chưa chắc đã cho phép thực hiện giải pháp này.

Tại toàn cõi Việt-nam Cộng-Hòa, hằng năm tăng gia thêm 160.753 người và con số này hằng năm sẽ hằng tăng thêm, vì phân số xuất sanh (taux de natalité) không có bề giảm mà có bề tăng trong khi phân số tử thì giảm dần năm này qua năm khác. Cứ ngoài ba năm thì dân số tăng gia đủ để chiếm cứ vùng Cao-nguyên như hiện giờ (530.478)!

2. Phân số xuất sanh :

Phân số xuất sanh của Việt-Nam trước đây, được tính là 35^o/oo (Nam-Việt từ

1928 đến 1931 : 37,5^o/oo), và những nơi bần cùng đói kém thì phân số trên càng lớn. Trong những năm 1936 đến 1940, ở Việt-Nam phân số này vọt lên đến 38^o/oo. Với phân số 35^o/oo Việt-nam đủ chiếm kỷ lục thế giới. Đến năm 1955, những con số thâu thập được không lấy gì bảo đảm lắm, một cách chung thì tại Nam-phần và Sài-gòn, phân số này quay chung quanh số 33^o/oo, nhưng qua 1956 thì lại vọt lên 38^o/oo, tại Trung chắc là cao hơn, Huế trên 50^o/oo. Phân số chưa có thể hạ trong một thời gian gần đây, vì nhiều lý do ông Khérian có đề cập sơ :

a. — Dân Việt kết hôn sớm, bởi vì đời sống trung bình ngắn. Trong khi người đàn ông Pháp thường ngoài 25 mới lo đôi bạn, đàn bà ngoài 20, tại Việt-nam, tuổi các tân giai nhân thường trẻ hơn, vì vậy thời hạn sinh con dài hơn, và lại vì bắt đầu trẻ nên cũng kém lo xa.

Bản đối chiếu tuổi tử ở Hà-nội (1934) và Pháp

BIỂU SỐ III.

Tuổi tử	Hà-nội 1934	Pháp 1931
— 15 tuổi . .	618 tử	128
15 đến 55 tuổi.	284 —	237
trên 55 tuổi . .	98	635

(1) Viện Q.G.T.K., 1957 số 5.

NGUYỄN-QUANG-LÊ

Do bản đối chiếu trên thì lối 1934, trong 1.000 người chết tại Việt-Nam có 90% người dưới 55 tuổi và 10% trên 55 tuổi, khi ở Pháp dưới 55 tuổi chỉ có 36%, trên 55 tuổi 64% — Sự chênh lệch quá rõ rệt.

Phân phối theo tuổi của 1.000 người Việt chết tại Nam và Bắc-Việt năm 1951.

BIỂU SỐ IV

Loại tuổi	Sàigòn	Hà Nội Hải Phòng	Pháp 1950
Không biết tuổi.	—	3	—
0 đến 1 tuổi	328	265	78
1 » 4 »	154	233	14
5 » 9 »	30	64	3
10 » 19 »	41	58	9
20 » 29 »	97	129	21
30 » 39 »	91	57	25
40 » 59 »	160	118	164
trên 60 »	99	73	686

Với bản lược kê trên của Viện Thống kê, tuổi trung bình người Việt là 27. 48% người chết chưa đến 5 tuổi, khi mà tại Pháp 85% dân chúng chết trên 40 tuổi, và chỉ có 9% chết dưới 5 tuổi.

Bản lược kê tuổi tử ở Sàigòn Chợ Lớn và Việt-Nam (1954-1955)

BIỂU SỐ V

Tuổi tử	Sàigòn — Chợ Lớn		Nam — Phần	
	1954	1955	1954	1955
Tử sản	1.268	1.537	17.561	7.169
0 — 1 tuổi.	3.960	3.947	7.298	6.769
1 — 4 tuổi.	2.454	2.635	8.359	6.938
5 — 19 tuổi.	995	1.090	8.554	4.797
20 — 60 tuổi.	3.975	4.078	20.943	11.813
trên 60 tuổi.	1.536	1.606	5.942	5.718
không rõ tuổi.	—	—	561	692
Tổng số.	14.993	14.190	69.218	43.896

VẤN-ĐỀ DÂN-KHẨU Ở VIỆT-NAM TỰ-DO

Bản đối chiếu tuổi tử ở Sài Gòn — Pháp — Hà Nội Hải Phòng

(trong 1.000 người chết)

BIỂU SỐ VI.

Tuổi	Sài Gòn 1951	Pháp 1950	Hà Nội Hải Phòng 1951
Dưới 19 tuổi.	543	116	596
Từ 19-59 tuổi.	374	250	342
Trên 59 tuổi.	83	634	58

Số các phụ nữ đi lấy chồng dưới 20 tuổi, năm 1955 tại Việt-nam Cộng-hòa xấp xỉ đến 85% số phụ nữ lấy chồng từ 20 đến 29 tuổi. Phía nam nhi, số người cưới vợ dưới 25 tuổi lên đến 135% số người từ 25 đến 39 tuổi (1) (và cũng nên lưu ý là một số người sau này không phải lấy vợ lần thứ nhất).

b. — Lý do thừa tự: sinh đông con, và nhất là đông con trai là có hiệu với tổ tiên.

c. — Lý do đa thê, và mặc dầu nạn này sẽ bị cấm đoán, nhưng chưa chắc quan niệm người mình thay đổi dễ: vì giặc giã, số phụ nữ nay trội hơn đàn ông nhiều quá. Mà bởi vì những bà vợ thuận đi làm hầu thường thường là những người ít nghĩ xa, nên cũng không có lo ngại gì lắm trước sự sinh con đông.

d. — Lý do đại chúng còn nghèo khổ: nghèo và thiếu phòng xa thường đi đôi, nên hành động thường thiếu lý trí, thiếu cân nhắc.

3) — Phân số tử.

Viễn ảnh của phân số xuất sanh cao làm cho các giới kinh tế, chính trị càng

ái ngại về một điều lẽ ra phải vui mừng: với sự bành trướng của vệ sinh và những kế hoạch đại qui mô phân số tử mỗi ngày một giảm xuống. Đây là kết quả của những tìm tòi về trước: năm 1928, tại Nam-Việt, phân số tử là 27‰. Năm 1934, phân số này tại Hà-nội và toàn cõi Việt-nam xuống 22‰ (36% chết trên 15 tuổi; 64% dưới 15 tuổi) nhưng cũng còn là một phân số cao (Nhật và Phi-lật-tân: dưới 18‰). Trong những năm từ 1936 đến 1940, phân số ấy lên một chút tại Nam-Việt 23‰.

Về những năm gần đây, phân số kiểm được không lấy gì làm bảo đảm, luôn luôn ở dưới 22‰, và cứ ngày càng bớt. Như thế sự tăng gia liên tục và cứ mỗi năm việc tăng gia mỗi vượt mức năm trước là cả một áp lực nặng đối với sự phát triển kinh tế, — vì phải chu cấp phương tiện sống, và phát triển những tiến hóa mặt

(1) Năm 1955, tại Nam-Phân có 21.318 đàn ông dưới 25 tuổi cưới vợ, và 15.908 ông từ 25 đến 39 tuổi. — Phía nữ giới, dưới 20 tuổi mà lấy chồng: 14.450 cô, còn từ 20 đến 29 tuổi: 16.711 cô.

xã hội vì tòa nhà xã hội xây bằng cát gạch của nền kinh tế thành vượng.



Làm sao giải quyết vấn đề dân khẩu ? Kiểm soát sinh đẻ chẳng ? Chúng ta không thể đề cập đến vấn đề này ở đây, vì là một vấn đề luân lý mà sự quan trọng át cả câu hỏi : có phải tăng gia sản xuất kinh tế bằng mọi cách không ? Tuy vậy hầu như nước nào cũng đã có những biện pháp trực tiếp hay gián tiếp khuyến khích sự hạn chế, nhiều khi vì một lý do cao thượng : một gia đình quá đông anh em thì cha mẹ dù tiền triệu bạc muôn không tài nào giáo dục cho chu đáo. Nhưng những kết quả không ra gì khi những biện pháp gián tiếp ấy áp dụng cho những nước dân trí nhất là phái yếu chưa mở mang nhiều... Di dân chẳng ? Là giải pháp cổ điển, sự di dân đã từng được ngay cả người Pháp ở Đông-dương nghĩ đến từ 1926 và đã có dự tính và hành động kỳ khôi là đem người Bắc đi cày ruộng ở các thuộc địa Phi-châu, hay các quần đảo Thái-bình-dương (đến năm 1935 : 10.000 người nhưng sau họ về hầu hết). Nhưng là một vấn đề rất rộng lớn, liên can đến mọi lãnh vực tuyên truyền, kỹ thuật, giáo dục..., và chỉ thành công trong những trường hợp rất đặc biệt, sau khi tốn kém nhiều và cố gắng liên tục. Có lẽ những phương pháp di dân cổ truyền nên được xem xét lại, cách riêng có lẽ không nên quá « phô trương » kế hoạch di dân, vì như thế dễ tạo ra một

bầu không khí xung khắc giữa 2 khối di dân và sò tại dân, và chính trong khối di dân cũng hay nảy ra những mặc cảm khi tự ti, khi ỷ lại...

Tăng gia sản xuất chẳng ? Đây là giải pháp thực hiện được ngay, nhưng là một kế hoạch kinh tế, và đến sự khái niệm kế hoạch là khó rồi, chưa nói đến cả việc thực hiện, vì cần đến kỹ thuật, tiền bạc, hai điều kiện này tương đối khó mà cũng còn dễ, và cần đến 2 điều kiện nằm ngoài phạm vi kinh tế là thời cơ thuận lợi và sự ổn định nhân tâm. So sánh những con số sản xuất lúa của nước ta và nước ngoài là một việc hay đề lĩnh hội sự cần thiết nỗ lực canh tân vốn quốc gia : một mẫu ruộng ở nước ta trung bình sản xuất 1,2 lúa, ruộng rất tốt 2 T lúa, còn ở Ý hay ở Tây-ban Nha : 5 T. Trong cuốn « Les perspectives du développement économique au Vietnam », trang 33, các chuyên viên cũng đồng một ý ấy : « Les plaines du Sud ne sont pas utilisées pleinement... il existe de nombreuses régions qui n'ont pas encore été labourées... Il sera nécessaire d'utiliser la terre de façon plus productive, dans le cadre général du développement économique ». Và nói đến phương tiện của kế hoạch không những là chỉ dự trù chi phí chi tiêu mà còn cần nghiên cứu hẳn hoi tất cả mọi khía cạnh của chính sách tiền tệ, thuế khóa, tạo vốn, và mọi dự trù đề khuyến khích khả năng tiết kiệm và đầu tư v.v... Và song song với chính sách tăng sản xuất cũng thi hành một chương

VẤN-ĐỀ DÂN-KHẨU Ở VIỆT NAM TỰ-DO

trình nâng cao mức sống đại chúng, vì mọi kinh nghiệm đều cho hay mức sinh hoạt cao là lợi khí tự động của chiến dịch hạn chế sinh sản.

Được như thế, dân số Việt-nam ngày mai sẽ đáng gọi là cái « vốn » quý của nước nhà.

Sài-gòn, ngày 15 tháng 7 năm 1958.

NGUYỄN-QUANG-LỆ

LỀU CHỖNG

Tác phẩm kiệt tác của Ngô-Tất-Tố, *Mai-Linh* tái bản dày 450 trang là một cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách các bạn yêu sách, yêu đọc. Đang in số 1 trên giấy đẹp, có hạn. Các bạn muốn, xin viết thư đặt gấp nơi:

Nhà sách TÂN-SINH 116, đường Đinh-Tiền-Hoàng — Sài-gòn.

Kẻ có đạo đức cần biết hạ mình

Khổng-Tử một hôm ngồi rồi, bỗng thở dài mà than rằng :
— Trước đây, nếu Đồng-Đề-Bá-Hoa không chết đi, thì thiên hạ may ra có thể yên định lại được !

Tử-Lộ liền hỏi ngay :

— Xin thầy cho Do này được biết người ấy là bực thế nào ?

Khổng-Tử đáp :

— Người ấy, lúc còn nhỏ, siêng năng mà thích học ; khi lớn lên thì khỏe mạnh mà có dũng khí ; tới lúc già thì có đức mà biết hạ mình đối với kẻ dưới. Có đủ ba đức đó, đem ra để yên định thiên hạ thì có khó gì ?

Tử-Lộ lại hỏi :

— Khi nhỏ siêng năng mà thích học ; khi lớn lên thì khỏe mạnh mà có dũng khí, là điều hay và có thể làm được, song có đạo đức mà biết hạ mình đối với kẻ dưới, điều đó sao mà làm được ?

Khổng-Tử đáp :

— Trò Do không biết ; theo sự ta hiểu lấy số đông mà đánh số ít thì không khi nào không thắng ; là kẻ quí mà hạ mình xuống với kẻ tiện, thì không bao giờ không được. Ngày trước ông Châu-Công làm đến Trùng-tể (tên một chức quan lớn nhất trong triều đại nhà Chu), tay nắm cả quyền chính trong thiên hạ, mà hạ mình xuống với kẻ sĩ ở nơi bạch-ốe (túp nhà tranh), và mỗi ngày tiếp tới 170 người... Đó chẳng qua là muốn có được người tài giỏi để dùng vậy. Xưa nay bao giờ có hạng người đạo đức mà không biết hạ mình đối với những bậc quân tử ở trong thiên hạ ?

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

VƯƠNG-DƯƠNG-MINH

MỘT NGƯỜI ĐA TÀI CỎ KIM,
ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH LÀ HỌC ĐỂ LÀM THÁNH

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ĐỌC sử đông, tây, tôi chưa thấy ai vừa thông minh, có chí khí, hiểu học mà vừa đa tài như Vương-Dương-Minh. Nhất là đa tài. Nếu được một mình quân tin dùng, giao cho chức tể tướng thì tài chính trị, kinh tế của ông chắc không thua Quản-Trọng; nếu gặp đất, gặp thời thì võ công của ông cũng chẳng kém Nã-Phá-Luân vì ông có cái thuật không tổn một mũi tên, không chết một tên lính mà quy phục được hàng vạn phiên loạn. Văn thơ của ông đứng đầu đời Minh về cả phẩm lẫn lượng; triết học của ông thì ở Trung-quốc, sau Mạnh-Tử, chưa có ai bằng ông; mà lối chữ viết của ông cũng đặc sắc, từ đầu đến cuối hàng, liền một nét, vừa linh hoạt, vừa nghiêm cần, đến nỗi vua Khang-Hi phải thán phục là « thư diệp thông thần » (Lối viết cũng thông với thần linh); thậm chí đến những tư tưởng về giáo dục của ông cũng là độc

đáo, đi trước J.J. Rousseau gần ba thế kỷ, trước Montessori, Decroly tới bốn thế kỷ.

Mà đời ông long đong làm sao ! Có lần bị đánh bốn chục trượng đến nát thịt và chết ngất, rồi bị đày đến một miền mọi rợ trong hai năm; lần khác bị vu oan là loạn thần, xuýt bị tử hình; và sau khi dẹp giặc cho dân, đau nặng mà chết, còn bị kẻ tiểu nhân sàm tấu là không làm tròn nhiệm vụ, dám trái lệnh vua. Chỉ vì công nghiệp ông lớn quá, đạo học ông cao quá, nên ông mới khốn cùng như vậy. Chữ tài quả vẫn với chữ tai.



Thề chất ông vốn bạc nhược, từ nhỏ đến già đau vặt luôn mà lập nên sự nghiệp vĩ đại là nhờ công tu luyện và chí cương quyết học để làm thánh của ông.

Ông sanh năm 1472, triều Hiến Tôn nhà Minh (ngang đời Lê-Thánh-Tôn nước ta), ở huyện Dù-diêu, thuộc tỉnh Triết-giang ngày nay, trong một gia đình đạo đức, hiền đạt.

Một ông tổ xa của ông là Vương-Hy Chi, nổi danh đời Tấn (Lục Triều), lưu truyền lại bài *Lan-dình-ký* và một lối chữ tuyệt đẹp gọi là « thiếp Lan-dình ». Ông nội ông, Vương-Luân, là một nhà nho được trọng vọng về đức hạnh và văn học. Thân phụ ông là Vương-Hoa, đậu trạng, làm quan đến Lại bộ thượng thư. Hồi nhỏ ông quặt quẹo hoài, năm tuổi mới biết nói, cho nên nhà không bắt học sớm.

Nhưng ông rất thông minh: hồi tám, chín tuổi, chỉ nghe ông nội đọc sách mà thuộc từng đoạn dài. Năm mười một tuổi đã làm được thơ, và thơ có giọng triết lý rất già giặn, ai cũng kính phục.

Tương truyền rằng lần đó, ông nội ông cùng với bạn uống rượu trong chùa Kim-sơn, muốn làm một bài tức cảnh mà nghĩ không ra. Vương-Dương-Minh ứng khẩu làm được hai bài, một bài lấy đề là : *Tế nguyệt Sơn phòng* (nhà ở trên núi che khuất mặt trăng).

*Sơn cận, nguyệt viễn, giác nguyệt tiều,
Tiện đạo thử sơn đại ư nguyệt.*

*Nhược nhân hữu nhân đại như thiên,
Hoàn kiến sơn tiều, nguyệt cánh khoáng.*

(Núi gần, trăng xa, thấy trăng nhỏ,

Nên bảo núi nọ lớn hơn trăng.

Nếu người có mắt lớn bằng trời,

Tất thấy trăng to, núi đâu bằng)

Cặp mắt lớn bằng trời đó, chính cậu bé Vương-Dương-Minh đã có. Cậu dám

nghe ngờ những lời giảng sách của thầy học, cả những lời chú thích ngũ kinh tứ thư của Chu-Hi mà thời đó nhà nho nào cũng phải theo, sĩ tử nào cũng phải học. Cậu lại chê cái mục đích học đề cầu khoa hoạn của ông cha là thấp kém. Một lần cậu hỏi thầy học :

— Thưa thầy, ở đời có việc gì là cao hơn cả ?

Thầy học đáp :

— Thi đậu, ra làm quan để thờ vua, giúp nước, làm vẻ vang cho tổ tiên là cao hơn cả.

Cậu lắc đầu :

— Thưa thầy, con cho vậy là chưa cao, học làm được ông thánh mới là cao. Thầy học giật mình mà không dám cho cậu là ngông. Thân phụ cậu thấy cậu lập chí như vậy, cũng ngàì ngàì, con mình vẽ hồ không thành, nhưng biết cậu thông minh và nghiêm cần, nên cũng không rầy. Vả lại cậu vẫn vâng lời cha mẹ, chiều theo thói đời mà học tập từ chương. Nhưng học thì học, cậu không thấy hăng hái, không chuyên tâm, óc còn vẩn vơ, ý như chưa quyết. Mục đích đã hiện ra rồi đấy mà chưa biết phải theo đường nào để đạt được.

Năm mười lăm tuổi, nhân đi chơi ở cửa ải Cự-dung, phục tinh thần trọng võ của rợ Hồ phương Bắc, cậu bỗng nảy cái ý muốn thành một Phục-Ba tướng quân, đánh dẹp bốn phương, bèn theo các trẻ rợ Hồ, học cưỡi ngựa bắn cung, và bắn rất giỏi. Nhân trong nước có giặc cướp, cậu viết một bài sớ, toan dâng triều đình để hiến kế

đẹp loạn, bị thân phụ ngăn cản. Rồi chẳng bao lâu, cậu cũng quên cái mộng làm một vị đại tướng.

Hai năm sau cậu qua Hồng-đô ở Giang-tây để cưới vợ. Chiều hôm họp cần, bố vợ làm Thăm-nghe Bổ-chánh đi tìm khắp trong nhà và hàng xóm, không thấy chú rề đầu, cho lính đi lùng suốt đêm. Sáng hôm sau tân lang mới theo chân mấy chú lính về. Hỏi ra thì chiều hôm trước, Vương-Dương-Minh đi chơi lang thang ngoài phố, gặp một đạo sĩ, nghe thuyết minh phép dưỡng sinh mà quên cả cái đêm động phòng hoa chúc! Chỉ nội một chuyện đó cũng đủ cho ta phục ông là một ông thánh về hiểu học.

Trong thời kỳ trăng mật, ông say mê tập viết. Tìm được ở nhà vợ mấy rương giấy trắng, ông lấy ra nắn nót viết hết ngày này qua ngày khác, lập ra quy tắc này là mới đầu phải trầm tĩnh suy nghĩ, định rõ hình dáng của mỗi chữ trong óc rồi mới hạ bút đưa liền tay mỗi hàng chỉ có một nét.

Ở Hồng-đô hơn một năm rồi về nhà cha mẹ, nửa đường ghé Quảng-úy, yết kiến một danh nho đương thời là Lâu-Nhất-Trai, nghe giảng đạo nho, lại bừng bừng cái ý muốn học làm ông thánh.

Năm hai mươi mốt tuổi, Vương đậu cử nhân, theo cha lên kinh, tìm đọc hết các sách của Chu-Hy. Chu-Hy giảng hai chữ *cách vật* trong *Đại học* là « xét đến cái lý của sự vật, muốn cho những chỗ nhỏ nhất đến đâu cũng hiểu được thấu đáo ». (1) Vì ông cho chữ *cách* có nghĩa là đến nên người đương thời hiểu rằng ông khuyên người ta

tìm đến mọi vật để xét cái lý của nó ; dù là một cọng cỏ, một góc tường, một con sâu, một cục đất cũng có cái lý riêng, cứ nay tìm cái lý của vật này, mai tìm cái lý của vật khác, lâu dần gom góp lại sẽ hiểu thấu mỗi đạo. Vương-Dương-Minh đem thực hành ngay lời khuyên đó. Nhân chung quanh nhà có nhiều trúc, mà trúc tượng trưng cho người quân tử, ông cùng một người bạn họ Tiền, bàn nhau đi « cách cây trúc », nghĩa là tìm cái lý của cây trúc. Họ Tiền « cách » trước, sớm chiều ra ngồi dưới bụi trúc, xem xét tỉ mỉ, để nghiền ngẫm cho ra cái đạo lý của trúc. Nghiền ngẫm ba ngày mà chưa ra manh mối gì cả, thì họ Tiền mang bệnh. Ông hăng hái ra thay bạn, cũng « cách » tới, « cách » lui mà không hiểu tại sao có cây trúc. Đến ngày thứ bảy ông cũng phát đau, chán nản, thở dài : « Phải có số phận mới làm thánh được. Trời không cho mình làm thánh thì an phận làm người thường vậy. »

Và ông quay về học từ chương, làm thơ làm phú, nhớ sách cho nhiều, chẳng quan tâm về đạo lý nữa, để đợi khoa thi hội. Ông bị dìm luôn hai khóa, mặc dầu tài năng đậu cao. Bạn bè nhiều người lấy sự lạc đề làm xấu hổ. Ông bảo : « Thi rớt không xấu hổ, thi rớt mà buồn mới là xấu hổ. » Người ta phục ông nhưng cũng thầm ghét ông vì lời đó. Ông cao hơn thiên hạ mà tâm lý chung của thiên hạ là không muốn bị ai chê mình là thấp.

(1) Cùng chỉ sự vật chỉ lý, dục kỳ cực xứ vô bất đáo dã.

Sau khi rớt lần thứ nhì, ông không ôn lại kinh sử. Biên thùi phương Bắc đương náo động, chí nam nhi của Vương lại bùng bùng lên. Ông chuyên tâm học binh pháp, đọc hết bí thư của các binh gia, lấy những hột, những quả bày thành trận thế để nghiên cứu chiến lược với bạn bè.

Hai năm sau, ông hai mươi tám tuổi đậu Nhị giáp tiến sĩ, được bổ vào tập sự ở bộ Công-kế, cũng như bộ Công chánh ngày nay.

Từ đây bắt đầu những bước long đong trên hoạn đồ. Trước sau ông giữ cả chục nhiệm vụ khác nhau, có nhiệm vụ quan trọng, có nhiệm vụ thấp kém, khi ở bộ Công, lúc ở bộ Hình, lúc làm quan huyện, lúc làm tướng, có lúc lại làm tên cai trạm... Bất kỳ ở chức vụ nào ông cũng tỏ ra đặc lực, thanh liêm, khoan hòa, chính trực, thành thử người dưới bao giờ cũng trọng mà bọn tiểu nhân ở trên thì gườm gườm, chỉ muốn hại. Nhưng ông vẫn ghét hoạn đồ, chỉ mong được về nhà đọc sách tìm đạo. Hình như trong tiềm thức ông có sự mâu thuẫn giữa đạo Nho một bên, đạo Lão và đạo Phật một bên. Tôi nói trong tiềm thức vì sau khi nghiên cứu hai đạo Phật, Lão, ông vẫn chê rằng hai đạo ấy không hợp với nhân tình, nhưng tâm hồn của ông vẫn là một tâm hồn muốn thoát tục.

Năm 29 tuổi, nghe tin giặc cướp quấy nhiễu biên thùi làm triều đình lo lắng, ông dâng sớ hiến sách, chê các đại thần là bất lực, chỉ lo củng cố quyền vị, đề nghị kén người thao lược, giữ hình pháp cho đúng, gia ân cho

hạng cô quả để dân đỡ khổ, luyện binh cho kỹ nhưng giảm số lính cho đỡ tốn, và cho họ lập đồn điền để tự túc. Giọng ông mạnh bạo, lâm ly, chắc làm cho nhiều đại thần oán ghét, nhưng chưa ai dám nói gì cả.

Năm sau, vì lao tâm, ngày tra xét các án tù, đêm còn đọc sách đến khuya, nên bị chứng thổ huyết, cáo bệnh về làm nhà ở động Dương-Minh, cách Hàng-Châu hai chục dặm. Do đó có tên là *Vương-Dương-Minh* chứ tên húy của ông là *Thủ-Nhân*, mà tên tự là *Bá-An*. Ông nghỉ ngơi, tập phép dưỡng sinh của Đạo giáo, học các môn bói số. Sau ông nghĩ đó không phải là chánh đạo, lại bỏ, xoay qua Phật giáo, muốn xuất gia, nhưng chưa dứt được tình gia đình.

Một hôm vào một hang nọ, ông thấy một nhà sư ngồi tham thiền, tro tro như khúc gỗ. Ông lại, vỗ vai, hỏi :

— Thầy có nhớ nhà không ?

Đáp :

— Ôi ! Sao mà không nhớ cho được !

Hai ba ngày sau, ông trở lại, nhà sư đã không còn ở đó nữa. Ông tự nhủ : « Tổn công ba năm tham thiền như vậy mà vẫn còn nhớ cha mẹ, thì cái tình gia đình thực tự nhiên, thiêng liêng, không sao dứt được ».

Rồi tâm hồn ông bình tĩnh lại, ông quyết tâm bỏ đạo Tiên, đạo Phật, quay về đạo Nho. Năm ấy ông đã đến cái tuổi « tam thập nhi lập » của Khổng-Tử. Tính ra trong non hai chục năm, Vương đã bắn khoăn tìm một lý tưởng, một chân lý,

tư tưởng chuyển biến mấy lần : mới đầu tập cưỡi ngựa bắn cung, luyện đường quyền đường kiếm ; sau chuyển về văn tự, từ chương ; rồi vùi đầu trong lý học đến hóa đầu ; phải bỏ mà trở về từ chương ; đổ đạt rồi, học thêm binh pháp để mong giúp nước ; kể đó lại chán việc nước mà chìm đắm trong đạo thần tiên ; sau cùng nghiên cứu đạo Phật muốn xuất thế ; và bây giờ lại hoàn tục để tìm chân lý trong đạo Nho một lần nữa.



Năm 1504, ông về triều, vừa làm quan ở bộ Binh, vừa dạy học. Hai năm sau ông gặp một nạn lớn, xuýt chết. Vua Vũ Tôn lúc đó mới lên ngôi, tin dùng tên thái giám Lưu-Cận, ham mê tửu sắc, bỏ bê việc nước. Một vị đại thần dâng sớ can ngăn, bị bỏ ngục. Hai vị đại thần khác xin tha tội cho bạn cũng bị bỏ ngục luôn. Cả triều không ai dám hé môi, duy có Vương-Dương-Minh là khảng khái trách nhà vua rằng bắt tội những bề tôi thành thực can gián như vậy thì về sau, xã tắc có lâm nguy, cũng không ai dám bày tỏ ý kiến nữa.

Vũ-Tôn nổi giận, sai căng nọc ông ra, đánh bốn chục trượng, đến máu tuôn thịt nát, chết đi sống lại mấy lần ; rồi lại đày ông làm cai trạm Tong-Trường, tỉnh Quý-Châu, giáp Vân-Nam.

Tình cảnh ông lúc đó còn bi đát hơn tình cảnh Hàn-Dũ khi bị đày ở Triều-châu. Hàn và Vương đều ốm yếu, bệnh tật và đều phải đày tới những nơi ma thiêng nước độc, nhưng Vương còn có cha già mà Quý-châu lại xa hơn Triều-châu.

Đã vậy, Lưu-Cận còn sai kẻ tâm phúc theo dõi ông để ám sát. Ông đoán được, đến sông Tiền-Đường bỏ quần áo lại với một bài thơ nhẩy xuống sông, giả tự tận, rồi lội vào bờ núp trong bãi sậy đến tối mới đáp một chiếc thuyền buôn đi Chiết-Giang. Thuyền gặp bão, ông xuýt chết đuối thật, rút cục trôi giạt tới Phúc-kiến, leo lên bờ, đập gai vạch bụi, xuyên rừng mấy chục dặm mới thấy một ngôi chùa, gõ cửa xin ngủ trọ. Nhà sư không cho, ông đành vô ngả lưng trong một cái miếu vắng, ở giữa một khu rừng đầy những cọp.

Sáng hôm sau ông vào chùa, gặp ngay vị đạo sĩ đã quen hôm làm lễ cưới. Ông tỏ ý chán nản thời cuộc, muốn mai danh để tu hành. Vị đạo sĩ ngăn cản, bảo nếu làm vậy thì Lưu-Cận có thể vu ông theo giặc làm phản, mà hại luôn cả gia đình ông. Ông nghe lời, lên đường, ghé thăm cha làm Lại bộ Thượng thư ở Nam-kinh rồi trở lại sông Tiền-đường để xuống Long-trường.

Vợ con thì xa, bạn bè không có, sách vở cũng không mang theo được, mà chung quanh toàn là rợ Miêu man dã. Khí hậu thì độc, ngày nóng đêm lạnh, rừng núi âm u, nhà cửa không có, đến nỗi khi mới tới, ông với mấy gia nhân phải ở trong hang. Thề chất ông vốn bạc nhược, như vậy làm sao chống nổi ưu và bệnh tật ?

Muốn khỏi chết, ông phải thay đổi nhân sinh quan và tổ chức đời sống. Ông chịu nhận trước phần xấu nhất, cho rằng chỉ tới chết là cùng, và sai người đục quan tài bằng đá rồi nói : « Ta chỉ chờ mạng trời mà thôi ».

Ông nhất định đẩy lui mọi tư tưởng hắc ám, lo buồn. Trong bài *Ý lữ văn* đọc trước mộ bay thầy trò một người lại mục cũng ở trong cảnh ngộ gần gần như ông, cũng bị đòi đi nơi ma thiêng nước độc, không chịu được cảnh tuyết sương lao khổ mà chết, ông nói :

« Tôi rời quê cha đất tổ tới đây ba năm rồi, chịu chướng lệ mà vẫn còn sống là nhờ tôi chưa từng lo buồn đến một ngày. Nay tôi sầu bi thể này là lòng tôi nghĩ đến chú — tức người lại mục chết đường — thì nặng mà nghĩ đến tôi thì nhẹ đấy. Tôi không còn vì chú mà buồn nữa đâu ».

Ông lại rón tìm cái vui trong đời sống mới. Áo rách không có vải để vá, ông kết túm lại. Ăn cơm không có muối — vì miền đó xa biển mà mọi rợ, không ai chở muối lại bán — ông ngâm nga ít câu đề vơi nỗi lòng, rồi đùa bốn đề làm nguôi cái sầu xa quê của ba người theo hầu ông.

Rợ Miêu dã man, không biết lễ nghi, ông dạy dỗ họ, thi ân cho họ, và lần lần ông nhận thấy họ có chỗ khả ái hơn hạng người văn minh ở kinh đô, mà đem lòng yêu tính tình chất phác của họ. Họ cũng yêu lại ông, tự ý cất nhà và thư viện cho ông. Lần lần, học trò và bạn hữu ở phương xa lại, động đã biến thành một nơi văn học. Trong bài *Hà lậu hiên ký*, ông chép lại việc đó :

« ... Kỳ thủy ta tới đó, không có nhà mà ở, phải ở vào chỗ cây cỏ gai góc um tùm, thì uất ức lắm. Sau thiên cư sang ở trái Đông-phong, vào chỗ hang đá mà ở thì lại ẩm thấp, tối tăm.

Dân ở đất Long-trường, kẻ già người trẻ, hàng ngày lại thăm nom ta, mừng rằng ta không cho đất ấy là cô lậu mà có ý buồn. Vì ta có sửa sang ra một cái vườn ở nơi rừng rậm, dân ở đấy họ bảo rằng ta vui thú đấy. Họ mới cùng nhau đi đẵn cây, chở gỗ, đem về chỗ đất ấy làm ra một cái hiên để cho ta ở. Ta nhân trồng lên những cây tùng, cây trúc những các thứ hoa và các thứ có thể làm vị thuốc được ở xung quanh hiên. Trong hiên thì bày ra chỗ này là ngoại đường, chỗ này là nội thất, chỗ này là tiền xá, chỗ này là nội phòng, nào cầm thư, nào đồ họa, mọi đồ giảng tụng, du thích lược đủ. Học trò ở nơi khác lại học, cũng dần dần sum họp vui vầy. Rồi những người đến chơi cái hiên của ta chẳng khác gì đến chơi những nơi văn nhã ở chốn đô thành, mà ta quên hẳn cảnh ta là cái cảnh ở nơi rợ mọi vậy ».

(Bản dịch của Nguyễn-Đôn-Phục)

Ông lại tả động đó bằng những nét đơn sơ mà thi vị :

Đồng bộc cùng bảo nhau :

Động này ở cũng tốt.

Chạm tro sẵn nhờ trời,

Công người khỏi xây cất.

Suối biếc rủ màn là,

Sau bếp rõ mồn một.

Được rảnh rang, ông sáng tác nhiều : những văn thơ được lưu truyền nhất về phương diện nghệ thuật đều xuất hiện trong lúc tiếp xúc với thiên nhiên ấy. Và cái rủi của ông lại hóa cái may : nhờ bị đẩy tới Long-trường, ông mới thành một ông thánh, đạt được

mục đích đã tự vạch trên hai chục năm trước. Vì thiếu sách đọc, ông ôn lại trong đầu những điều đã học được, rồi bỗng kiếm được cái nghĩa lý *cách vật trí tri* như người đang mê hốt nhiên tỉnh ngộ. Ông vui quá, kêu rú lên, nhảy nhót như Archimède khi kiếm được định lý căn bản về khoa thủy tĩnh học. Ông cho hai chữ *cách vật* trong sách *Đại học* không có nghĩa là đến mỗi sự vật để tìm ra cái lý của nó, như người đương thời hiểu theo lời chú thích của Chu tử, mà có nghĩa là làm cho cái sự, cái ý thành chánh đáng, nói cách khác, là làm điều thiện, tránh điều ác. Chữ *cách* trong *cách vật* không có nghĩa là đến mà có nghĩa như chữ *chính* trong câu: *đại thần cách quân tâm chi phỉ* (đại thần sửa cái tâm chẳng tốt của nhà vua cho ngay lại.)

Hiểu hai chữ *cách vật* như vậy tức là chủ trương rằng đạo lý chỉ ở trong tâm người ta mà thôi, nếu tìm ở sự vật là sai lầm. Thực ra triết lý duy tâm đó, Lục-Cửu-Uyên đời Tống đã tìm thấy, Vương chỉ có công khuếch xung nó thôi, nhưng đã khuếch xung đến cực xức, sau này không còn ai hơn nữa. Ông bảo tâm là ý thức, là tính, là lý, là vật :

« Chủ thể của thân là tâm, phát động của tâm là ý, bản thể của ý là trí, sở tại của trí là vật. Ví dụ ý mình đề vào chỗ thờ cha mẹ thì thờ cha mẹ tức là một việc ; ý mình đề vào chỗ giúp dân yêu vật thì giúp dân yêu vật cũng là một việc ; ý mình đề vào chỗ nhìn ngó nghe ngóng, nói năng, cử động thì nhìn ngó, nghe ngóng, nói năng, cử động cũng là một

việc. Vì vậy cho nên tôi bảo rằng không có gì ngoài tâm ».

Ông lại nói :

« Kề về hình thể thì gọi là trời ; kề về sự chủ tể thì gọi là Vua, kề về sự lưu hành thì gọi là mạng ; kề về sự phú bẩm của con người thì gọi là tính ; kề về sự chủ tể ở trong thân thì gọi là tâm.

Tâm phát ra đối với cha mẹ thì thành ra hiếu ; đối với vua thì thành ra trung, cứ như thế mà đến khắp những cái tên biến hóa vô cùng, mà chỉ gốc ở một cái tính đó mà thôi. »

Năm sau ông lập ra thuyết *trí hành hợp nhất* và đây mới là điều phát minh quan trọng nhất trong học thuyết của ông.

Muốn hiểu thuyết đó, ta nên nhớ ông chỉ đứng về phương diện tâm học. Và hiểu chữ *hành* theo một nghĩa hơi khác ta. Tôi lấy một thí dụ. Ta thấy một việc thiện, đó là *trí* ; ta thích nó, đó là *cảm xúc* ; sau cùng ta rần sức để làm một việc thiện như vậy. Từ trước, ai cũng cho *biết* và *cảm xúc* là thuộc về phần *trí*, làm là thuộc về phần *hành*, như vậy *trí* và *hành* là hai việc khác nhau. Vương Dương-Minh cho *trí* là sự *biết* của tâm, *cảm xúc* là *hành* của tâm, còn *việc làm* là sự thành tựu của cái *trí* và cái *hành* của tâm. Vậy thì *trí* và *hành* chỉ là một, mà biết tức thì là khởi sự làm rồi, vì biết thì cảm xúc liền mà cảm xúc đó chính là cái hành của tâm. Xét rộng ra, ông còn cho chẳng những về việc thiện, việc ác, ngay những vật đẹp hay xấu, hễ trông thấy là ta có cảm xúc yêu hay ghét ngay, như thế cũng là tâm ta đồng thời vừa *trí* vừa *hành*, tóm lại *trí hành* cũng hợp nhất nữa.

Ông phát biểu chủ trương đó trong đoạn dưới đây :

« Mắt ta thấy sắc đẹp là thuộc về phần tri, bụng ta thích sắc đẹp là thuộc về phần hành. Phải biết ngay lúc trông thấy sắc đẹp, ta đã có ý thích rồi, không phải sau khi trông thấy rồi mới lập tâm để thích.

Mũi ta ngửi hơi thối là thuộc về phần tri, lòng ta ghét hơi thối là thuộc về phần hành. Ngay lúc hơi thối bay qua trước mũi ta, ta đã sẵn lòng không ưa rồi, chẳng phải đợi sau khi ngửi phải hơi thối, lúc bấy giờ mới lập tâm ghét nó. Ví dụ một người ngạt mũi, tuy thấy đồng phân đồng rác ở trước, nhưng lỗ mũi tắc tị, không ngửi thấy hơi hám gì cả, tự nhiên không ghét gì lắm, chỉ vì không từng biết hơi.

Ngay như ta khen người này biết hiếu, người kia biết lễ thì tất nhiên họ phải là người đã từng làm việc hiếu lễ rồi mới có thể khen họ biết hiếu biết lễ được chứ. Một người chỉ khéo nói chuyện hiếu lễ ở ngoài môi đầu lưỡi, chẳng có lễ nào như thế mà ta cũng cho rằng họ biết hiếu lễ cho được ?

(...) Như thế thì tri hành rõ ràng là một, phân nó ra làm hai sao được ? Đó là cái bản thể của tri hành không bị mọi điều tư dục trở ngại che lấp nó đi vậy. (1)

Nguyên lý là thế mà trong đạo học, tri hành càng phải hợp nhất hầu tránh cái tệ đề vật dục làm mờ ám con tâm.

Ông nói thêm :

« Ta xem người đời nay học vấn chỉ vì đem tri hành phân tách làm hai việc, thành ra có khi một ý nghĩ phát động ở trong tâm, tuy có bất thiện đấy, nhưng cứ tưởng mình chẳng đem việc ra làm thì chẳng hề gì, cho nên họ không tìm cách cấm chỉ trong tâm đừng nảy ra ý nghĩ như thế nữa.

« Bây giờ ta nói tri hành hợp nhất chính là để người ta hiểu rõ rằng lúc tâm họ có một ý nghĩ gì phát động thì sự phát động ấy tức là hành rồi đấy. Cho nên hễ khi người ta có một ý nghĩ bất thiện nảy ra, phải mau mau trừ bỏ, mau mau đánh ngã cái ý nghĩ bất thiện ấy đi lập tức, dù chẳng đem nó ra thực hành cũng thế.

« Ta phải trừ nó cho thật tiệt cả gốc rễ mới được, chớ để một ý nghĩ bất thiện nào nung nấu ần núp ở trong bụng ta. » (2)

Và ông bảo người học đạo phải như con mèo rình chuột, để hết tâm lực vào mồi, hễ thấy phát động ý nghĩ bất thiện nào thì diệt nó liền. Phép luyện tâm đó thực là nghiêm cần, dầu Khổng-Tử cũng không hơn.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

(1) Bản dịch của Đào Trinh Nhất.

(2) Bản dịch của Đào - Trinh - Nhất trong Vương-Dương-Minh (Tân-Việt.)

✧ Phải cố gắng gây cho mình tinh thần thích trách nhiệm. Ta hãy quyết định trước khi bắt buộc phải quyết định ; còn khi có trách nhiệm thì ta phải đi rước lấy nó mới được. (Foch).



Lòng văn nước Việt tự do vừa mất.

HỒ-BIỂU-CHÁNH

(1884 – 1958)

Nhà tiểu thuyết bình dân được mến trọng nhất.

NGUYỄN-HỮU-NGU*

Tin cụ Hồ-Biểu-Chánh từ già cõi đời đến với tôi không đột ngột, nhưng đã làm tôi ngậm ngùi, và không khỏi không ân hận. Ân hận vì cũng tưởng cụ vẫn trí sĩ ở quê hương cụ, tỉnh lỵ Gò-công, nào hay từ bốn năm nay, cụ lên dưỡng lão ngay tại trung tâm thủ đô, lúc đầu, và sau đây, ở ngoại ô, Phú-nhuận. Thành ra tôi chưa gặp lại cụ thì cụ đã không còn. Xưa kia cùng một số đàn anh và bạn bè quay quần chung quanh cụ đề lo việc văn chương cùng đạo lý (khoảng 1942-1944), rồi mỗi người mỗi ngả từ thu 1945, với bao đổi thay trong tâm tình, trong chí hướng, trong hành động; riêng tôi, từ giữa miền Trung hồi cư về Sài-gòn thu 1952, gặp lại vài anh em xưa từng đứng bên cụ đề vun vén cho tạp chí « *Đại-Việt* », cho tuần báo « *Nam-kỳ* »,

mà giờ gác bút, gặp lại anh bạn chủ bút tờ báo sau này, trường nam cụ, anh Hồ-Văn-Kỳ-Trân, tôi tự hẹn rằng thế nào cũng gặp lại cụ già khăn đóng áo dài từng hay ngồi chăm chỉ xem lại bài vở sắp giao cho thợ sắp chữ nhà in Thanh-Mậu, tại số 5 con đường có lẽ hẹp nhất và ngắn nhất của Hòn Ngọc Viễn-dông, con đường Reims, (1) cụ già, đã ân cần tiếp, thân mật trò chuyện với kẻ mới vừa qua ngưỡng cửa hai mươi như là với người cùng lứa. Có lần cụ vừa cười vừa nói với tôi:

« Xem văn anh Trinh-Nguyên dịch thuật chuyện đời xưa, thì tưởng anh tâm hồn chỉ là bay bướm; mà đọc bài anh bàn về « *Vọng cổ* » với anh Công-Minh,

(1) Giờ là đường Lê-Công-Kiều.

bài anh hô hào đồng bào ủng hộ sinh viên Nam-kỳ làm việc xã hội, thì lại thấy kẻ cánh con bướm liện, còn có kim con ong ham chích ! »

Rồi bỗng cụ nghiêm nghị :

« Hân con người trai trẻ và chiến sĩ trong anh Ngự không thích cộng tác mấy với hai tờ báo quay về dĩ vãng và suy tôn Thống chế Pétain, ca ngợi Đề đốc Decoux... Tôi không nhận, thì người khác nhận. Mà người khác thì... »

Cụ bỏ lửng câu sau này. Mà tôi cũng không chờ câu đáng lẽ phải thành lời : « Anh hiểu tôi phần nào rồi chứ ? », cũng chẳng lí nhí đôi câu xã giao gì.

Trong phòng nhà in dọn thành tòa soạn ấy, gần trưa một ngày hè bức bối, có hai người cùng giữ im lặng, một già đi gần trọn nghề văn, một trẻ mới chập chững bước vào nghiệp báo, cả hai đều nghĩ đến một Ngày Mai, nặng nề.



Cách đây năm năm, trên nhật báo « Phương-Đông », khi viết về tiểu sử và sự nghiệp văn chương của nhà tiểu thuyết họ Hồ, tôi đã có dịp biết rằng :

Cụ là người ham chuộng văn chương, có năng khiếu về Quốc văn từ lúc còn trên ghế nhà trường. Rồi tới khi ra làm việc, lúc ở dinh Hiệp-lý cũng như khi ở tòa bố Long-xuyên, bao giờ cụ cũng không quên liên lạc với các nhà văn đương thời và dịch sách, viết văn, làm báo... Từ năm 1910, cụ đã dịch « Tình sử » và « Kim cồ kỳ quan » để soạn thành cuốn « Tân soạn cổ tích » và bạn bè giúp cụ xuất bản hai truyện bằng thơ : « Vây mới phải », « U tình lục ».

Năm 1912, lúc ở Cà-mau, cụ viết

cuốn tiểu thuyết đầu tay : « Ai làm được ? »... và tiếp sau đó : « Vì nghĩa vì linh, Cha con nghĩa nặng, Cay đắng mùi đời, Chút phận linh đình, Chúa tàu Kim-qui, Ngọn cỏ gió đùa, Tiền bạc bạc tiền, Thiệt giả giả thiệt, Nam-cực tinh huy »... cho tới ngày nay, cụ đã để lại cho đời ngoài sáu chục tiểu thuyết (2) ; Với lối văn bình dị, đầy màu sắc địa phương, với cốt chuyện nhắm diễn tả đời sống của các tầng lớp nông dân, công nhân, tiểu tư sản, tiểu công chức..., những tác phẩm của cụ đã làm say mê tầng lớp trung lưu và bình dân nước Việt trong ngoài ba chục năm qua.



Và đêm nay, 6-11-1958, sau ngày cụ tắt thở hai hôm, cùng chị Trúc-Hà, anh Khuông - Việt, thay mặt anh Lê-Chi - Thiệp, đứng nghiêng mình với nén hương trước quan tài của bậc tiền bối đáng kính đáng thương này, nhìn ảnh cụ tươi vui, giản dị, thân mật như thuở xưa nào, và sau đó, ngồi đàm đạo với anh bạn Hồ-Văn-Kỳ-Trân, đọc một đoạn những lời ăn dặn thiết tha trời lại với cháu con sau đây, tôi thấy mình giờ đây lại biết thêm một điều.

Ra làm quan, về hưu, mà rồi lại phải ra làm cố vấn cho chánh phủ thực dân Pháp đang bị Nhật trói buộc, cho chánh phủ Nguyễn-Văn-Thỉnh đã bị Pháp gạt lừa..., cụ đều bị hoàn cảnh hoặc tình bạn chi phối. Và điều này hẳn làm cụ chẳng vui. Cho nên vì vậy mà trên mộ bia, cụ buộc ghi tên trong bộ đời dưới tên trước bạ trong làng văn làng báo ?

(2) Cụ còn để lại cho con cháu một số di cảo, trong đó có tiểu thuyết « Hi-sinh » viết còn dang dở.

Mộ của ta

(trích lời căn dặn thiết tha trời lại với con cháu)

« Hễ ta nhắm mắt thì muốn thợ đào huyết theo địa đồ ta vẽ và xây kìm lĩnh cho chắc chắn.

« Mộ chẳng nên làm nguy nga hay đồ sộ, trái với đức tánh của ta. Xây mộ đơn giản theo như kiểu mộ của bà ngoại các con cũng đủ. Nhưng trên nắp gấn một tấm cẩm thạch granito dài và khắc chữ như vậy :

HỒ - BIỂU - CHÁNH

tộc danh HỒ - VĂN - TRUNG

Sanh : 1-10-1885

Tử : (2)

Một mảnh thanh cần

Ngàn thu lạc tụng

« Chừng nào ta nằm yên nơi rồi, ngoài đầu đường vô, đặt treo một tấm bảng ngang đề 2 hàng chữ như vầy :

HỒ - BIỂU - CHÁNH

An tức viên

« Trên bàn thờ của ta, đừng sắm đồ kình cang, chỉ một cái bình đề cắm bông, hai chum đèn đề khi cúng cắm đèn cày với một cái lư cắm nhang mà thôi (...) »



Từ già cõi đời, cụ Hồ-Biểu-Chánh đề lại chúng ta gương giản dị : sống giản dị, viết văn giản dị, giản dị luôn đến lời trần trối.

Nhưng chẳng hay « nổi lòng » cụ có giản dị cho chăng ?

Cuối Thu năm mậu - tuất

NGUYỄN-HỮU-NGU

(2) Cụ an nghỉ ngày 4-11-1958, tại biệt thự "Biểu-Chánh".



Câu đối viếng HỒ-BIỂU-CHÁNH tiên sanh

- Cay đắng mùi đời, con nhà nghèo, con nhà giàu, tiểu thuyết viết sáu mươi ba thiên, vì nghĩa vì tình, ngọn cỏ cứng gió đùa, tình mộng mấy ai làm được.
- Cang thường nặng gánh, cơn khốc thăm, cơn cười gương, thanh cần trái bảy mươi bốn tuổi, thiệt giả giả thiệt, vườn văn xưa ghé mắt, đoạn tình còn ở theo thời.

Văn bối

ĐÔNG-HỒ - MỘNG-TUYẾT

đồng bài văn

Nam-đô, ngày cuối thu, năm Mậu-tuất



Phụ chú. — Những hàng chữ in đậm là chữ mượn tên tác phẩm của Hồ tiên sanh.

CHÚNG TA ĐÃ MẤT QUÁ NHIỀU...

ĐOÀN-THÊM

Thân gửi bạn C,

Anh có nhắc tôi nhiều lần hãy cố tìm M mới vượt tuyến vô Nam ít lâu nay, đề hỏi thăm tình hình ngoài Bắc và nhất là tin tức bạn bè thân thích còn vắng mặt ở đây.

Sở dĩ tôi không chiều ý anh, vì tôi đã nghĩ : chẳng hỏi thì cũng đoán ra, chẳng cần xem báo cũng biết thừa đời sống ngoài đó ra sao : chẳng qua vẫn đấu tố, dân công, đọa đầy, phá sản... hỏi nữa làm gì thêm chán ?

Song sự tình cờ hôm nọ khiến anh được thỏa mãn hôm nay : tối chủ nhật trước, tôi thấy H, người anh họ tôi dắt M lại chơi, vì yên trí rằng tôi mong gặp người xưa để nghe chuyện mới.

Tôi thú thực với anh, tôi không thấy gì vui thích, và những giây yên lặng, những câu hỏi gượng gạo của tôi chắc cũng khiến cho M và cả người bà con tôi ngạc nhiên hay thất vọng ; tôi cảm

thấy vậy, trước nét mặt chiêu đãi của H, qua lời nói ngập ngừng của M : họ tưởng tôi vồn vã tò mò, chứ không đến nỗi lạnh nhạt đề họ phải sượng sùng cụt hứng.

Tôi không muốn thế đâu, anh ạ : nhưng tự nhiên, thì làm thế nào ? Và rồi anh sẽ hiểu. Sau vài phút, tôi thấy mình bất nhá và ác nữa là khác, nên cũng... thôi thì chén trà điều thuốc, chẳng buồn nghe cũng cho mượn một tai.

Thấy M chỉ kể những sự mà chúng ta đã biết như tôi vừa nói ở trên, tôi bèn hỏi mấy điều muốn rõ : dạng cây si bên sông Nhuệ có còn xanh tốt không ? bến đá đầu thôn bị vỡ, có ai buồn chữa lại không ? mấy ngôi mộ tổ, cạnh quán sau làng, có bị phá phách như năm gian nhà cũ ? Tháp Rùa, Đền Ngọc, hoa Ngọc-Hà chợ Tết còn không ? v.v...

M chỉ trả lời được ít nhiều, không thể cho rõ chi tiết. Đại khái : « nó »

sửa chữa những gì cần cho nó, còn thì nhiều nơi bị phá vẫn còn bỏ hoang. Tôi hỏi : có phải M dè dặt không dám nói, vì e lời nói bay xa, sợ bị phiền chăng ? M cho biết là không phải, nhưng thú thực đã không còn đầu óc nào để chú ý tới cảnh vật, lúc nào cũng chỉ lo lắng, sợ sệt, đề phòng, và mong sao chóng thoát nơi địa ngục :

— Lúc nào cũng chỉ nơm nớp bị đi dân công, hôm nay tạm không đói thì mai liệu đủ no không, lò dò ngắm nghía gì, không biết chừng ngay anh em cũng ngờ là do thám, vớ vẩn một mình vẩn cảnh, ngộ lờ có kẻ bảo là lại duy tâm, lãng mạn tiêu cực, tiếc quá khứ tiêu tư sản.

Tôi tin rằng M thực thà, vì anh và tôi đã qua cảnh đó với tất cả cái nhẹn nhục và hèn hạ của chúng ta, mặc dầu chúng ta vẫn tự hào là thuộc giới trí thức, trong một xã hội bao đời văn-hiến! Ôi sĩ khí nho phong của anh và tôi ! Lê-Quỳnh thà mất đầu chứ không chịu gióc tóc : anh và tôi, cũng như M, đã có ngày sẵn sàng chịu gióc tóc hay từ bỏ cái gì quý hơn nữa, chứ chẳng chịu mất đầu ! Anh đã thấu chưa, anh ? Tôi không muốn gặp M, vì tôi đã phấp phỏng là thấy mặt M, tôi sẽ phải nhớ lại quãng đường mà chúng ta vẫn muốn ngàn dặm lang xa, cho chìm đắm trong sương mù dĩ vãng.



Mặc dầu tôi không hỏi, M cũng kể tin tức về mấy người mà M vẫn tưởng còn thân.

T, cháu tôi, khi trở về nhà, lam lũ và sắc sỡ, sau tám năm ở rừng rú ; T

được má nó cho cái áo len khá đẹp ; nó không cảm ơn thì thôi, còn trách nặng rằng : tiền mua len của thực dân là tiền bóc lột vô sản. Nó vút đi. Má nó muốn vô Nam, nhưng vì thương con quá, nhớ lâu ngày quá, cố nấn ná ở lại gặp mặt rồi sẽ hay, chẳng may quá hạn không đi được. Sau bao ngày chờ đợi nó, má nó chỉ mong được đôi lời hỏi thăm âu yếm, và loay hoay đan mãi chiếc áo len như Pénélope đan trong khi đợi chờ Ulysse.

N, bạn học của chúng ta, bạn chí thân của tôi trong hai mươi năm cho tới 1946, có tạt qua đảng nhà : má T, chị dâu tôi, đã tưởng rằng N tới hỏi thăm tôi, nên có cho biết đại khái từ 1948, ở hậu phương hồi cư về Hà-nội, thì tôi làm ăn ra sao, cảnh gia đình ra sao v.v... Sau khi ngồi nghe chừng nửa giờ, N lạnh lùng đứng dậy, nhìn vào những bức ảnh của tôi (vì tôi chẳng kịp mang theo gì, và giao nhà lại cho chị trông hộ), N chỉ vào ảnh và bảo chị tôi : « xin bà vui lòng bỏ cho tôi những tấm hình này đi thì hơn ! » Nói xong, N không chào, xốc áo ka-ki cổ Tàu, nện giầy bột lộp cộp, sập cánh cửa, và đi ra.

Anh đã thấy chưa ? Tôi đoán không sai mấy. Ích gì mà hỏi đến người ? Nên tôi chỉ hỏi qua về cảnh mà thôi.

Cỏ cây dầu có bị điêu linh, cũng vẫn còn cối rề do ông cha vun xới. Chớ người thân bạn cũ đã lạc loài như mất giống, trăm năm còn mong đợi nghĩa tình chi ?

Sang hèn cũng nên nếp thi thư, và đã được gia huấn theo luân thường đạo lý : nhưng cháu tôi đã thành ra cháu « Bác »

CHÚNG TA ĐÃ MẤT QUÁ NHIỀU...

rồi. Má nó đành như vậy đấy. Hỏi nữa làm chi cho máu huyết trào dâng ?

Còn bạn ! Cấp sách cùng nhau đi học từ khi bập bẹ Manuel ông Đỗ-Thận đến khi tranh luận về Boudtroux hay Bergson, hay cùng chế nhạo ông bụng phệ dạy Luật La-mã. Cùng mê man về phim Harold Lloyd hay truyện Nhạc-Phi, hoặc cùng tập xì xào bàn cãi về độc lập thực hay độc lập giả của Nhật-bồn ban cho.... đã mơ tưởng một đời giao kết như Montaigne với La Boétie, Saint-Mars với De Thou, Lưu-Bình Dương-Lễ, Yên Đồ Dương-Khuê... rồi cuộc « xin bà vui lòng bỏ các tấm hình này đi thì hơn. ? »

Tới 1946, khi N đã bắt đầu đổi khác, và nhạt dần với tôi đề thân với bọn L béo, hay Bác-sỹ C, tôi vẫn còn nghĩ : chẳng qua N tin rằng bọn họ là « quốc gia », theo họ đề đánh Tây và giữ nước, chứ N cũng chẳng đến nỗi theo trào nhuộm đỏ. Hơn nữa, khi lo rằng N ngã quá về bên kia rồi, khi biết rằng N và tôi mỗi người sẽ đi một đường, tôi vẫn còn nòng nòi tin rằng : nếu nhất thời lạc đường chẳng nữa, N cũng sẽ trở lại với mình khi vỡ mộng, và lại N cũng là dòng giống ôn hòa thi lễ, lại giàu tình cảm, thì chắc khi phong trào quá khích đã bùng bột, N lại quay về đường lối tiền nhân. Cho nên ngay khi dời bỏ Thượng-Du để thoát sự kiểm chế của bọn người phá hoại, tôi còn nhờ gửi cho N mấy vần thơ sau này, tuy thơ chẳng ra thơ, nhưng cũng cứ nhắc lại anh coi cho hiểu rõ tâm tình « ngây thơ » hay đúng hơn là sự ngu muội của tôi :

*Hai mươi năm trước được cùng anh
Nhẹ gánh cầm thư nặng mối tình ;
Đã tưởng Lưu, Dương dài nghĩa cả,
Xế chiều vẫn rạng bóng ngày xanh.*



*Đêm đông chợt tỉnh mộng thăng bình,
Giống tổ ào ào trận thất kinh,
Nam Bắc hoang tàn trong khói lửa :
Lỡ thời nghiêng bút tử công danh,*



*Chia tay ly biệt trước quân doanh,
Kẻ ở người đi dạ chẳng đành.
Chí lớn, anh qua vùng nước biển,
Tài hèn, tôi ần túp lều tranh.*



*Anh đi cho phi chí tung hoành,
Ván bạc ăn thua đợi hết canh ;
Một mất hai còn, cho dạ sắt :
Không xương, không máu sự không
thành ...*



*Tôi lo phụ nghiệp sắp tan tành,
Thắng, bại cơ trời vẫn bấp bênh.
Được bạc, dân đen khô cốt trắng,
Hương thừa tổ ấm, cũng nên đành.*



*Dậm hồng khuất khúc, chịu vòng quanh,
Nhẹ gót khoan thai chẳng tốc hành,
Chỉ gạt vung chân thành lạc bước,
Giật lùi vẫn ngổ tiến lên nhanh !*



*Sông trong bề lặng vắng cơn kình,
Nước Nhị non Nùng ánh nguyệt minh,
Bầu dốc tân xuân tiêu cự hận,
Phất phơ mai trúc rợp lan đình...*

(1947)



Nhưng vô ích ; đối với N, tôi đã chết ; từ 1946, tôi đã bị liệt vào hạng trí thức tiêu tư sản, lạc hậu và u mê. Rồi từ 1948, N đã bắt tin cho biết rằng coi tôi là thành phần phong kiến lỗi thời, nặng nề giá áo túi cơm, và mù quáng theo phản động trên đường tội lỗi, N không còn nhìn nhận tôi là bạn nữa.

Thực ra thì tôi nặng tình cảm chứ chẳng đến nỗi nặng cơm áo như N tưởng lầm ; tôi còn cố bền lòng, hy vọng rằng N cũng như một số cán bộ khác, sẽ thành thực trở lại con đường chánh nghĩa. Song đến 1950, sau khi biết rõ hành vi, thái độ và đôi lần cả ngôn ngữ của N qua các tài liệu chắc chắn mà tôi đã được xem, thì tôi đành gạt nước mắt cho tan giấc mộng. Trời đã sinh ra những con người như T và N, còn sinh ra làm chi Karl Marx với Lénine !

Đấy anh xem, mặc dầu trong lòng N tôi đã chết từ lâu, trong lòng tôi, tôi còn để cho N sống thêm một thời gian nữa. Nay thì N đối với tôi, chỉ còn là một danh từ trống rỗng : nếu tôi còn có sức giận hay ghét, thì có lẽ còn coi N là một sinh vật.

Tôi còn nhớ cảnh vật đất Bắc, vì làm sao quên được nơi cắt rốn chôn nhau ? Núi Tản sông Đà, non Nùng nước Nhị

là của tổ tiên trăm đời tôi diễm, chớ đâu có thể biến thành lãnh thổ của người ngoài... Vì thế chúng ta lưu luyến, và nếu không phải chúng ta, thì con cháu chúng ta sẽ vạch đường quyết thắng mà trở lại thu về cho giang sơn Hồng-Lạc.

Nhưng anh ạ, cảnh cũ thì tôi còn muốn nhìn lại, còn đối với hạng người cũ như T và N, tôi đành nhận một thực trạng vô cùng ác nghiệt : hết tình, hết nghĩa, hết chờ mong.

Vào đây, cũng vẫn sống trên đất nước ông cha, chúng ta được đủ điều kiện xây dựng lại đời tư đời công, và tin tưởng vững chắc rằng dân tộc sẽ có ngày mai tươi sáng.

Nên tuy phải mất nhà, mất cửa, tạm mất cả những cảnh vật cố hữu như lũy tre xanh hay bông đào thắm, chúng ta buồn nhưng không đến nỗi đau.

Vì nhà phá rồi, nhà lại dựng xây ; hoa Đàlat còn đẹp hơn hoa Nghi-Tâm, Xuân-Tảo.

Nhưng đau, và đau thấm thía, là mất một cái không bao giờ trở lại : đó là những con người đã cùng ta sánh bước khá lâu trên một quãng đường dài, mà nay rẽ ngã, thậm sâu hơn là rẽ ngã âm dương ; — hay đúng hơn, là những tâm hồn đáng lẽ thân yêu, nhưng đã bị giông tố của thời đại phũ phàng lôi cuốn mất, lôi cuốn đi khỏi cả lòng ta...

Tôi mong được gọi anh là bạn mãi mãi.

Đ. T.

CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HỌC MỚI

NGUYỄN-ANH-LINH

NƯỚC nhà đang trải qua một cơn biến động trầm trọng về giáo dục. Hồi ở nước nào lại quảng cáo cách rầm rộ các trường trên mặt báo hằng ngày như ở nước nhà, coi giáo huấn như thương mại; nạn « đầu cơ giáo dục » đang mãnh liệt hoành hành khắp xứ: giữa giáo sư và học sinh hiện có những mối liên lạc mới.

Ai có nhiệm vụ với xứ sở cũng phải lo ngại. Nỗi lo ngại của Tổng Thống đã khiến ngày 25-4-1958 một hội nghị sơ bộ gồm trên 50 vị giáo sư Trung, Đại-học, công lập và tư thực, và một số nhân sĩ, nghiên cứu nguyên tắc căn bản và ấn định những điểm thiết yếu của chương trình mới.

Tiếp đó, hơn 100 giáo sư được sung vào 9 tiểu ban đề soạn thảo và phân phối chương trình từng môn: kết quả là nghị định số 1286-GD/ND ngày 12 tháng 8 năm 1958 ấn định chương trình Trung học.

Chương trình này có nhiều sửa đổi hợp thời như tránh lối học « nhồi sọ », tránh lối « thi tú », đề cao quốc học, nhấn mạnh vào Hán-Việt...

Dưới đây, xin nêu lên một vài ý kiến về vấn đề chuyên khoa ở đệ nhị cấp và việc tự do lựa chọn một sinh ngữ chính ở đệ nhất cấp.



Chuyên môn đi trái ngược với phổ thông: tôi chuyên một môn, một nghề, tức các môn khác, các nghề khác, tôi không lưu tâm đến, nếu chúng không liên can trực tiếp đến ngành tôi đã lựa chọn.

Nhưng lựa chọn là hạn chế, là thu hẹp nhân giới: con người bách khoa khác con người nhất nghệ về tâm tình cũng như đời sống.

Trong lịch sử giáo dục, thuyết chuyên môn và thuyết phổ thông đã từng và hiện đang xô xát nhau: người chủ trương

sớm cho trẻ chuyên nghiệp ; kẻ yêu cầu trẻ học bách khoa ; thuyết cảm kỳ thi họa, hay văn võ kiêm toàn vẫn được áp dụng ở các nước Âu Á từ cổ cho đến thời kỳ kỹ nghệ xuất hiện.

Cuộc huấn luyện binh sĩ ngày nay cũng là phản ảnh của cuộc xô xát đó ; khác với đại chiến thứ nhất, người lính hiện giờ, khi bí kế, ngoài việc điều khiển súng ống, có thể lái xe hơi, xe tăng...

Cũng vì thế mà trong chương trình trung học phổ thông của Pháp, thời Pétain, đã có người đề nghị cho học sinh Đệ IV học Triết-học đại-cương...

Chương trình trung học 1958 đã giải quyết nhanh chóng và dễ dàng vấn đề thắc mắc trên. Trong dự án chương trình trên có nêu một đoạn như sau : « Sau khi cho học sinh một nền giáo dục phổ thông ở đệ nhất cấp, chương trình mới, bậc Đệ nhị cấp, đã hướng dẫn học sinh vào chuyên khoa một cách rõ. Đệ nhị cấp gồm 2 ban : Văn chương và khoa học. Ban văn chương chia làm 2 ngành : Sinh ngữ và cổ điển, và ban khoa học gồm khoa học toán và khoa học thực nghiệm... Việc hướng dẫn mạnh học sinh vào chuyên khoa, ngoài mục đích sửa soạn học sinh vào Đại Học, còn tránh được lối học bách khoa nhồi sọ. Biện pháp này còn giúp cho một số lớn học sinh có những khả năng chuyên môn có thể thi đỗ dễ dàng, và như thế sẽ mở đường tiến cho một số nhân tài mà trước kia chương trình bách khoa đã là một trở lực lớn cho họ. » (Dự án : trang 2)

Chúng ta cần nghĩ sao ?



Có hai thái cực : thế kỷ thứ 19 đã tạo nên nền kỹ nghệ hiện thời và một trật giới thợ thuyền chuyên môn, chuyên môn một cách quá đáng. Vào hãng Renault, chúng ta sẽ thấy mỗi người chỉ làm một công việc nhỏ bé, như xoay hai, ba đinh ốc khi bộ máy ô-tô đang được ráp đến trước mặt mình ; phải làm đúng thời hạn đã định, nếu không, máy sẽ qua mất : như thế gọi là Phân Công (Division du travail). Đứng làm như vậy cả ngày, cả tuần, cả tháng, cả năm, trong cảnh xôn xao, người thợ đâm ra chán nản, mất cả tính người (aliénation) như trong một phim, bác thợ Charlie Chaplin ra khỏi xưởng, thấy cúc áo của người đi trước mình liền chạy đến xoay ốc...

Cái chuyên môn cực độ đó đã đưa giới thợ thuyền đến chỗ tranh chấp với chủ xưởng hay tư bản. Giải quyết vấn đề giai cấp đấu tranh một phần nào là giải quyết cách tổ chức làm việc liên tục (travail à la chaîne) mà Henri Ford đã khởi xưởng lên : tiện lợi thật, nhưng phạm đến chính nhân phẩm con người. Ra khỏi xưởng, vật chất được thêm giá trị, nhưng con người lại bị thuyên giảm.

Thái độ trái ngược là vì sợ làm tổn thương cho phẩm giá con người, vì không muốn bị gò bó vào một kỷ luật nào, nên cái gì cũng muốn biết, muốn học, nhưng dĩ nhiên biết cách mơ hồ nông cạn : phải chăng đây là tâm trạng của người ham mê nghệ thuật mà không muốn đào sâu (dilletanti) ; của người hào nhả (honnête homme) hay gentleman ở Pháp, Anh ; của người quân tử ?

Xưa kia, vì môn học, nghề nghiệp còn ít, ta có thể thấy những người thông tài bác thức ; nhưng nay với đà tiến triển của khoa học, không ai lại có thể tự hào bao quát và triệt thấu những khám phá hay phát minh của nhân loại trong mọi ngành hoạt động.

Chung quy, cần phải chuyên môn, dù biết rõ nó sẽ làm cho ta mất thể quân bình, tâm hồn bất an : Bergson, trước khi vấp thân vào triết học đã phải ngưng do dự, vì sẵn có những khả năng xuất sắc về toán pháp.



Cái khó là định rõ tuổi chuyên môn. Câu hỏi này lệ thuộc vào cách giải quyết vấn đề cưỡng bách giáo dục.

Thời chính phủ Nguyễn - Văn - Tâm, trẻ Việt phải đi học cho đến tuổi 13. Bị chất vấn sao lại tuổi 13, mà không 14, 15, bộ Giáo-dục lúng túng cho biết : « Cần nêu lên một tuổi nào đó, nhưng đâu có ngân sách để thi hành...! — không thi hành thì thôi, chứ nêu lên một tuổi trong chương trình một nước mà không dựa vào nguyên tắc nào sẽ làm dịp cho nước ngoài chỉ trích. »

Việc cưỡng bách giáo dục căn cứ vào sự phát triển của trí tuệ. Binet-Simon ở Pháp, Terman-Merrill ở Mỹ, bằng vào những trắc nghiệm, đại để có thể cho biết đến tuổi nào tinh thần trẻ em hết bành trướng, nhưng thân thể chúng ta, đến 25 tuổi là đạt đến mức tối cao. Simon cho rằng trẻ lên 15, trí tuệ bắt di dịch : học thêm, kiến thức sẽ mở rộng, như quá 25 tuổi chúng ta có thể phì ra mà không thêm được tác nào.

Thực ra, trí tuệ tiến bộ cách rõ rệt cho đến 13 tuổi ; quá tuổi đó, những khả năng xuất hiện làm khó dễ việc đo lường sự khuếch trương của trí tuệ. Theo Terman, trên 16 tuổi, trí tuệ lệ thuộc vào tính tình, vào ý chí, vào cảm tình : trẻ khác nhau ở « trí lực » (Brightness). Theo Spearman, nó liên hệ đến « yếu tố g » (general factor), tức là nhân cách mỗi người : như vậy, trí tuệ và nhân cách chặt chẽ liên kết với nhau.

Dựa vào những khám phá đó, tuổi cưỡng bách giáo dục ở nước Pháp là 15. Một phần muốn nâng cao nền học vấn, và để trẻ được hoàn toàn nẩy nở với những yếu tố tình cảm, một phần vì kinh tế dồi dào, nước Mỹ hạn định tuổi bỏ trường là 18, 19.

Phần đông học sinh nghèo hay học sinh tối dạ, đến tuổi 15 là về nhà giúp gia đình, tìm kế sinh nhai. Vì thế, tuổi đó, chương trình học tập là một chương trình « phổ thông », gồm những môn cốt yếu, đề ra đời trẻ sẵn có một mớ vốn liếng giúp trẻ phán đoán.

Những ai còn theo đuổi, chúng ta đừng vội cho chuyên môn quá : tuổi đó cảm tình xuất hiện, trí tuệ sẽ bị xao xuyến, nhưng dần dần sẽ được ổn định và trẻ sẽ tiến điều hòa. Cần dung hòa văn chương với khoa học, vì, có thể nói, văn chương tương trưng cho cảm tình, và khoa học, cho lý trí : tách biệt ra từng ban quá ư rõ rệt như ở Dự Án cải tổ chương trình trung học ở nước nhà : Đệ Tam, Đệ Nhị, ban văn chương, toán pháp chỉ có một giờ, là đưa học sinh Việt-nam đến chỗ sớm mất thăng bằng, là đi trái ngược với chính mục

đích của chương trình mới : « nền giáo dục Việt-nam phải là một nền giáo dục nhân bản, tôn trọng giá trị thiêng liêng của con người, lấy chính con người làm cứu cánh, và như vậy, nhằm mục đích phát triển toàn diện con người. »

Muốn phát triển toàn diện con người, cần hỏi xem con người có gì trước đã ! Pascal chia ra hai hạng người : hạng người suy luận theo khoa học (*esprit géométrique*) và hạng người suy luận theo văn chương (*esprit de finesse*). Lịch sử văn học minh chứng : những bậc nhân tài hay con người toàn diện về mặt trí dục phải là con người sẵn có và dung hòa được hai yếu tố trên. Chỉ văn chương, vì thiếu hẳn thiết thực, suy tưởng trên không : xưa kia, Trung-hoa, Việt-nam, Byzance, Athènes, Roma và mới đây Pháp quốc trước Đại chiến thứ II, không thiếu hạng người hùng biện : biện cố càng trầm trọng, diễn văn càng hùng hồn, và kết quả đất nước sụp đổ. Chỉ khoa học, con người lại đâm ra khô cứng, cử chỉ cứng rắn, lý luận khó bề cảm phục nhân tâm, xa cách quần chúng.

Vì thế, thi viết tú tài phần I cần duy trì môn toán cho mọi ban, để phớt bỏ những học sinh thiếu óc khoa học và đưa lên Đại Học những ai đã có một nền trung học khá đáng, vững chắc ; Ở tú tài phần II, tuổi đã lớn, chúng ta có thể bắt đầu cho chuyên môn cách rõ rệt, mà không phương hại đến thể quân bình nữa.



Chương trình mới, lại lập thêm một ngành mới trong ban văn chương : ngành cổ ngữ La-tinh. Phản ứng đầu tiên của giới trí thức là sự ngạc nhiên ! Văn hay tiếng La-tinh đã có một ảnh hưởng vào văn hóa nước nhà, và tiếng đó vẫn được học và dùng giữa hàng Giáo Phẩm và ở Chung - Viện Công - giáo Việt - Nam. Nhưng vì một thiếu sót mà dành một ngành riêng trong chương trình Trung Học Quốc Gia thì thật là quá đáng !

Bảo rằng cần học La-tinh để hấp thụ lấy nền văn hóa Âu-Châu, thì cũng không được đúng cho lắm, vì cái hay ho của văn hóa La-tinh là do ở văn hóa Hy-Lạp, mà Renan gọi là « một phép lạ ». Như thế, học tiếng Hy-Lạp thì có nghĩa hơn.

Viện có học tiếng La-tinh để nghiên cứu tài liệu xưa, thì sao lại không học tiếng Phạn, tiếng Chàm...? (1)



Cái đặc điểm cuối cùng của chương trình là cho phép lựa chọn ở Độ I cấp một sinh ngữ hoặc Anh, hoặc Pháp, vì mấy năm qua, học hai thứ tiếng, nên trẻ em không thông thạo được tiếng nào. Các bậc phụ huynh hy vọng Bộ Giáo Dục sẽ

(1) Còn nếu có dụng ý muốn đi xa hơn và sâu hơn, là muốn huấn luyện cho học sinh cái nào qui cũ hay cái óc khoa học bằng nền văn học La-tinh Hy-Lạp thì đó lại là một vấn đề vô cùng khó khăn, vô cùng trọng đại chẳng những cho học sinh trung học và sinh viên đại học, mà cho chung cả tiền đồ văn hóa nước nhà. Vấn đề ấy đòi hỏi chúng ta suy nghĩ nhiều, cân nhắc nhiều, thảo luận nhiều nhất là tìm hiểu nhiều, chứ không phải chỉ nguyên việc thêm môn La-tinh vào chương trình trung học đệ II cấp là đã giải quyết xong.

định hướng cho con em mình theo. Nhưng giới trí thức điều khiển vận mệnh nước nhà không nở dứt tình với tiếng Pháp mà cũng không thể nhạt tình với tiếng Anh, nên đành để môn sinh ngữ chính cho được tự do chọn lựa. Cái tự do đó có hậu quả là đã gieo một niềm thắc mắc cho các phụ huynh học sinh, có lẽ vì lây cái tình thần do dự của chương trình, mà thành ra phân vân không biết nên chọn lựa cho con em mình sinh ngữ nào cho thích hợp và có lợi về sau.

Cũng như khi phế bỏ thi văn đáp ở Trung Học Đệ Nhất cấp, chương trình mới, vô tình hay hữu ý đã chiều theo tâm lý một số học sinh mà hướng theo

chiều dễ. Sống ngày nay là nỗ lực không ngừng là tranh đấu gian khổ. Phải chăng hiện nay chính là lúc nên nâng cao chương trình lên để khuyến khích những học sinh có trí và có chí, hơn là hạ nó xuống để nâng đỡ cho một số kém khả năng, kém cố gắng.

Tổng thống nhiều lần tỏ ý lo ngại về trình độ văn hóa sút kém của học sinh, sinh viên, như lời mở đầu về lý do cải tổ chương trình Trung học đã nhắc tới. Liệu chương trình mới có giải quyết được mỗi băn khoăn trên đây của Tổng thống mà cũng là của toàn dân không ?

NGUYỄN-ANH-LINH

Mấy điều ước muốn của vua Tống

Khổng-Tử vào chào vua nước Tống. Vua Tống hỏi :

— Tôi muốn có nước được lâu dài ; tôi muốn cho dân không nghi hoặc ; tôi muốn cho kẻ sĩ đều hết sức ; tôi muốn cho mặt trời, mặt trăng được đúng thì tiết ; tôi muốn những bậc thánh nhân tự tới với mình và muốn cho các quan lại, các phủ nha được chỉnh đốn. Vậy phải làm thế nào ?

Khổng-Tử đáp :

— Những bậc vua thiên thặng (nước lớn có hàng ngàn cỗ xe) hỏi tôi cũng nhiều, nhưng chưa có ai hỏi kỹ được như nhà vua. Tôi nghe : « Đối với các lân quốc có tình thân thì có nước được lâu bền... Không giết kẻ vô tội, không tha kẻ có tội thì dân không nghi hoặc ; kẻ làm quan được bổng lộc hậu thì hết sức tận tâm ; tôn Trời thì mặt trời mặt trăng đi đúng thì tiết ; trọng người có đạo, tôn người có đức thì thánh nhân khắc tới với mình ; tin dùng kẻ tài năng mà truất bỏ kẻ hèn kém thì quan lại nha phủ sẽ chỉnh đốn lại được. »

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

THỂ HỆ J 3 Ở PHÁP VÀ ANH

CÔ-LIÊU

HIỆN nay dưới trời Âu dư luận công chúng sôi nổi về những sáng tác văn nghệ của một số nghệ sĩ trẻ tuổi. Người ta gọi họ là thể hệ J 3. Tên tuổi họ chiếm hàng đầu trên báo chí, nghệ phẩm của họ làm đầu đề cho những cuộc thảo luận sôi nổi. Thành công về phương diện văn nghệ, họ lại thành công cả về phương diện thương mại. Là những người trước đây còn sống đời thanh đạm của học sinh hay nghệ sĩ tối tăm, ngày nay họ bàng hoàng trước những số bạc khổng lồ kiếm được quá dễ dàng và đột ngột.

Hiện tượng J 3 xuất hiện ở Anh và ở Pháp, những vai trò chủ động không quá 30 tuổi đã làm công chúng kinh ngạc vì trí óc sáng suốt phi thường, khả năng kỹ thuật chắc chắn. Người ta có cảm tưởng là thế giới sẽ thuộc về tuổi trẻ. Nhưng cũng có người yếm thế cho rằng văn minh hiện đại đã đẻ ra những quái thai ấy, và rất lúng túng

về họ như tình trạng một người cha đối với đứa con thông minh nhưng ngổ ngược.

Lớp thanh niên này trưởng thành trong khói lửa chiến tranh, giữa lúc con người thời đại được rèn đúc bởi hai nguồn kích thích : một bên là căm hờn, tủi nhục và đói khát, một bên là dũng cảm, độ lượng và hy vọng, vì lý tưởng chiến tranh, vì tiếng gọi của tự do, của tổ quốc. Chiến tranh đòi hỏi một dân tộc cố gắng đến cực độ để vận dụng khả năng tạo tác mà bảo vệ sự sống còn. Đó là một sự kiện có thể cắt nghĩa được một phần nào thanh niên ngày nay sớm trưởng thành về trí tuệ và tâm tình. Họ minh mẫn và sáng suốt phi thường cho nên sáng tác văn nghệ vượt hẳn sự nghiệp của thể hệ trước ; cha anh họ trong nửa đầu thế kỷ này hầu như ngủ mị trong một trạng thái tâm thần mệt mỏi, không lưu lại cái gì chịu đựng được với thử thách thời gian. Học làm người trong



Họa phẩm « Jeanne d'Arc » của Bernard Buffet.

những khung cảnh xã hội đẫm máu và nước mắt, những tâm hồn ấy sao khỏi hoài nghi những giá trị tinh thần của bao thế kỷ văn minh, sao khỏi bị vò xé bởi những thắc mắc về lòng người điên đảo ? Họ đã tự tạo lấy một triết lý về sự sống : phải đi tới đích với bất cứ giá nào. Sự kiện ấy biểu hiện một sức sống mãnh liệt với tất cả cái gì là tiêu cực, phình phờ, phá hủy, lẫn với cái gì là tích cực, chân thành và xây dựng.

Muốn có một ý niệm về hiện trạng đó chúng ta phải tìm hiểu thân thế, sự nghiệp và tâm hồn của thể hệ J 3, những đứa con thời đại được nuông chiều bụ bẫm.

Thể hệ J 3 của nước Pháp

Hội họa và Bernard Buffet.— Buffet đứng đầu nhóm người tiên phong của văn nghệ Pháp. Những bức tranh của họa sĩ nói lên tâm trạng u buồn của thể hệ trẻ tuổi.

Sinh trưởng trong một gia đình tư chức, cậu bé Buffet mới hơn 10 tuổi khi chiến tranh tàn phá nước Pháp, vì thế cậu biết hơn ai hết, tủi nhục, đói khát và sợ hãi. Người cha không sản sóc gia đình, phó mặc cho một bà cô nghiệt khắc cai quản. Mẹ Buffet là người đàn bà hiền hậu, phục tòng, nghĩa là nạn nhân của gia đình ấy. Cậu bé Buffet ngoài mặt lăm lăm ít nói nhưng trong thâm tâm đã âm thầm đau khổ vì những cảnh bất công trong gia đình và đã bắt đầu phản đối hành vi cử chỉ của người lớn. Ở trường học cậu là một học sinh tối dạ đến nỗi thầy học phải khuyên cha mẹ nên chọn con đường khác cho con. Buffet chỉ có khiếu về môn vẽ, cậu lựa ngành hội họa. Vậy là con đường đã vạch sẵn. Buffet đã theo con đường mỹ thuật để tìm nguồn an ủi tinh thần và lẽ sống.

Một biến cố quan trọng đã ảnh hưởng



Họa phẩm « Les champs-Élysées » của Bernard Buffet

lớn lao đến nghệ thuật của Buffet: cái chết của người mẹ hiền hậu xảy đến trong dịp hai mẹ con đi nghỉ hè tại miền Bretagne. Vừa tới nơi được 3 ngày thì mẹ lâm bệnh phải cấp tốc đưa vào bệnh viện. Hai tháng sau mẹ chết. Buffet oán ghét xã hội vô tình trước cảnh bi thảm của mình, có lẽ những nét đau thương trong nhiều bức họa của ông đều phảng phất ít nhiều hình ảnh đau khổ bà mẹ lúc từ trần.

Buffet được người ta đề ý đến từ năm 1947. Các nhà buôn tranh bắt đầu đặt mua trước tác phẩm của ông. Trong 10 năm kéo cày vất vả như trâu, sống thanh đạm gần như thiếu thốn, Buffet đã hoàn thành một số họa phẩm lớn: 1500 bức họa đủ các đề tài, Có bức đáng giá tới 2 triệu quân Pháp.

Buffet tạo ra những nhân vật kỳ quái, giải ngoẵng, ốm nhom, những bộ mặt nhăn nhó bộc lộ sự đau đớn, sự thất vọng một cách mãnh liệt (coi các bức họa Auto-portrait, Le buveur assis, Crucifixion).

Các nhà phê bình hội họa nhận thấy nghệ thuật của Buffet là nghệ thuật của sự mâu thuẫn, mâu thuẫn từ bút pháp đến tính chất hội họa. Nhất chí xen lẫn bất nhất, thành thật lẫn ép gượng, táo tợn lẫn e dè, lập dị lẫn thông thường, hỗn nhiên lẫn kỹ xảo. Một sự gập gờ của những khuynh hướng hội họa trái ngược nhau được một bàn tay nghệ sĩ chắc chắn diễn tả đến mức độ tinh vi.

Nghệ thuật của Buffet tượng trưng cho một điệu đàn kỳ lạ và trầm buồn diễn tả sự đau thương, sự tủi hổ, sự

căm hờn, sự ghê tởm đời sống, tiếng vang của những thảm trạng chiến tranh. Ý nghĩa của những họa phẩm đó bắt nguồn từ một thái độ của thanh niên có thành kiến về xã hội. Họ từ khước, nền nếp của cha anh, không nhận lấy trách nhiệm trước xã hội mà quay về thăm vấn nội tâm để tự kiếm lấy sự giải thoát. Nhà phê bình văn nghệ J. Cocteau đã dùng những biểu tượng quá thông minh để tả tâm hồn của Buffet đang bị sáo động bởi sự tranh chấp âm thầm những khốc liệt của những tư tưởng mâu thuẫn nhau làm cho chính mình không thỏa hiệp được với mình. Buffet tự khai chiến với Buffet.

bộc lộ một hình thái của đời sống khác thường. Người nghệ sĩ trẻ tuổi không đặt mình vào cảnh đời hiện tại để giải quyết những vấn đề khàn trương của xã hội.

Người ta lo cho sự nghiệp của Buffet không có ngày mai và chẳng bao lâu sẽ chỉ còn giá trị những di tích của một thời đã qua. Tính cách phù phiếm của một công trình trước tác văn nghệ là một điểm cần nhớ lấy để tìm hiểu tâm hồn dân tộc Pháp sau khi đã bắt mạch thời đại qua những hoạt động của các bộ môn khác.

CÔ-LIÊU

Họa phẩm của Buffet với một cách quan sát sự vật khác đời muốn như

Kỳ sau : R. Vadim — B. Bardot.
F. Sagan — M. Legrand.

- ★ Muốn lúc nào cũng sẵn sàng trước hành động, thì phải làm sao gây được cho mình những phản ứng vừa mau, vừa đúng, vì đời chẳng qua lập thành bằng một chuỗi những quyết định nho nhỏ và chính khi đã quen quyết định những việc nho nhỏ, ta sẽ có thể quyết định những việc lớn lao, giữa lúc bất ngờ nhất.
- ★ Người Phi-châu có câu tục ngữ : « Con cứ lựa đi, rồi con sẽ thắng ! ». Song nếu không có lý do để lựa thì sao ? Không cần. Cứ lựa đi vì không lựa thì chết.
- ★ Khả năng quyết đoán là đức tính đặc thù của thủ lãnh. Nếu thủ lãnh không có khả năng quyết đoán thì công việc sinh ra đình trệ, còn nếu, trái lại, những kẻ cộng sự của thủ lãnh sử dụng khả năng quyết đoán thay cho thủ lãnh thì công việc lại sinh ra rối loạn...

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

VII

Ông Huỳnh-Nhâm (Hội-an) viết : « Ở miền Trung thì *thơm* là thơm, *dứa* là dứa, chớ không phải *thơm* là *dứa* như ở Nam và Bắc.

Trái dứa thịt trắng, ăn vào thì ngứa nên không ai ăn, tuy bề ngoài dứa và thơm giống nhau. »

Đây là một loại thơm không ăn được.

Ở Nam vẫn có dứa này gọi là dứa gai. Lại có loại dứa không có trái mà lá có mùi thơm.

Trong kỳ II, ông Hoàn-Sơn có định nghĩa hộ chúng tôi động từ *câu dằm*, hiểu theo miền Nam. Nhưng vùng Thanh-hóa có một tỉnh từ *câu dằm* mà chúng tôi tìm hiểu chưa được. Tỉnh từ ấy thấy trong tiểu thuyết « *Chiếc lư đồng mắc cua* ». Tác giả viết : « *Những ngày câu dằm..* » (Nên nhớ là trong tiểu thuyết không có nói đến câu kéo lần nào cả). Xin các văn hữu xa gần ai biết, bảo giúp, Đa tạ.



Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyễn-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm từ điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

VII

Đụng đầu (tính từ) Chạm trán

Đụng đầu với sự thật, nó đâm ra chán nản.

Gò (động từ) I Chim.. Như o đã định nghĩa rồi)

II Cố gắng làm cho đẹp :

Con viết chữ, phải gò nhé!

III nổi lên (Bắp thịt, cái thai).

Muốn (động từ) Tiếng nhà quê, nghĩa là yêu.

Chú Trùm X. muốn chị bán chè
O bể (động từ) I Đồng nghĩa với gò,
nghĩa II

Anh cao bồi ấy cứ o-bể cái đầu mãi
II Nịnh ai để xin cái gì nhỏ nhỏ.
Tôi o-bể ông chủ, xin nghỉ được hai
ngày.

Đại (trạng từ) I Nhanh chóng:
Ăn đại đi rồi làm việc
II làm liều, làm bừa.
Ông ấy dữ tợn lắm, nhưng tôi cứ
mạnh đại ông.

Đùa (trạng từ) Càn, bướng, bừa.
Tôi không thạo, nhưng tôi cứ đáp
đùa rằng tôi giỏi lắm.

Chết hụt (thành ngữ) ở đây, ngoài
cái nghĩa thoát chết mà toàn quốc đều
dùng, còn mang thêm một nghĩa địa
phương nữa là hụt chơn chết đuối.

Thăng chổng (danh từ ghép) Xác
người chết đuối đã nổi lên mặt nước.

Xóc nước (động từ ghép) Ở thôn
quê miền Nam. Để cứu sống người
chết đuối thay vì làm hô hấp nhân tạo,
người ta xóc nước cho hần, nghĩa là
cống hần mà cống ngược dầu hần xuống
đất, rồi chạy đi cho xóc, để nước trong
bụng hần ra cho hết.

Huông (danh từ) Lệ gieo họa, theo
tín ngưỡng thông thường lệ này do
huyền bí gây ra.

Bến sông ấy có huông chết đuối,
năm nào cũng có một đứa bé chết
chìm tại đó.

Ma-da (danh từ) Hồn ma của người
chết đuối.

Ma-lai (danh từ) Bí thuật của người
Thượng dùng để trông suốt gan ruột ta,
xem có ngon không, nếu có thì xori, ta
phải chết. Người có bí thuật ấy là con
ma-lai : Ma-lai rút ruột.

Bơi (động từ) Chèo bằng chiếc giằm,
chỉ bằng giằm thôi. Ở miền Bắc, chèo
bằng chèo cũng có khi gọi là bơi.

Lội (động từ) Bơi (nager) Miền Bắc
vẫn có tiếng lội dùng theo nghĩa này,
nhưng rất ít dùng, còn ở Nam này thì
lại không bao giờ dùng tiếng bơi để
chỉ lội cả. Nhưng trong trường hợp
này bơi là chèo bằng tay chớ không phải
là lội (nager). Và tiếng lội dùng một mình
để nói lầy lội, (rất thường gặp thấy
trong thơ của Anh Thơ), ở đây cũng
không dùng như thế.

Giằm (danh từ) Thứ chèo nhỏ, không
có guốc không cột vào cột chèo mà chỉ
cầm nơi tay mà bơi thôi.

Ghe bơi (danh từ ghép) Một thứ
xuồng dài để đua. Thông thường hơn :
ghé đua ghé bơi (tiếng miền Đông)
ghé đua (tiếng Tiền giang và Hậu giang).

Đua bơi (động từ ghép) Đua xuồng,
ghé bơi bằng giằm dài.

Hòm chảo (danh từ ghép) Một chỗ
sâu đột ngột dưới đáy sông.

Hâm (tính từ) Bãi sông, biển, mà
cái dốc xuống đứng quá.

Ông xoáy (danh từ) Cứ bằng theo
định nghĩa tiếng ghềnh miền Bắc trong
Việt-nam tự điển của hội K.T.T.Đ. thì
ông xoáy là ghềnh. Định nghĩa ấy như
thế này : « Vũng sâu (ở sông) có nước
xoáy mạnh. »

Gành (danh từ) I chỗ đất, đá, gie ra bên mé biển.

Đó là định nghĩa của tự vị P. Của. P. Của lại lấy thí dụ : *Gành Rát*

Nhưng cứ theo các sách địa dư của Pháp thì Gành Rát là một cái vịnh nhỏ (petite baie). Thành ra gành của P. Của và gành của các sách địa dư ấy là hai vật trái ngược nhau.

Xin trình nghị vấn trên đây với các nhà ngôn ngữ học.

Xẻo (danh từ) Rạch nhỏ. *Xẻo Chích*, phụ lưu của rạch Ngan-Dura, rạch này là phụ lưu của sông Cát-Lớn, gần chợ Ngã Năm.

Lạch (danh từ) = I Rạch nhỏ.

II Giòng nước nhỏ

xíu còn lại dưới đáy sông, rạch, khi nước ròng sất.

Thí dụ : *Chùng nào cạn lạch Đồng-Nai*

Nát chuông Thiên-Mụ mới phai lời
nguyên
(Ca dao miền Nam)

Lung (danh từ) = Vùng ngập nước, to hơn ao nhiều lắm, gần bờ thì cạn, ở giữa thì sâu.

Láng (danh từ) = Vùng ngập nước, to hơn lung, gần bờ và ở giữa đều bằng nhau về sự nông, sâu.

Khai lương. — (danh từ) Giòng nước ngắn nối liền hai con sông to, hoặc là phần nước giữa hai hòn đảo trên sông Cửu-long, phần nước này vì đảo to quá, nên nó đủ dài như dòng nước ngắn nói trên và trông như một con sông ngắn.

Tắt. — (danh từ) Dòng nước dài nối liền hai con sông dùng đi tắt cho mau đến.

Ghe thuyền ở Biên-hòa xuống Sài-gòn, xuôi dòng Đồng-nai rồi thay vì chèo tuốt ra chỗ Nhà-bè nước chảy chia hai để lộn trở lên đô thành bằng cách ngược sông Bến-nghé, lại mượn tắt Vàm-nông ở phía trong Thị-nghè một đôi, cho đỡ mấy tiếng đồng hồ đi vòng.

Bưng. — (danh từ) Đất nê địa, sinh sục.

Biền. — (danh từ) Bờ sông, rạch các vùng nê địa.

Bưng-Biên (danh từ) Danh từ này chỉ mới tạo lỗi năm 1947, do báo chí Sài-gòn, đề tạm dịch tiếng maquis của Pháp.

Đầm (danh từ) Một cái vịnh nhỏ, nơi cá di ăn từng đoàn và đứng lại nghỉ. (Nghĩa địa phương Nha-trang, do ông Nguyễn-Văn-Viện gợi về).

N.B. — Rất nhiều bạn xa, như các bạn Nguyễn-Văn-Thế, Lương-Huy và cả bạn Nguyễn-Văn-Viện nữa, đã ngỏ ý muốn chúng tôi định các nghĩa khác của tiếng đầm, và có gởi cả định nghĩa về nữa. Nhưng các nghĩa khác ấy toàn quốc đã biết, thì xin các bạn hiểu cho rằng không còn thuộc vào ngành hoạt động của chúng tôi nữa.

Mây (tính từ) I Chỉ con nước ròng bắt đầu lớn lại.

II Thì (dậy thì).

Cô ấy đang dậy mây

(Nghĩa địa phương Nha-trang do ông Nguyễn-Văn-Viện gợi về).

Mà cá (*danh từ ghép*) Cá sông lên đồng sanh sản, bị kẹt lại trên ấy, tìm những lỗ chân người hoặc chân trâu mà ăn, vì ở đó nước đục trong khi toàn cánh đồng, nước trong. Những lỗ ấy gọi là mà cá, nơi người ta ưa tìm để dâm cá.

Nằm mà (*động từ ghép*) Nằm ăn trong các mà cá.

Đi bắt cá, nên coi chừng rắn nằm mà.

(Hai tiếng trên đây do bạn Thái-Văn-Thự K.B.C. 4308 gửi về với cả định nghĩa). Bạn Th-V-Th. không có quyền cho biết chỗ ở của bạn, nhưng nên biết hai tiếng kia là hai tiếng hậu giang).

(Theo Việt-nam tự điển của hội K. T.T.Đ. thì tiếng mà ở miền Bắc có nghĩa là hang nhỏ của cua, ếch. Đất dùn ở miệng hang nhỏ của ếch, cá.

Rời (*danh từ*) Nghề mua cá ở biển đem lên chợ bán. Bồ túc của ông Đoàn-Chiêu-Anh ở Bình-thuận về chữ rời kỳ V.

Ghe xồi (*danh từ ghép*) Ghe chạy rong ngoài biển để mua cá của những ghe đánh lưới ngoài ấy.

Đi xồi — Chạy xồi.

(Bồ túc của ông Đoàn-Chiêu-Anh).

Theo ý chúng tôi thì, thật ra, tiếng xồi nói trên chỉ là tiếng xồi thống nhất, ba kỳ đồng nghĩa với nhau. Đó là tiếng xồi trong câu Kiều « ăn xồi ở thì », nghĩa là liên đó, xấp thời, làm sớm.

Tiếng xồi ấy tìm thấy trong tiếng *mắm xồi* của miền Nam.

Ghe đi xồi, tức là ghe đi đón mua

cá sớm hơn những ghe còn đậu bến.

Ồ (*danh từ*) Vật dụng để đựng gạo, đựng lúa mà dung lượng không đều, bằng gỗ tiện, trông giống như cái bát uống nước. (Định nghĩa của hai ông Đặng-Diệu K.B.C. 4790 và Nguyễn-Văn-Viện Nha - trang).

Ồ (*nghe thanh từ*) Tiếng dùng để gọi chó (Nguyễn-Văn-Viện).

Búa bừa, búa chẻ (*danh từ*) Chính là cái búa mà soạn giả tập danh từ này đề nghị kêu là *búa rìu* (Định nghĩa của bạn Nguyễn-Văn-Viện Nha-trang).

Bạn Nguyễn-Văn-Viện có vẽ hình một cái rìu và cho là rìu không thề lẫn lộn với búa chẻ, tức là với búa rìu của chúng tôi. Đúng thế, nhưng cái rìu của bạn Nguyễn-Văn-Viện vẽ không phải là cái rìu thường, mà là cái *rìu thợ mộc*, lưỡi rìu có đeo một cái đuôi rất dị kỳ, cái đuôi ấy xuyên thủng cái chuôi rìu.

Cái rìu mà chúng ta nói đến là cái rìu thường.

Sầu đông (*danh từ*) Biển thề của tiếng *sầu đầu*. Hình như *sầu đông* thay lá vào mùa đông, xem trơ trụi lắm (Định nghĩa của bạn Nguyễn-Văn-Viện)

Chúng tôi nghĩ rằng tiếng *sầu đầu* cũng có thể là biển thề của *sầu đông*; cho rằng *sầu-đầu* do x' *đau* mà ra, chỉ là giả thuyết thôi.

Đường hạ (*danh từ ghép*) Ông Đặng-Diệu K.B.C. 4790 gửi về danh từ này, nhưng nói rằng không biết đó là đường gì. Tuy nhiên, ông có cho hai câu đối cò về đường hạ :

*Trai Quảng-đông thuê chiếc tàu Tây
qua Nam-hải mở tiệm thuốc Bắc.
Gái Phú-xuân đi bán đường hạ, đến
chợ Thu-Bồn ngồi đợi chợ đông.*

Chúng tôi xin định nghĩa theo địa phương Biên-hòa. Đường hạ là thứ đường đen của ta, đựng bằng khạp. Khi đường « tới », người ta rót đường vào khạp, nó đặc lại trong ấy.

Đường chà, hoặc đường cát mờ gà (*danh từ ghép*) Đường cát ta chế tạo, vì không thạo nên đường chỉ trắng ngà ngà như mờ gà.

Đường phôi (*danh từ ghép*) Không phải là đường, mà là một thứ quà ngọt làm bằng đường cát trộn với trứng gà. Đường phôi hình dáng như một buồng phôi, miền Trung Nam-Ngãi biết chế tạo, nhưng miền Nam chỉ có một làng là làng Bình-thời là biết « trở » tức chế tạo thôi.

Chè (*danh từ ghép*) Nước mía nấu kẹo lại, gạn « tới » để rót vào khuôn đường (Theo định nghĩa của ông Đặng-Diệu).

Ở miền Nam, người ta gọi là *nước chè*.

Ông che (*danh từ ghép*) Máy thô sơ để ép mía lấy nước để nấu đường.

Ông che gồm hai khúc gỗ đứng tròn

(trục kính lối 0m20); hay khúc gỗ ấy đặt đứng khít nhau, cả hai đều lăn quay nhờ một cây trục do trâu kéo đi vòng quanh.

Thăng (*động từ*) Nấu đường trong nước cho tan ra rồi lại tiếp nấu cho keo lại, để làm kẹo.

Lợi cát (*tính từ*) Thăng đường hồng, nó không keo mà biến thành một chất như cát pha với một ít nước.

Tới (*tính từ*) Nói thăng đường, hay nấu thứ gì khác mà nó đến một độ vừa được, hợp với công dụng mà mình muốn cho nó.

Cải chánh

Kỳ V, trong bài mào đầu. Câu ca dao : « *Tới đây quyết chỉ một nàng* », xin đem lên tám giòong : Vị trí đúng của câu thí dụ ấy nằm ở sau câu : « *Mỗi lối có một vẻ đẹp riêng* ».

Hai câu thơ :

Đoàn ghe rẽ quạt cứ chui đầu vào

Đầy mà nước đã lộn cao,

Xin đọc là :

Đoàn ghe rẽ quạt cứ chui đầu vào

Đầy mà nước đã lên cao.

(Còn tiếp)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

và

NGUYỄN-NGU-Í

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :

Tòa soạn BÁCH-KHOA

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —



LƯỢC KHẢO

VỀ

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

IV

Thử bình phán một số nhân vật trong đời Tam-Quốc

NGHIÊN cứu truyện Tam-quốc mà không bàn đến một số nhân vật nổi tiếng nhất trong truyện, như Lưu-Bị, Tào-Tháo, Tôn-Quyền, Khổng-Minh, Quan-Công, v.v... là một thiếu sót lớn. Những nhân vật đó đã được tác giả dựa theo chính sử mà dựng lên cách đây hơn 500 năm. Tác giả đã hiểu họ và miêu tả họ theo quan niệm chánh trị và tình cảm cá nhân của mình. Do đó, có những điểm không phù hợp với sự thật.

Tuy nhiên, như trên chúng tôi đã viết, những nhân vật của Tam-quốc hiện đã rất quen thuộc với đại chúng. Những tánh cách của họ đã quá thân thiết với dân gian, tỉ như: hễ nói đến Quan-Công là người ta nghĩ ngay đến trung can

ghĩa khí, Tào-Tháo là gian hùng, Lưu-Bị là nhân hậu. v.v... Vì thế, việc xác định lại giá trị của họ không phải là vấn đề có thể làm trong phạm vi một bài báo. Cho nên, ở đây, chúng tôi chỉ muốn dựa theo một số tài liệu trong chánh sử Trung-quốc để nêu lên một số nhận xét, gọi là tham khảo với bạn đọc xa gần.

1. — Nền hiểu phong trào Huỳnh-Cân và anh em Trương-Giác như thế nào ?

VẤN đề đã gây xáo trộn nhiều nhất trong đời Tam-quốc, là phong trào Huỳnh-Cân của anh em Trương-Giác. Phong trào này cũng là một cuộc bạo động đã bị tác giả Tam-quốc diễn nghĩa và giới sĩ phu đời sau lên án khắc nghiệt nhất. Vì thế, chúng tôi xin mạn phép đi hơi sâu vào vấn đề này.



BÁCH KHOA XXXXV

Dưới đời vua Linh-Đế, bọn hoạn quan và ngoại thích vẫn tiếp tục tranh giành quyền bính. Dân chúng bị hãm vào một tình trạng vô cùng bi đát, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại phải nai lưng ra làm nuôi bọn quý tộc, phú hào ăn không, ngồi rồi, phê phỡn trên nhung lụa. Lòng phẫn uất của trăm họ lăm than đã vọt lên đến cực độ. Anh em Trương-Giác mới thừa cơ hội đó mà sách động dân chúng đứng lên chống lại vua quan.

Sự thật, phong trào bạo động Huỳnh-Cân còn có những nguyên nhân sâu xa hơn.

Trước nhất là vấn đề điền địa do nhà Tây-Hán để lại. Tuy rằng sau các cuộc khởi nghĩa của nhóm Lục-Lâm, Xích-Mi, vấn đề này đã được giải quyết phần nào, nhưng vì bản thân Lưu-Tú là phong kiến quý tộc, cho nên khi chánh quyền nhà Đông-Hán vừa xây dựng lên thì phong thái cướp giựt đất đai bá tánh lại thịnh hành như cũ. Thêm vào đó, sự tranh quyền đoạt lợi giữa bọn ngoại thích, hoạn quan, làm cho việc vợ vét tài sản dân chúng, so với thời kỳ nhà Tây-Hán, càng khốc nghiệt hơn nhiều. Do đó, nếu đời Tây-Hán còn có thể giữ được 70 năm « thái bình thịnh trị », đời Hán-Võ-Đế còn được « quốc uy viễn chấn », thì đời Đông-Hán không mấy khi thấy được ngày quang đăng, phần vinh. Quốc lực cố nhiên không bằng, mà những cuộc « nổi loạn » của dân chúng dưới đời Đông-Hán cơ hồ như nổ ra liên miên, từ lúc khai quốc cho đến khi diệt vong, không bao giờ ngớt.

Bắt đầu từ năm thứ 3 đời An-Đế (109 sau T.C.) là đã phát sinh cuộc

bạo động của nhóm Trương-Bá-Lộ, Lưu Văn Hà, chiếm đoạt cả một vùng Tân-hải chín quận. Từ đó về sau, có lúc chỉ trong vòng 40 năm (từ Thuận-đế đến Linh-đế) mà đã bùng nổ đến 30 chục cuộc « nổi loạn ».

Đến thời kỳ Huỳnh-Cân đại bạo động thì phong trào chống vua quan trong dân chúng đã bùng sôi tợ phong ba bão táp rồi. Thanh thế và qui mô đã vượt hẳn phong trào Xích-Mi, Lục-Lâm. Nhà Đông-Hán sụp đổ ngay trong cuộc bạo động đó. Tuy vị hoàng đế cuối cùng của nhà Đông-Hán, Hán-Hiến-Đế, còn làm vua được thêm 30 năm nữa (dưới sự khống chế của Tào-Tháo) nhưng thật tế, chỉ là hữu danh vô thực.



Đặc điểm của phong trào Huỳnh-Cân là lợi dụng tổ chức đạo giáo để tập hợp dân chúng. Đó là một sự thật mà chúng ta cần phải xem xét kỹ.

Như chúng ta đã biết, vua khai quốc nhà Đông-Hán, Lưu-Tú, vốn nhờ dựa vào lực lượng bạo động của dân chúng mà giành được ngôi báu. Cho nên, hơn ai hết, ông ta rất hiểu sức mạnh vô địch của dân chúng, và rất sợ sức mạnh đó. Vì thế, ông ta mới tìm cách lợi dụng những tà thuyết mê tín, dị đoan (như nham độn, âm dương, ngũ hành v.v...) vốn đã có gốc rễ sâu sắc từ đời Tần, Hán để huyễn hoặc dân chúng làm tê liệt ý chí phản kháng của họ. Ông ta lợi dụng những thứ đó để nhồi nắn ý thức « chánh quyền do thiên mạng » trong đầu óc dân lành, bí mật cho người đặt ra sấm truyền (như kiểu sấm Lưu-

Bá-Ôn đời Minh), bảo rằng : « Hoàng đế do trời sai xuống, chống Hoàng đế tức là chống Trời », mong làm cho dân chúng tin tưởng theo đó mà muôn đời ngoan ngoãn cúi đầu vâng lệnh thiên tử.

Nhưng, phen này thật là « kẻ cắp bà già gặp nhau ». Vô quít dày lại gặp móng tay nhọn. Những người lãnh đạo dân chúng thời ấy cũng không kém khôn ngoan hơn vua chúa. Họ bèn chụp lấy những hình thức mê hoặc dân chúng của phong kiến, làm lợi khí đề lôi cuốn dân chúng chống lại phong kiến. Rõ ràng là « gậy ông lại đập lưng ông. »

Thật vậy, từ học thuyết đồ sấm do Lưu-Tú đề xướng diễn biến thành « thái bình thanh lãnh thơ » của Trương-Giác (lãnh tụ Huỳnh-Cân) quả là ngoài ý liệu của bọn vua quan.

Phong trào Huỳnh-Cân phát khởi từ huyện Cự-lộc (hiện là huyện Bình-hương, tỉnh Hà-bắc). Lãnh trí của Huỳnh-Cân là Trương-Giác dùng « Thái-bình thanh lãnh thơ » làm hiệu triệu, truyền rằng « thương thiên dĩ tử, hoàng thiên đương lập (trời xanh đã dứt, trời vàng đang dựng). Lại nói rằng : « Vua quan đối với dân chúng như cha mẹ đối với con. Vua không thương bá tánh thì thiên hạ tất sanh đại loạn ». Thuyết pháp của Trương-Giác ngày càng thâm nhập vào dân chúng. Lại thêm nhằm lúc hạn hán liên miên, trâu bò bị dịch họa, mùa màng thất bát nặng nề, dân chúng chẳng còn phương nào sinh sống nổi, do đó, họ ùn ùn theo Trương-Giác. Không bao lâu, tổ chức đạo giáo đã biến thành một phong trào bạo động, lôi cuốn các địa

phương trong toàn quốc một cách hết sức mau lẹ. Các vùng thuộc những tỉnh Liêu-ninh, Hà-bắc, Sơn-tây, Sơn-đông, Giang-tây, Triết-giang, v.v... hiện nay, đều lần lượt rơi vào phạm vi thế lực của phe Huỳnh-Cân.



Phong trào Huỳnh-Cân cũng không giống các phong trào Lục-Lâm, Xích-Mi đời Tây-Hán. Những phong trào này đều có quý tộc, phú hào tham gia. Nhưng phong trào Huỳnh-Cân thì không. Những kẻ tham gia bạo động trong phong trào Huỳnh-Cân hầu hết là dân chúng nghèo khổ, phá sản. Thành phần tương đối đơn thuần hơn. Do đó họ chống lại vua quan rất quyết liệt.

Đứng về phương diện dân chúng khởi nghĩa mà nói, cố nhiên đó là một thuận lợi to lớn, vì như thế, họ có thể tập trung lực lượng chống phong kiến đông đảo, và chặt chẽ hơn các phong trào Lục-Lâm, Xích-Mi. Nhưng đứng về phương diện vua quan, họ cũng có thể tập hợp được các lực lượng phong kiến, quý tộc để chống lại phong trào. Tỉ như Hoàng-Phủ-Tung, một tay khét tiếng trong cuộc đàn áp « giặc » Huỳnh-Cân, đã từng chủ trương bãi bỏ chế độ « đẳng cấm », để tạm thời hòa hoãn những xung đột trong nội bộ vua quan, hào tộc, mà tập trung lực lượng tiêu diệt « giặc Huỳnh-Cân ». Đồng thời, giới quan liêu, hào tộc các châu quận cũng đều tự động tổ chức nhiều nhóm võ trang để chống lại « giặc Huỳnh-Cân », tỉ như Thứ-sử Tĩnh-châu Đồng-Trác, Thứ-sử Từ-châu Vương-Doãn, Thứ-Sử Kinh-châu Lưu-Biêu đều là những tay tàn sát

dân chúng nổi danh. Những kẻ sáng nghiệp Tam-quốc cũng đều xuất thân từ những cuộc đàn áp dẫm máu ấy :

— Tào-Tháo đã từng cùng Đồng-Trác thảo phạt quân Huỳnh-Cân Hắc-Sơn, cũng như Tôn-Kiến đã tập hợp thường nhân vùng Hoài-tứ đến đầu quân dưới trướng Châu-Tuấn tình nguyện đi dẹp « giặc Huỳnh-Cân » vùng Uyển. Thành Lưu-Bị cũng nhờ được sự ủng hộ của những thương nhân Trung - sơn - quận là bọn Trương-Thế-Bình, Tô-Song mà tổ chức được quân đội đem cho Thái úy Châu-Tĩnh dùng để « dẹp loạn Khăn-vàng ».



Trong khi phong kiến cố tìm mọi cách để tập trung lực lượng chống lại phong trào, thì phe Huỳnh-Cân lại thiếu sự chỉ huy thống nhất. Tỉ như lúc Hoàng-Phủ-Tung tấn công quân Huỳnh-Cân Đĩnh-Châu, thì quân Huỳnh-Cân các vùng kể cận lại tọa thị diêm nhiên, không chịu kéo binh đến tiếp viện.

Ngoài ra, còn một điều bất hạnh lớn cho phong trào là chỉ tám tháng sau khi bạo động bùng nổ, lãnh tụ là Trương-Giác lại ngọ bệnh mà thác. Sau đó, quân Huỳnh-Cân mỗi nơi đều tự xưng vương hùng cứ một phương.

Đã không có sự chỉ huy thống nhất, lại cũng không phân biệt được kẻ nào là bạn, kẻ nào là địch thù. Vì thế, có nơi quân Huỳnh-Cân lại bị bọn vua quan lợi dụng để đánh lại anh em của họ. Chính Tào-Tháo đã nhờ mua chuộc được 30 vạn quân Huỳnh-Cân Thanh-Châu, đòi lại làm

Thanh-Châu quân, mà tiêu diệt được quân Huỳnh-Cân của ba châu : Từ, Dự, Diển. Sau đó, những người kế vị Trương-Giác như Trương-Yễn-Phi, Trương-Lỗ, cũng lần lượt ra đầu Tào.

Thế là kết thúc một giai đoạn huy hoàng nhất của phong trào chống phong kiến đời Đông-Hán.



Cuộc khởi nghĩa Huỳnh-Cân tuy cuối cùng bị thất bại, nhưng nó đã đánh một ngọn đòn chí tử vào chánh quyền mục nát của nhà Đông-Hán, làm cho chánh quyền này phải lung lay đến tận gốc.

Cục diện chân vạc đời Tam-quốc chỉ là hậu quả tất yếu của phong trào đó. Nếu cơ cấu chánh quyền nhà Đông-Hán chưa bị phong trào này đập tan từng mảnh, thì những tay hào kiệt đời Tam-quốc chưa chắc đã có thể « tam phân thiên hạ » được ?

Mỗi thế hệ, mỗi tầng lớp có những cách nhìn sự kiện khác nhau. La-Quán-Trung và những sĩ phu đời trước đã nhìn phong trào Huỳnh-Cân theo con mắt quý tộc của họ. Lỗi nhận xét đó không thể áp dụng cho ngày nay được. Dưới con mắt của chúng ta, phong trào Huỳnh-Cân là một phong trào chống phong kiến. Nó phải được lịch sử công nhận, chứ không thể bị gạt sất, bôi lọ.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

RỪNG Ở BẮC-VIỆT

NGUYỄN-THIỆU-LÀU

DANH từ *Việt-Bắc* mới xuất hiện từ năm 1946, đề chỉ miền núi bao bọc đồng bằng sông Nhĩ-hà về phía Bắc, phía Đông-bắc, và phía Tây-bắc.

Ấy là địa hạt các tỉnh ở phía Bắc sông Nhĩ-hà là tỉnh Yên-báy, Lào-cai, Hà-giang, Tuyên-quang, Bắc-cạn, Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-son, Hải-ninh, Quảng-yên, và một phần Bắc-giang.

Các tỉnh ở phía Nam sông Nhĩ-hà là tỉnh Sơn-la, Lai-châu.

Sau khi ta đã định vị trí và diện tích các tỉnh thuộc miền núi Bắc-Việt, tức là miền Việt-Bắc, nếu ta so sánh với diện tích đồng bằng tam giác châu, thời ta thấy là miền núi ở Bắc-Việt rộng bằng ba, bằng bốn đồng bằng.



Ở đồng bằng, trồng lúa gạo. Có lúa mùa ở miền ruộng cao. Lúa mùa là lúa trồng trong mùa mưa. Có lúa chiêm nữa. Lúa chiêm là lúa trái mùa, mọc ở đồng bằng, ở miền đất thấp. Ở miền đồng bằng, đất thấp, rộng nhất là ở miền Thái-bình, Nam-định, Hà-nam, Ninh-bình, Hưng-yên và Hà-đông.

Ở miền đồng bằng, dân chúng tập trung, số lượng độ bảy triệu vào năm 1936. Chỉ số tăng, trung bình, là mười hai phần nghìn.

Ở đồng bằng không có rừng, vì các rừng đã biến thành ruộng, trâu cày. Các sông đã được đắp đê.



Ở trên miền núi, mà ta đã kể ra, là các đồng bào Thổ, Mán, Mèo, Thái.

BÁCH KHOA XXXXV

Các đồng bào này sống một đời sơn cước, không tụ họp thành làng to như ở dưới đồng bằng.

Đồng bào Thồ ở rải rác trên các thung lũng, về phía Bắc sông Nhĩ-hà. Có ruộng nước, có trâu cày.

Đồng bào Mán ở lưng chừng núi. cây lúa ăn nước trời, một thứ lúa rừng, gọi là lúa nương, hay lúa mộ, không ra nếp mà cũng không ra tẻ.

Ở treo leo trên các cao nguyên đá vôi miền Hà-giang, là các đồng bào Mèo. Ở cao-nguyên Trùng-khánh-phủ, thuộc tỉnh Cao-bằng là đồng bào Nùng.

Ở mạn phía Nam sông Nhĩ-hà, thuộc tỉnh Sơn-la, Lai-châu là các đồng bào Thái.



Bây giờ, sau khi ta biết các đồng bào thiểu số ở Việt-Bắc thuộc các loại nào, ta nên xét đời sống núi rừng của các đồng bào này.

Họ phần nhiều là giòng giống người Tàu
Họ tràn sang ta đã từ nhiều thế kỷ.



Theo điều kiện mặt đất, núi non hiểm trở, chất đất là đá, nào là đá vôi, đá vôi pha đất sét, nào là các loại đá rần, lại theo điều kiện khí hậu nóng và ẩm, mỗi năm có một mùa mưa ba, bốn, năm tháng, mưa như tầm, như tã... các điều kiện địa lý thiên nhiên này đã làm mọc nên những rừng núi âm u, có nhiều cây gỗ lớn.

Ở về miền sông Đà, tức là ở địa hạt Sơn-la, Lai-châu, ta hãy còn những

rừng rậm, có nhiều giống trần, rần, rết. Rừng này là rừng cổ xưa, có những cây gỗ to, gỗ chắc, nhưng ở xa suối, khó đốn và khó chuyên chở lắm. Rừng âm u, có nhiều song, mây. Có nhiều thứ cây lá độc. Vì vậy miền Sơn-la, Lai-châu hãy còn do thiên nhiên chi phối, nước độc lắm, lam-sơn chương khí bốc lên ngùn ngụt.

Về triều vua Minh-Mạng, nhà vua đã đặt ra *Thập nhị Châu-Thái* để cho người Thái tự trị lấy nhau, vì người kinh lên đây là bị sốt rét ngả nước.



Nhưng ở về phía Bắc sông Nhĩ-hà, thuộc miền sông Lô, sông Thương-Đáy, sông Chu, sông Thương, sông Lục-nam, sông Cầu... thời rừng khác ở miền Nam sông Nhĩ-hà.

Các rừng cây gỗ lớn đã bị phá hủy gần hết. Sự phá hủy này là do đồng bào Mán.

Nguyên do là sau mùa mưa, sau tháng bảy tháng tám... trời hanh, gió bắc thổi, ngày nắng, nắng mãi cho đến tháng ba, tháng tư. Người Mán đi đả một khu rừng. Rừng này bây giờ chỉ là rừng cây củi, vì là cây đại. Hay là rừng nứa. Rừng tre hiếm rồi, có nơi phải trồng mới có tre mà làm nhà. Người Mán đả rừng củi đại, rừng nứa vào cuối mùa mưa. Những cây đã xuống họ cho phơi xuất mùa hanh. Rồi trước đầu mùa mưa năm sau, họ đốt các cây, các nứa đã ngả xuống.

Đây là một cuộc tiêu thổ vĩ đại. Ban ngày, nhìn xa xa thấy làn khói đen xanh bốc lên trời, nhạt dần. Ban đêm, núi

đỏ rực vì lửa cháy ; tiếng đốt nứa nổ lốp đốp, nghe như những tràng đạn liên thanh kèm theo lựu đạn.

Ai đã ở Việt-Bắc thời đã có thể chứng kiến được những vụ, phá hủy rừng như thế này.

Mưa xuống, các than nứa, than củi tan rã ra. Và người Mán, chõng đi trước, lấy gậy tre hay sắt, ngoáy một lỗ to trông đồng than, vợ đi sau, rắc vào lỗ đó một cụm hạt giống, hoặc lúa gạo, hoặc ngô, lấy tay vùi lên. *Người Mán không biết cày, biết bừa, không có ruộng mạ, không có ruộng nước. Các ngũ cốc mà họ trồng chỉ ăn nước Trời mà thôi.*



Cho nên họ phá rất nhiều rừng. Những gỗ tốt bây giờ hiếm. Chỉ nhiều gỗ tạp, hay gỗ củi thả bè về đường suối, nhiều nứa hay một thứ tre rừng gọi là vầu. Mây, song cũng có. Ở miền Quảng-yên, thuộc mạn Lục-an-châu, còn nhiều rừng tre già, gọi là bương.



Nói tóm lại, rừng ở Việt-Bắc như thế nào ?

Ta phân biệt hai miền.

Miền thứ nhất, ở phía Nam sông

Nhĩ-hà, nhiều rừng gỗ lớn âm u, mây song chẳng chít, khí hậu rất độc.

Miền thứ hai ở phía Bắc sông Nhĩ-hà, rừng gỗ lớn ít vì bị đốt nhiều, do đồng bào Mán, nay ở nơi này, mai ở nơi khác, đốt rừng để reo lúa nương, lúa mộ hay ngô. Sự đốt rừng này khiến nước lũ tràn xuống đồng bằng nhanh lắm, làm ngập các ruộng lúa trâu cày của người kinh. Vì vậy đường xuôi phải cứ hàng năm chăm nom đê, sợ đê vỡ, gây nên nạn lụt.

Vấn đề rừng là một vấn đề kinh tế và nhân sinh quan trọng cho toàn thể Việt-Bắc.

Nhưng, nhìn trên bản đồ, về miền Hà-giang, thuộc hạt Hoàng-su-phì, giáp giới Tàu, ta thấy toàn núi trọc. Nhìn bản đồ miền Vân-nam, Quảng-tây và ngay Quảng-đông nữa, ta thấy.... mênh mông... bát ngát... các núi trọc không có rừng.



Người Tàu và người Mán phá rừng ở miền Nam nước họ, khiến đồng bào ta ở đồng bằng sông Nhĩ-hà, từ hàng vài chục thế kỷ nay... năm nào cũng lo nạn lụt mà các cụ gọi là nạn Hồng-thủy.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

✱ « Quyết đoán cho mau » nhiều khi có lợi hơn « tính toán cho nhảm », vì do dự thường khiến người thuộc hạ đâm nóng nảy, người thừa hành đâm lo lắng và rối cuộc, viện lẽ đó tránh hấp tấp, người ta càng do dự thêm và càng làm cho tình hình bối rối thêm.

VỆ TINH NGUYỆT CẦU PIONNEER I

CÓ-LIÊU

CÁCH đây một năm, Nga-xô hãnh diện tuyên bố với thế giới rằng kỷ nguyên vệ tinh Spoutnik đã đánh dấu sự đặc thắng của nền khoa học Nga-xô. Họ cả quyết rằng Nga-xô sẽ là nước tiên phong chinh phục không gian. Trước sự thất bại về mặt trận tuyên truyền, Hoa-kỳ không tránh khỏi một thứ tự ty mặc cảm mà họ cố gắng thoát khỏi bằng những thực hiện kỹ thuật không kém phần quan trọng trong các lãnh vực khác. Chiếc Nautilus chạy qua Bắc-cực lập một thành tích về hàng hải cũng đã đem lại một nguồn an ủi cho Hoa-kỳ. Mới đây sự thành công một phần của vệ tinh Nguyệt Cầu Pioneer I đem lại cho Hoa-kỳ sự tin tưởng vào khả năng kỹ thuật của mình.

Các báo của thế giới tự do đều đề xuất lộ nhiều hình thức của một tâm

trạng con người phấn khởi vì thoát được « mặc cảm Spoutnik ».

Tờ New - York Herald Tribune ở Nữu-ước ngày 13-10 có viết :

« Như vậy Pioneer I đem lại cho Hoa-kỳ một chứng tích đề tự kiêu và một lý do đích xác đề theo đuổi việc thám hiểm không gian. »

Tờ Sunday Express ở Luân-đôn ngày 12-10 thiết thực hơn đã nói ra sự thật :

« Đó là một câu trả lời đích đáng cho những người đã chế nhạo Hoa-kỳ khi họ phóng hỏa tiễn Nguyệt Cầu lần thứ nhất bị thất bại. »

Tờ Daily Mail ở Luân-đôn ngày 13-10 cũng có thái độ tương tự :

« Sự đặc thắng của Hoa-kỳ đã đền bù lại những thất bại trước kia ». »

Tờ Die Welt ở Hambourg (Đức) ngày 13-10 viết :

« Tuy thất bại, hỏa tiễn cũng là một thành công của Hoa-kỳ. Trước mắt thế giới Hoa-kỳ đã vượt khỏi tình trạng chậm trễ đối với Nga-xô. »

Có một điểm đáng cho ta chú ý là tờ Sunday Express nói trên nhấn mạnh vào chỗ Anh-quốc chỉ theo dõi cuộc thi đua chinh phục không gian với tư cách người quan sát, mà không tham dự :

« Một sự thất bại thiết thực và chua chát là nước Anh chỉ là một khách bàng quan mà không tham dự vào cuộc chạy đua lên các ngôi sao ».

Nền khoa học của thế giới tự do có thể bị khuyết điểm vì không quy tụ được tất cả những tinh hoa của các nước trong khối tự do (xem Bách-Khoa số 44).

Đứng trong phạm vi thuần túy khoa học, giới khoa học cho rằng thành tích đoạt được của vệ tinh Pioneer I là một sự « thất bại vẻ vang », vì tuy rằng không đạt được mục đích, vệ tinh đã phá những kỷ lục bay cao từ xưa tới nay và đem lại cho khoa học nhiều tài liệu quý giá về không gian kế cận địa cầu.

Vì lý do kỹ thuật nào lại có sự thất bại, và sao lại gọi là thất bại vẻ vang ? Đó là câu hỏi đặt ra mà người nào cũng muốn biết qua những yếu tố trả lời đích đáng. Nhưng không phải ai cũng trả lời được, bí mật còn ở trong đầu óc mấy nhà bác học hỏa tiễn, phải qua một thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng mới có thể đem công bố được.

Bài này được viết ra với mục đích tìm hiểu nguyên nhân thất bại và giá trị học thuật của những điểm thành công.

Kỷ lục bay cao

Sự thực các nhà chuyên môn ở Cap Canaveral đã biết trước rằng vụ phóng hỏa tiễn Nguyệt Cầu của Không Quân Hoa-Kỳ gần như một cuộc đánh cá : các nhà bác học đã tính trước rằng hai ngày rưỡi sau khi phóng lên Pioneer I sẽ qua quỹ đạo của mặt trăng, tiến tới gần mặt trăng 80.000 cây số, rồi xoay chung quanh mặt trăng. Muốn cho cuộc thí nghiệm thành tựu, 300.000 bộ phận của hỏa tiễn phải hoàn hảo không được sai trật dù một chút nhỏ nhoi. Hỏa tiễn phải đạt được tốc lực 11 cây số giây, hay là 38.680 cây số giờ — gọi là tốc lực thoát ly — trong chạng cuối, thì mới thoát khỏi sức hút của trái đất.

Trong 27 giờ đầu người ta chưa chán hy vọng theo dõi hỏa tiễn. Hàng trăm đài V.T.Đ. trên thế giới mở máy nghe chiếc Pioneer I hình nấm phát thanh trên luồng sóng 108,06 Megacycle. Hỏa tiễn gồm có ba phần — hai hỏa tiễn IBMR và một hỏa tiễn Thor Able — ba phần đều tác động hoàn hảo và đã phá những kỷ lục bay cao xưa nay : Spoutnik, Explorer IV, Vanguard (4000 km), Farside (6.600 km) Thor Able (9.600 km), tất cả những cơ khí đó chỉ là trò con nít trước thành tích bay cao 126.592 cây số của Pioneer I. Nó đã đi được hơn một phần ba khoảng cách giữa mặt trăng và trái đất. Tới đây nó mất hết tốc lực, sức ly tâm sụt xuống con số không, mà nó vẫn còn ở trong vùng ảnh hưởng của địa cầu nên bị hút xuống. Nó rớt xuống

với tốc lực 10.500 thước một giây. Với tốc lực ấy, khi vào đến những lớp không khí dày đặc, hỏa tiễn bị cọ xát mạnh đến phát hỏa và tiêu thành hơi.

Nguyên do thất bại

Pioneer I đã rớt xuống gần phía nam Thái-bình-dương. Một đài quan sát ở đảo Hawaii biết được đích xác tại Nam vĩ tuyến 20 và Tây kinh tuyến 106. Thực ra nó tan thành hơi khi còn cách mặt đất 1.000 cây số về phía Đông Bắc đảo Pâques, những mảnh còn lại rơi xuống biển.

Sự thất bại của hỏa tiễn có thể quy vào hai lỗi lầm cơ khí.

— máy gyroscope đặt trong tầng hỏa tiễn thứ nhất chạy không đúng.

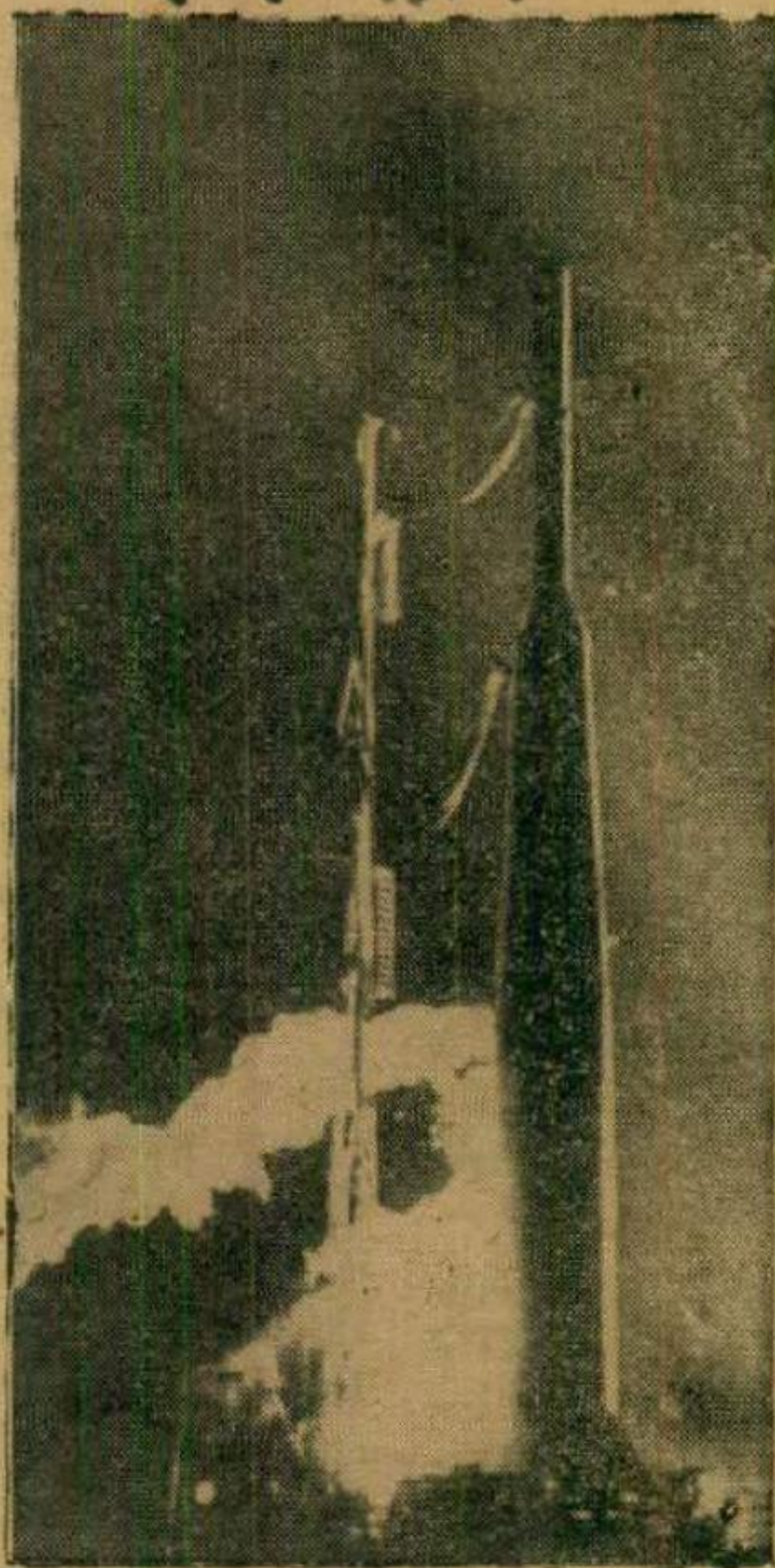
— máy V. T. Đ. đặt ở tầng thứ tư (tức vệ tinh năm) không chạy.

Tại Cap Canaveral, khi mới phóng lên hỏa tiễn bay theo đúng chiều hướng dự tính. Nhưng chẳng bao lâu máy gyroscope đặt trong tầng thứ nhất chạy sai mất 3, 5 độ. Máy gyroscope là một thứ máy chứng minh quả đất xoay vắn, máy này đặt trong hỏa tiễn để lái hỏa tiễn. Sự sai lầm 3, 5 độ

không là bao nhiêu, nhưng đủ để cho tốc lực của Pioneer I kém mất 250 thước một giây, so với tốc lực dự tính trước.

Muốn thoát ly ảnh hưởng trái đất mà bước vào vùng ảnh hưởng của mặt trăng, hỏa tiễn phải đạt được tốc lực 11 cây số giây. Nhưng lúc phóng đi đã sai hướng mất 3, 5 độ, vì thế tốc lực bị giảm một cách quá đáng. Tốc lực chỉ còn có 10.320 thước một giây, vì thế đi sai đạo tuyến dự tính trước.

Muốn sửa lại đạo tuyến của hỏa tiễn người ta tìm cách đốt những ống chất nỏ ở tầng thứ 4 (tức vệ tinh hình năm). Vệ tinh hình năm là một chiếc hỏa tiễn «Thor» dùng chất nỏ bột, có nhiệm vụ hãm bớt tốc lực của nó khi vào vùng ảnh hưởng của mặt trăng, và thay đổi hướng đi của nó để đặt vào một quỹ đạo cách mặt trăng 62.000 dặm. Người ta điều khiển bằng V. T. Đ., nhấn một



Hỏa tiễn Pioneer I đang được phóng lên không trung

nút điện đặt ở Hawaii hay Cap Canaveral. Nhưng hai lần nhấn nút đều vô hiệu. Như thế nghĩa là máy vô tuyến điều khiển đặt ở vệ tinh hình năm không chạy.

**Giá trị khoa học của những tài liệu
thâu thập được**

Cuộc thám hiểm cung trăng hụt không thể coi là một sự thất bại. Khi phóng hỏa tiễn người ta không đứng trên bình diện khoa học thuần túy mà thôi, người ta còn phải dung hòa những quan niệm tuyên truyền chánh trị, tác động quần chúng. Như vậy mục phiếu chính yếu đã được phóng đại thêm ít nhiều và cơ khí bị ép buộc phải đảm đương những chức vụ ở trên khả năng thực sự của chúng.

Một vài tờ báo lớn Âu Mỹ đã nói đến mục phiếu chánh trị của cuộc phóng hỏa tiễn :

« Bác học của không Quân Hoa-kỳ cho rằng cuộc thí nghiệm hôm thứ bảy vừa rồi đã thành công ngoài sự mong ước. Nhưng nhà chánh trị chú trọng đến cuộc thám hiểm mặt trăng và nóng lòng muốn đánh bại Nga-xô. Nhưng phải giải thích cho người phàm trần biết rằng chiếc hỏa tiễn ấy thực ra không liên quan gì đến việc phòng thủ, vai trò của nó là vai trò tuyên truyền và tìm hiểu khoa học. (Daily Telegraph Luân-đôn ngày 13-10). »

Có lẽ hỏa tiễn và vệ tinh, trong phạm vi của năm « Địa Cầu Vật Lý Học Thế Giới » chỉ được quan niệm là một loại khí cụ để xét nghiệm độ lượng không khí còn sót lại trên thượng tầng không khí bao bọc trái đất, thời tiết, chất phóng xạ, điện từ trường, mảnh hành tinh lơ lửng trong không gian kể cận địa cầu v.v... Mục phiếu học thuật thiết thực và thực hiện ngay được đó trả lời đúng vào tình thần khiêm nhượng khoa học. Kỹ thuật

hỏa tiễn và vệ tinh cần biết chắc chắn những tài liệu ấy trước khi đặt vấn đề thám hiểm cung trăng. Vì không lẽ người ta cần biết trên cung trăng có gì trong khi chính đoạn đầu con đường phải đi qua người ta còn chưa rõ lắm.

Người ta có lý do ở ngoài khoa học để gán cho chiếc Pioneer I một chức vụ tượng trưng ngoài chức vụ chính là thám hiểm không gian kể cận trái đất ở những tầng trên cao chưa có hỏa tiễn nào đi tới.

Chức vụ tượng trưng đã không thành, trái lại chức vụ thiết thực chính yếu mang lại kết quả mỹ mãn. Vậy xét định giá trị của vệ tinh thiết tưởng chỉ nên đứng về quan điểm nghiên cứu khoa học mà thôi.

Theo các nhà bác học ở Canaveral thì những kết quả thâu lượm được, đem lại cho người ta hy vọng thực hiện mộng vàng du hành không gian.

Những tài liệu khoa học ấy có thể xếp lại làm bốn loại :

1) Biên giới không gian bị đẩy lui, đến gần 130.000 cây số. Máy VTĐ cho biết nhiều điều kiện vật lý của khoảng không gian ấy. Người ta biết rằng cao từ 1.000 đến 8.000 cây số có những quang tuyến rất mạnh. Người ta đã tính được cường độ của những quang tuyến ấy. Một người ngồi trong hỏa tiễn bay qua vùng ấy trong một giờ sẽ bị nhiễm xạ nhiều gấp 13 lần con số tia xạ mà người ta có thể chịu được trong một tuần lễ. Lên tới 25.000 cây số tia xạ giảm xuống 50% và càng lên cao hơn càng giảm bớt nhiều.

2) Vệ tinh Pioneer I cho biết số lượng những mảnh hành tinh lơ lửng trong không gian.

3) Những tài liệu về nhiệt độ trên cao 126.000 cây số rất quý giá. Nhiệt độ do máy đo lường được là 40 độ Fahrenheit.

4) Người ta biết thêm nhiều điều bổ túc cho việc nghiên cứu từ trường của trái đất.

Triển vọng tương lai

Tại viện Hàn-Lâm-Khoa-Học Hoa- Thịnh-đốn, giáo sư Dunne, chủ tịch phòng thí nghiệm kỹ-thuật về Khoa-Học-Không Gian và đại tướng Ridland đã có ý muốn thồ lộ rằng cuộc thám hiểm cung trăng sẽ mở đường cho người ta thực hiện những cuộc thám hiểm Hỏa-Tinh, Kim-Tinh, cả mặt trời nữa.

Chuyên viên của Không-quân Hoa-Kỳ đã nghiên cứu những nguyên do thất bại và nỗ lực cải tiến cơ khí. Người ta đang sửa soạn phóng một trái Pioneer khác, ngày thực hiện cũng đã được phỏng định từ 8 đến 11 tháng 11 1958. Lục-quân vẫn

ganh nhau với Không-quân cũng sửa soạn phóng một vệ tinh xoay quanh trái đất. Trong phòng thí nghiệm Wernher Von Braun đang chờ đợi, chỉ còn thiếu một nút nhấn nữa là hỏa tiễn Jupiter của ông hoàn hảo.

Chúng ta, những người ngoài cuộc đứng quan sát cuộc thi đua chúng ta nghĩ thế nào ?

Trong một ván cờ nên đề cho hai đối thủ lần lượt được ưu thế, ván cờ sẽ có nhiều nước hay.

CÔ LIÊU

CẢI CHÍNH

Bách-Khoa số 44 ngày 1-11-58, bài *Hỏa Tiễn và Vệ Tinh* ấn công đã xếp lầm chữ *Spoutnik* ra *Spout-niki*, vậy xin đọc là *Spoutnik* cho đúng.

Trang 58 cột 1 dòng cuối, xin đọc là 350 triệu electron-volt.

★ Không gì nguy hiểm cho bằng tính do dự trong khi quyết định. Ý chí không đủ mạnh để quyết định « thuận » hay « từ » dễ tập thành cho người ta cái tính trù trừ, phân vân mãi mãi. Cố nhiên trước khi quyết định phải tận tâm và thật tâm đắn đo, xem xét mọi bề, song muốn tìm đối một giải pháp hoàn toàn và tuyệt mỹ là muốn một ảo tưởng vậy.

★ Chờ được lệnh và được thời mới hành động là không xứng đáng với chức vụ.

GIỌNG NÓI TIẾNG TA VỚI ÂM NHẠC MỚI

LÊ-THƯƠNG

XU A nay người ta hay nói: Tiếng Việt-nam nói ra như giọng hát.

Cái đặc chất đó của tiếng Việt đã gây cả một nền nhạc cũ — một nền nhạc mà cung điệu phần nhiều chỉ là câu nói có vần ngâm rộng ra và ăn theo nhịp phách.

Những cung hát đặc biệt của người mình, tôi tưởng tất cả đều ở trong những câu ca dao, những áng văn hay của tiền nhân, ngâm thành cung hát, khi đối đáp như trống quân, hát ví..., khi là lời như hát ả đào..., khi thâm trầm như vịnh Kiều ngâm thơ..., khi anh dũng như trong bịch, ca v.v... Ngay như trong hát bộ gốc tại Trung-quốc, những điệu cung Bắc như phú lục, ngâm, xướng, tầu mã v.v... cũng là giọng nói thêm những

tiếng láy và ngâm nga. Hoặc một bài cung Nam, một bài « cải lương Nam-kỳ » đều là những đoạn văn có vần, ca thành cung hát cả.

Âm nhạc Việt-nam từ xưa đã dựa vào tiếng Việt mà tìm tất cả trong tiếng Việt cái sinh khí để được tồn tại cho đến ngày nay.

Âm nhạc mới muốn tìm nguồn sống tất cũng có thể đi theo hướng đó. Vậy ta hãy xem trong những trường hợp nào, âm nhạc hòa hợp với tiếng Việt và tới đâu tiếng Việt có thể là một trở lực cho phần xoang điệu.

Riêng về phần nhạc đi đôi với lời ca, ta thấy hai hiện tượng sau đây.

1) Những chữ *bình trắc* trong lời thơ hình như đã là một giọng hát nhất định.

Nên cái khuôn nhạc tác theo lời thơ bị bắt buộc không được quá xa những cao độ đã định sẵn cho những chữ bình trắc đó.

2) Còn lời thơ [lời ca] phò vào cung hát phải tùy theo sự trầm bổng, hay sự bằng bằng của xoang điệu. Vì thế mà người soạn lời ca phải lựa những chữ bình trắc cho ăn nhập với cung hát cao thấp. Mà sự lựa chọn đó tất không phải dễ dàng như tiếng nói người Âu thường thường bình thanh, vì phải thỏa hiệp những điều kiện là ăn theo cung điệu, có đủ ý nghĩa, có vần, hợp với tình thần bài nhạc. Đó là chưa nói Trung, Nam, Bắc còn giữ riêng những chỗ « giọng nói bất đồng » còn làm khổ cho người hảo tâm muốn thỏa mãn các thú người khó tính.

Những nỗi phiền phức kể trên đã gây cho âm nhạc những chuyện rắc rối rất có hại cho sự tiến đạt mau lẹ.

Ta có thể nói được chẳng là trong hai tư tưởng — tư tưởng nhạc Âu và tư tưởng nhạc Á-đông — một đàn nhạc Âu được tự do luân chuyển, và vẫn được độc lập trong khi hòa hiệp, hoặc riêng tách với lời ca, một đàn thì như đã có nợ tiền kiếp với ngôn ngữ mà cứ phải kết duyên với nó thì mới có một lẽ sống vững chắc.

Người ta phải tự hỏi, sau đây, một áng nhạc thuần túy của người Việt làm ra theo luật soạn nhạc Âu Tây sẽ có đặc tính gì có thể gọi là Việt-nam ? Hay nó chỉ có thể cho người nghe mừng tượng đến cái đại thể của nhạc

Á-đông : riu rít những giọng lầy nhẹ nhàng ghép 3 ghép 4 (triolet, quartolet) hợp với dấu hỏi, ngã, nặng, sắc, những chỗ uốn giọng dẻo dăng cho âm thanh ví von lúc ngâm nga (circuit mélodique) hay là những thói đòi cung bậc đề âm thanh rơi từ tầng trên xuống tầng dưới và bước cao bước thấp theo lời kẻ lẽ giải bày [Saut mélodique] v.v...

Song với những đặc điểm đó đi nữa, người ta cũng phải nhận là cung điệu cũng đã tìm lại lời ca để được « nói tiếng Việt mà không dùng chữ » : Phải chăng sức ràng buộc này là một đặc tính rõ rệt nhất của Việt-nhạc từ trước và mãi về sau...

Theo đó ta thấy nhà soạn nhạc bị một sức kiềm chế rất khó chịu trong sự sáng tác và tác phẩm của họ lắm khi mất hẳn cái tính chất sâu sắc hoặc về âm điệu, hoặc về lời ca. Cái gì người ta gọi là Á-đông hay Tây-phương nhiều khi cũng oan uổng, cũng chủ quan mà không chắc là đúng đắn. Cả màu sắc thường được gọi là dân ca cũng nhiều khi phải xét lại một cách bình tĩnh hơn.

Không lẽ chỉ cần sản xuất có cung đàn và không lẽ chỉ cứ việc theo lời ca và hi sinh cái cảm hứng âm thanh tự nhiên cứ muốn nhảy ra ngoài cái lẽ đường bình bình trắc trắc. Cho nên con người soạn nhạc phải quả quyết theo ý định :

1) Một là lấy phương pháp hòa âm (harmonic) của Tây-nhạc làm chuẩn đích mà sáng tác bài ca, nghĩa là lấy

thứ mực thước toán học mà kiểm chế cái hồn Á-đông vẫn không tra thứ mực thước ấy. (Ý định này hợp với nguyên lý sáng tác nhất và phải được ưu tiên).

2) Hai là diễn tư tưởng Việt-nhạc bằng phương pháp Âu-châu mà phải giữ cả những chỗ mà hồn Á-đông không muốn theo luật lệ soạn nhạc của Tây-phương.

Tất nhiên dung hòa nổi hai quan niệm đó là một sự tài tình cũng như làm cho Đông-phương và Tây-phương gặp gỡ vậy. Ít lâu nay sự bành trướng của phong trào hòa ca, sự chiết phần công phu của nhiều bài hợp ca đã gây được trong quần chúng một ý thức rộng rãi về thẩm nhạc : nghe sự hòa hiệp khéo léo của âm thanh hơn là nghe câu hát. Đó là kết quả đáng mừng vì nó hợp với ý thức quốc tế thường chia nhạc khúc ra hai yếu tố : cung điệu là chánh yếu, còn lời ca chỉ là phụ thuộc mà còn bị chê là ngoại nhạc (extra-musical).

Chỉ có một điều là về phương diện nghệ thuật, thông cảm, những người khó tính nhất là giới người thiên về ý

thức cổ truyền vẫn đặt nguồn thông cảm vào lời ca thẩm thía mặc dầu cung điệu không đòi thay không dễ gì đã thừa nhận « sự gặp gỡ » đó. Tất nhiên muốn chiều thị hiếu thông thường ấy mà phải hi sinh về cung điệu trong sự sáng tác thì khó mà làm thỏa dạ người soạn nhạc có lương tâm.

Âm nhạc mới còn phải đào luyện lâu dài để thành một Việt-nhạc đáng cho nước ngoài đề ý mà đồng thời vẫn còn thỏa mãn được các thị hiếu của người trong nước.

Một điều đáng mừng cho nghệ thuật nhạc là từ xưa nó vẫn tự khai lấy con đường sống, mặc dầu các nỗi khó khăn, mặc dầu các biên giới chính trị. Nó lớn lên như một lẽ phải được thiên hạ tin tưởng, và những điều khó khăn ta vừa nói đây có thể lại là những bậc thang cho âm nhạc tiến đạt.

Phải, Việt-ngữ — nói ra như giọng hát — có lẽ nào lại thành một trở lực cho những tiếng hát của Nhân loại là Âm-nhạc ?

LÊ-THƯƠNG

✧ Người sợ trách nhiệm và tất cả tham vọng chỉ là làm những việc dễ dàng, thường bao giờ cũng thiếu khí lực để dẫn dắt kẻ khác theo mình.

✧ Một quyết định dù chưa hoàn hảo mà được thi hành một cách mau lẹ bao giờ cũng có lợi hơn sự trì hoãn để thực hiện một quyết định lý tưởng không thi hành bao giờ, hay thi hành quá trễ.

ĐẾN VIẾNG GANDHI

VŨ-KÝ dịch

Ahmedabad 3 tháng 3,

TÔI chưa muốn rời khỏi Ấn-độ khi chưa được gặp bậc vĩ nhân còn sống của dân tộc Ấn; vì thế cách đây hai ngày, tôi đã đến Sahjagha-Ashram, nơi cư trú của Gandhi.

Ngài đã tiếp tôi trong một căn phòng gần như trống trải; ngồi phệt dưới đất, ngài đang trầm tư mặc tưởng bên cạnh một tay quay tơ không có chỉ. Tôi tưởng rằng ông còn xấu xí và gầy gò ốm yếu hơn những tấm hình mà tôi hằng được thấy.

— Ông muốn biết — Gandhi nói với tôi giữa bao nhiêu câu chuyện khác — tại sao chúng tôi lại thích đuổi người Anh ra khỏi đất nước chúng tôi.Ồ! thực là giản dị: chính người Anh đã dạy cho chúng tôi ý thức rất tính chất Tây phương ấy. Tư tưởng ấy thành hình do một sự trú ngụ lâu dài của tôi ở Luân-đôn. Tôi đã được biết khá sâu sắc

rằng không một dân tộc nào ở Âu-châu lại có thể chịu để cho một dân tộc khác thống trị và điều khiển mình. Và nhất là ở người Anh, ý thức về quốc thể và nền tự chủ quốc gia ấy được phát triển mạnh hơn đâu hết. Tôi không còn muốn người Anh ở nước chúng tôi, chính vì tôi giống người Anh quá! Điều không mâu thuẫn chút nào! Những người Ấn già nua ở đây không bao giờ quan tâm đến bao nhiêu sự việc đã xảy ra trên quả đất này, và họ lại càng không thêm chú ý đến chính trị nữa.

Đắm mình từ tư tưởng đến thể xác trong sự suy tưởng về những ý niệm Atman, Brahman, Tuyệt - Đối, họ chỉ còn muốn tiêu tan tâm hồn trong linh hồn duy nhất và nhiệm mầu của Vũ trụ. Đối với họ, cuộc sống tầm thường, cuộc sống khách quan này chỉ dẹt toàn bằng ảo tưởng và điều quan yếu là

(1) Xin đọc B.K. số 35.

phải tự mình giải thoát ngay, bắt đầu bằng siêu phàm thoát tục rồi bằng cõi chết. Văn hóa Anh quốc, và nói chung, văn hóa Tây phương, du nhập vào đây bằng hậu quả của cuộc xâm lăng thống trị đã thay đổi hẳn quan niệm mà chúng tôi hằng có đối với cuộc đời. Tôi nói : « chúng tôi » đề chỉ những người trí thức, bởi vì đại chúng hẳn còn mê muội, qua bao nhiêu thế kỷ rồi đối với sứ mạng giải phóng chính trị mà Âu-châu đã mớm cho chúng tôi. Người Ấn đầu tiên đã hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng Tây phương ấy lại là tôi và tôi trở nên người hướng đạo của toàn thể dân Ấn, chính vì tôi ít giữ giòng máu Ấn hơn bất kỳ người đồng bào nào của tôi.

Nếu ông có xem những tác phẩm của tôi và nếu ông có theo dõi công cuộc truyền của tôi, ông sẽ dễ dàng cảm thấy rằng bốn phần năm kiến thức và nền giáo dục tinh thần và chính trị của tôi bắt nguồn từ Âu-châu. Những bậc thầy chân chính của tôi là Tolstoi và Ruskin. Lý thuyết về bất đề kháng của tôi thấm nhuần nhiều Thiên-chúa-giáo hơn Ấn-giáo. Tôi có dịch Platon, tôi tán thưởng Mazzini, tôi suy nghiệm về Bacon, Carlyle, Böhme, tôi hấp thụ Emerson và Carpenter.

Những tư tưởng của tôi về sự cần thiết phải chống đối đều do Thoreau, bậc triết gia cô đơn ở Concord, và cả công cuộc tôi hướng dẫn chống văn minh cơ khí chỉ là sự bắt chước những sự kiện lịch sử đã xảy ra ở Anh quốc từ 1811 đến 1818, do những đệ tử của Ned Lud. Cuối cùng, thi vị của khung quay tơ bằng tay chân này cũng chỉ đến với tôi khi tôi đọc tác phẩm Faust của Goethe, trong đoạn Marguerite. Ấy đó,

ông thấy, những lý thuyết và tư tưởng của tôi không có gì thuộc về đất Ấn cả, mà hoàn toàn bắt nguồn từ Âu-châu, và nhất là của các văn hào Anh quốc. Ông có tưởng tượng được rằng chính ở Luân-đôn năm 1890 mà tôi đã được học Bhagavad Gitâ và do một người đàn bà Anh, bà Besant, dạy bảo cho ! Và bây giờ nếu tôi chủ trương liên kết thành một khối tất cả những người Ấn từ kẻ theo Hồi-giáo, Ấn-giáo đến người theo Thiên-chúa-giáo, tôi cũng chỉ theo đúng học thuyết thống nhất tôn giáo mà đạo học hoàn toàn tây phương đã đề xướng. Cũng không cần thêm rằng khi tôi kết án sự phân chia giai cấp ở Ấn, tôi đã theo đúng các nguyên lý Bình-dẳng mà cuộc Cách-mạng Pháp khởi xướng.

Lịch sử Âu-châu về thế kỷ XIX có ảnh hưởng rất quyết định đối với tôi. Các cuộc chiến đấu của người La-mã, Ý, Ba-lan, Hung-gia-lợi, các dân tộc Bắc-Ấn để chống lại nền thống trị của ngoại bang đã mở mắt tôi. Mazzini trước mặt tôi là một vị tiên tri. Và lý thuyết dân tộc tự quyết của Ái-nhĩ-lan đã là mẫu mực, khuôn phép cho phong trào giải phóng ở đây mà tôi gọi là Hind Swarai. Người Ấn chúng tôi, một dân tộc ưa siêu hình và nhẩn nhục, thường xem chính trị như một ngành hoạt động hạ cấp : nếu chính phủ là thực cần thiết — họ nghĩ như thế — và nếu có những kẻ nào muốn ra nắm chính quyền, thì họ cứ làm ; càng hay cho chúng ta : bớt một nỗi nhọc nhằn, một mối lo nghĩ cho ta. Ấy, họ nghĩ thế đấy. Người Ấn sống với phương diện tinh thần thuần khiết, họ chỉ muốn kiếp sống Vĩnh Cửu. Họ có cần gì biết ai cai trị ở đây, hoặc các vua bản xứ hoặc các

chúa ngoại bang ! Ấy chính vì thế mà chúng tôi đã chịu đựng hằng bao nhiêu thế kỷ sự thống trị của Mông-cô và dân Hồi. Và rồi người Pháp, Hòa-lan, Bồ-đào-nha, Anh lại đến, họ đặt những thương điểm ở miền duyên hải Ấn, họ đi sâu vào nội địa, chúng tôi thân nhiên để họ làm. Chính người Âu-châu, tôi lặp lại, riêng người Âu-châu, phải nhận trách nhiệm về ước nguyện hiện tại của chúng tôi là đuổi người Âu-châu ra khỏi đất Ấn. Tư tưởng của họ đã thay đổi chúng tôi, họ đã làm chúng tôi mất dân tộc tính Ấn và rồi, trở nên đệ tử của các bậc thầy, mong ước đến với chúng tôi là không có ai là thầy chúng tôi nữa. Con người đặc sệt và chín mùi tư tưởng Anh quốc, ấy lại là tôi, và bây giờ, tại sao tôi lại hiện mình làm kẻ lãnh đạo cho công cuộc Thập-tự-quân kháng Anh. Ở đây, không phải như bao nhiêu ký giả Âu châu đã đặt điều, có sự xung đột giữa Đông và Tây phương. Trái lại : chủ nghĩa Âu-châu đã thấm nhuần Ấn-độ dạy chúng tôi bắt buộc phải nổi lên chống lại Âu-châu. Nếu Ấn-độ còn giữ nguyên vẹn dân tộc tính Ấn thuần khiết, nếu mảnh đất này còn là hoàn toàn Đông Phương thuần túy, trăm mặc và buông theo định mệnh thì không có một đồng bào nào của tôi nghĩ đến thoát ách đô hộ của người Anh. Ấy, chính tôi đã trở nên kẻ phản bội cái truyền thống cổ kính của Tổ quốc chúng tôi mà tôi hiện là vị cứu tinh của toàn dân Ấn. Qua sự thoát xác của tôi, để phụng sự cho lý tưởng của tôi mà nền văn hóa Anh được phổ biến trong các trường học Ấn mĩa mai thay ! đã sửa soạn thành mảnh đất thích hợp, kiến tạo những điều kiện thuận lợi ; các tư tưởng của Âu-châu bây giờ đây đã đi sâu vào

quần chúng Ấn và thôi rồi, không có thuốc gì cứu vãn nổi. Một người Ấn thuần túy chịu nổi cảnh nô lệ. Một người Ấn đã Anh hóa muốn tự mình thành chủ nhân ông của Đất nước mình như mọi người Anh đã muốn trên nước Anh. Những người thân Anh quá khích như tôi vào khoảng 1920 đều nhất thiết là chống Anh.

« Và đó, thưa ông, là cái bí mật thực và chân chính của một phong trào ở đây mà người ta thường gọi là phong trào Gandhi nhưng muốn đúng hơn, phải gọi là phong trào của những người Ấn quay theo chủ nghĩa Âu-châu để chống lại những người Âu-châu phản bội chủ nghĩa mình. Tôi muốn nói : chống lại cũng chính những người Anh đó ; họ chết điếng vì tủi nhục nếu trong nước họ, người Pháp hay người Đức lại muốn xưng vương xưng bá nhưng ở đây, dưới những lý do nhân đạo bác ái, họ lại muốn cỡi đầu cỡi cổ một dân tộc không phải của họ.

Các ông đã thay đổi tâm hồn chúng tôi rồi và chúng tôi không thể chịu đựng sự hiện diện của các ông ! Ông còn nhớ câu chuyện Người Phù-thủy học nghề của Goethe chứ. Người Anh đã thức tỉnh trong người chúng tôi con quỷ chính trị lâu nay nằm ngủ mê trong trí óc chúng tôi, những đạo sĩ quên đời, vô tư và chính người Anh bây giờ cũng không biết làm sao hủy diệt con quỷ ấy ! Mặc kệ các ông ! »

Từ vài phút trước rồi, một đạo sĩ đã bước vào phòng và im lặng kính cẩn vái chào vị Thánh sống. Ngài vừa dứt lời nói với tôi, tôi xin cáo từ, tâm tư vẫn còn trăm mặc như chính lúc được ngồi hầu chuyện trước mặt Ngài.

ĐỒNG VỌNG



Anh buồn mãi những ngày dài đơn chiếc
Chiều bơ vơ nghe sóng dấy trong lòng
Từ những ngày xưa khi mắt còn trong
Tóc còn biếc anh đã buồn vô cớ
Những buổi trưa êm nằm im trên cỏ
Nhìn mây trôi nghe gió động trên cành
Những buổi thu về phai nắng vàng hanh
Anh thơ thẩn một mình trên đường vắng
Đôi chân bé dèng giảo đường im lặng
Anh trầm ngâm nhìn Thánh tượng hoang mang
Rồi những chiều đông rụng lá khô vàng
Anh sợ hãi nhìn chân trời sương xuống
Đôi mắt vờ trông chim xa về muộn
Và nhà ai heo hút gió sang mùa
Tuổi mười ba thao thức những đêm mưa
Thả tóc xòa trong những chiều lộng gió
Anh ngây ngất theo men đời chớm nở
Từng mùa xuân theo cánh bướm bay đi
Vàng trắn thơ ngây ấp mộng xuân thì
Đã phâng phất những nét buồn xa tấp
Tà áo màu kia một chiều anh gặp
Con đường buồn kia một sớm anh qua
Để lại tim anh một nét mơ hồ
Tình xanh biếc và êm như cỏ mượt
Thuở mười chín mộng sâu lên mắt ướt
Ngày hai mươi nức nở chuyện tâm tình
Những đêm dài thơ trắng gọi thần linh

Giữa thành phố ngổ trong lòng sa mạc
Chiều nghe gió tím non buồn xào xác
Ngước trông lên trời thăm thăm mờ sâu
Tìm quẻ hương còn biết thấy nơi đâu
Hồn phiêu lãng những chân trời dương thế
Lòng đã chán cho chuyện đời dâu bể
Mà thời gian còn dấu mộng yêu thương
Đời xa hoa làm nghẽn lối Thiên-Đường
Theo hung lụa từng mảnh đời tan nát
Người mê đắm theo tháng ngày hoan lạc
Một mình anh thầm tính chuyện xa xôi
Những nẻo anh đi gió núi mưa đời;
Chân rớm máu bước trên đường gai góc
Ngó trước nhìn sau đầy phùng ô trọc
Trò cuồng điên vui sân khấu nhân gian
Từ mái tranh khổ cuộc sống cơ hàn
Đến gác tía lầu son đời vương giả
Anh chỉ thấy trần gian đau đớn quá
Những mồ hôi cùng nước mắt thay nhau
Kẻ khóc đơn côi người nguyện kính cầu
Chiều thác loạn lửa oán hờn cao ngút
Anh bước bơ vơ lối mòn heo hút
Một mình đi cho đoạn một đời sầu
Dù thơ buồn không vọng đến ngàn sau
Thuyền lạc bến cũng trôi bời mưa gió.

HUY-TRÂM

VỊNH « HỒ - TRẢ - KIỂM - LẠI »

Mưa, Nắng bao lần chơi mặt Nước !
Kiếm thần một lặn biết vùi đâu ?
Ngàn sau, ngược lại đường Nam-tiến,
Có kẻ im lìm ngắm nước cau.

Tháp Rùa, Trung-thu 1946.

Ngũ-Í NGUYỄN-HỮU-NGƯ

(Có những bài thơ...)

MƯA ĐÊM

Đêm nay mưa nhỏ bâng khuâng
Gió lùa tranh giọt cỏ phồng vắng teo
Chập chờn gối mộng sâu gieo
Đêm sâu, sâu quá ! đèn leo lắt tàn
Song hồ rọi bóng trăng lang.
Tiếng ai nức nở ngơ ngàng đầu đây
Hoa tàn rủ gió heo may
Ba bề tịch mịch trăng bày chơi vơi
Lòng nghiêng nghiêng gió mưa rơi ...
Tình đi tám hướng sâu khơi mịt mờ
Trăm năm ai có đợi chờ
Mà ta thương ngàn sâu ngơ thế này !
Gió reo sương rụng lìa cây
Bao nhiêu vương vấn nghẹn đầy tâm tư
Nhớ, thương, sâu, hận mơ hồ
Chìm theo bóng tối, đêm mưa lạc loài ...

KIM-THU

VỜI VỢ

Tôi thương miền Trung nghèo ngật,
Tôi nhớ miền Bắc khốn cùng !
Gió thổi đêm dài hiu hắt,
Ngày buồn phượng đỏ rưng rưng...
Máu chảy gan bầm ruột đứt,
Đôi bờ cắt xé quê hương !
Căm căm mấy mùa hoang loạn.
Anh hăng vác súng lên đường...
Cầm tay em buồn nghẹn nói,
Nao nao tình nặng núi sông.
Đôi mắt em sầu vời vợi,
Bụi mờ cuối bãi đầu nương.
Em khóc nhiều khô ráo lệ,
Hoài mong phai nhạt má hồng !
Bâng khuâng hận trào mái tóc.
Tái tê đạn rêu chiến trường..
Nửa chiều sương pha khói lạnh
Lòng em bừng sáng chiến công.
Em ơi, đợi chờ em nhé !
Sáo ngàn kể chuyện bên sông...
Như ngày đi cùng hò hẹn,
Ngày về quyết chẳng về không...

DIỄN-NGHỊ





LÃO BẮT CÁ

LÊ VĂN

ẢNH đèn con cóc thật là tù mù. Thực chất của loại đèn đó không sáng, gặp lúc cạn dầu, hết tim càng thêm leo lét. Ngó quanh quần, trông thấy cái quần cụt của Lão Sáu, Nam mới nghĩ đến cách xé bớt một rẻo lai dài hơn tấc, ngang hai phân, vo tròn lại làm tim. Vải mục, lại bị nong phèn nên tim trùng đóng ở đầu thành nhiều đốm đỏ lí rí, bập bùng hắt một thứ ánh sáng nhòe nhọt khiến toàn thân Lão Sáu có trùm khăn rằn rí, lộ hai chân vảnh lên trông hết sức quái đản.

Ông chủ đất của Lão ghé thăm qua đã về. Còn đây, Nam và Bà Tư, người đàn bà mà theo lời đồn đại, thuở thiếu thời có cùng Lão hẹn lời vàng đá. Lão nghèo, thành kiến đảng hạng đào hố giữa mối tình đó. Buồn tình, Lão cắt chân phiêu bạt cho tới một ngày chim trời mỗi cánh, ghé lại đây vừa lúc Bà Tư vật vã bịt khăn tang chồng. Lỡ làng đã là số kiếp, mấy nét nhăn nheo điểm nét xuân tàn, phối hợp làm gì cho đau phận hồng nhan, nhưng sóng đời gió đập siết chặt mối liên hệ giữa những người sống

nhiều khò ải. Lão Sáu dừng bước từ đó, dựng lúp xúp một mái nhà con, sống cô thân, dầu dãi nắng mưa đôi lấy miếng cơm. Lão làm công cho chủ điền, làng nước. Lão gác quốc, gác cu, xom lươn, bắt rắn, đặt lờ, câu thược, bắt cá, mò tôm và thường khi trao đổi với Bà góa phụ Tư (đang thủ tiết nuôi con) vài con tôm đôi lấy rau, ngò, một khúc rắn đôi vài muống mớ, đôi tép hành hương và một ít tiêu cay.

Từ chiều lâm đại nạn, Lão trần trở một lúc rồi xuôi tay nả phê phê đó. Cái chết đến thình lình, thân xác Lão toàn vẹn, đặt nằm ngay ngắn in như người ngủ. Kế bên Lão, Bà Tư nhai trầu bồm bồm, đôi khi ngậm lại hằng mười phút, mắt dăm dăm nhìn màn đen che mờ mé lá ven sông. Trên bộ vật tre, ba ông bạn nhậu đương thời của Lão khóc bạn, say men, nằm la liệt thả hồn phiêu phưởng.

Nam nghe mệt mỏi lắm nhưng mắt cứ mờ trăn tráo và đầu óc lại nhớ lời Lão một cách khúc chiết rồi dăm phân vân nghĩ ngợi sai đúng về lời bình phẩm ban chiều.



Lão thường tỏ ý :

— Cọng cỏ nhỏ sương. Mỗi giống vật đều có một sức mạnh đặc biệt và một bản năng tự vệ đề sinh tồn, muốn bắt được nó phải dùng đủ mọi chước, chước diệu hồ ly sơn là một. Gác quốc, gác cu thì vậy mà đi mò sông, mò đồng cũng phải vậy nữa.

Về cách mò sông, Lão từng chỉ cho Nam :

— Nước những lón (1) cá đi ăn, vừa giựt ròng cá về chỗ ngụ. Nước ròng sát, bên doi thì bày bãi, bên vịnh thì bập dừa ló lên cao phụ làm thành vách ngăn chặn mới dễ bắt cá tôm.

Tép bạc, tôm lóng, cá bóng dừa hay ở theo kệt bập dừa. Loại cá lón như cá bông, cá lóc, cá chêm thì thường ở lùm bần, lùm rau câu (2), búng (3) sâu hoặc dựa vào mấy đống chà to. Loại cá đó mò dụng chỉ đề tiếc rẻ chớ không dễ bắt. Cá bóng tượng, thác lác, nâu, sài vinh, mè, éc hay ăn rong ở mé cỏ, mé rau mát. Tôm càng thì đeo ở rễ nga. Tôm càng còn có biệt hiệu là thợ rèn vì càng nó gấp chắc có thua gì kim sắt đầu. Đặc biệt, cá rô biển rất thích mé cỏ rau trai, cỏ gai sứt. Đại loại là vậy chớ cá mặt quỷ, lưới trâu, nóc mít, mang rô cũng thường ở lùm xam theo mé không phân vùng gì cả. Ở mé mái dầm thường có lịch, cá trạch lấu. Bãi nghề còi, sâu bần ngựa tuột quần không kịp, ít người dám « mạo hiểm » chớ ở đó cá tôm nhiều lắm. Thình thoảng Lão cũng có dụng da rắn ri cóc nhám xam dưới những lùm u tịch.

Kề ra thì nhiều, chớ đi mò bắt chẳng bao nhiêu. Mò bên doi thường được thác lác, tôm lóng, cá trê, cào cưng, (4) cá rô

(1) Xin xem tiếng địa phương của tạp chí B.K. số 39 — 42.

(2) Có hai loại rau câu : Một loại cọng nhỏ, màu trắng trắng, dùng làm xu-xoa thuộc về rong biển. Một loại khác, cọng to bằng ngón tay cái, có khía mình, thuộc loại giầy leo, có gai ngoéo tròn lại như lưới câu, mọc thành lùm theo mé sông. Lá và đọt dùng ăn cặp với bánh xèo khá ngon.

(3) Xin xem tiếng địa phương của tạp chí B.K. số 40.

(4) Cào cưng là cá lóc nhỏ.

đồng ; mò bên vịnh có tôm càng, rô biển, bóng dừa v.v... Nói chung có nhiều loại cá ở không phân doi vịnh.

Đi mò, lạnh tay là điều kiện tối cần nhưng hớp tớp, nắm không chủ đích, nắm không chắc chỉ tồ tiếc rẻ mà thôi. Đi mò còn dễ đứt tay chân vì miếng chai, sóng lá, chà tre và có thể bị thiệt thân nếu đề râu râu hay đến cần. Nguy hiểm nhất là loại đến cườm. Đến ít cần, nhưng hể cần thì làm sôi dờm, chạy không đúng thuốc, mạng sống cầm bằng sợi tóc. Trường hợp gặp cá mặt quỷ (có nơi kêu là cá ba gà, mặt cộp hay mang ếch) lở nắm lôi thôi bị nó giương gai chạm phải thì nhứt nhối vô kè, mặc sức rên khóc. Gai nó bén như kim ghim đâm nhứt hơn gai cá đuối, cá ngát, cá trê trắng hay cá chốt cờ. Người không quen chịu đựng sẽ bị sưng tay, nổi hạch, nóng lạnh mê man đến giáp cữ. Tuy nhiên, thịt nó ngọt và thơm, đem xỏ lụi nướng trui là một mối nhậu hảo hạng.

Nọc cá đối với Lão chẳng « sơ múi » gì vì Lão quen chịu đựng, biết nhiều thứ thuốc trừ nọc, lúc nào cũng có sẵn. Bị cá đâm, nghe nọc chạy, Lão có thể nói trúng vanh vách loại cá như chơi vậy.

Mỗi loại cá tôm đều có một khả năng chiến đấu và tự vệ để sinh tồn. Tôm có gai ở đầu, có càng làm tay chân, có cách búng đuôi xành xạch là ngón đòn lợi hại. Cá lưỡi trâu mình mỏng vánh, da nhớt nhớt thường vượt tay. Cá lăng, cá trê, cá ngát, chốt cờ, chốt giấy, úc mím, úc xào, cá nâu, cá chêm, rô đồng, rô biển... có kỳ, có ngành toàn là những thứ khí giới hiểm ác. Đùng tưởng thác lác mảnh mảnh mà lăm. Mang nó mỏng, bén hơn dao cạo, quẹt ngang tay đồ máu không hay.

Có lẽ phải lưỡi dao cạo râu gilette... nhân hiệu đầu hình mới may ra bén ngọt bằng mang thác lác. Loại cá thiếu « khí giới » thì có những khả năng khác. Cá thăng chài, mè, vánh, sài vịnh, lóc, bông, cá ngựa có tài phóng lẹ, phóng xa như hiệp khách phi thân. Lòng tong, lìm kìm, tép bạc thuộc loại yếu đuối, mảnh mai thì được thiên tài là rất lẹ. Thành ngữ « lẹ như tép » đủ chứng minh tài ba của chúng. Khu khờ nhứt là con bóng tượng. Nó vùng vẫy rất mạnh nhưng không hay vùng vẫy. Mỗi lần bị rờ đụng, nó đánh ục dưới bùn sâu hoặc phùng mang, xòe đuôi, trần mình để người mò lăm tưởng đó là khúc cây, lỏng tay mà dung cho mạng sống. Nó có sức chịu đựng hay vô cùng. Nằm trong cái mo vúm lép xép nước hay manh bố tời nhúng nước quần lại, nó có thể sống cả tuần lễ.



Lão Sáu chết nằm đây để lại cho Nam kinh nghiệm và những lời vàng ngọc đó. Quả tình nếu không có những dư luận trái ngược về cái chết lạ lùng của Lão thì chưa chắc Nam đã chịu khó suy tư, ôn nhớ như vậy.

Ban trưa, nhà tưng món ăn, rau muống luộc và nước mắm trong không đủ trớn nuốt cơm, Nam mới rủ Lão cùng đi mò. Già nua, nói năng không suông lời nhưng Lão làm rất được việc. Dù ai có xốc xáo, lạnh tay hay giành mò trước Lão đi nữa cũng chỉ bắt cá tôm bằng phân nửa của Lão là cùng. Nghề mò của Lão đã đến mức tinh vi, đúc kết nhiều kinh nghiệm tuy Lão không lý giải được. Nam hay bắt

kỳ ai muốn học nghề Lão thì cứ việc đi theo, trông tỉ mỉ cách mò của Lão tự chiêm nghiệm lấy. Giá mà Lão và các nhà lý thuyết suông bù trừ cho nhau cách nói và làm theo thuyết « tri hành hợp nhất » thì cuộc đời vui hơn biết mấy.

Đến đúng cái mồm doi có rau mát đóng giề ra lơ thơ, Lão đắc ý lắm. Kỳ đi mò trước, nơi đây, Lão đã cặm nhánh cây và sóng lá thành đóng chà nhỏ cho cá dựa.

Lão trầm mình ngập nước quá vú, lội ngược dòng, lù lù tiến tới. Trên vành khăn rằn quấn ngang đầu Lão, hai điều thuốc rỏ vẩn sần đã trả khói cho mây, trả xác cho nước. Lão chỉ còn một miếng trầu trong miệng, hết ngậm rồi nhai, rồi lại ngậm đến bả ra nhão nhè nhão nhệt, thỉnh thoảng trào nước cốt đỏ đóng nặng nặng ở hai vành mép râu lưa thưa. Ý định của Lão, qua khỏi đóng chà này sẽ lội về, vừa đúng bến nhà Bà Tư. Nơi đây có cầu thang để tắm, sau đó, sẽ cùng Bà Tư trao đổi cá lấy vật dụng cần thiết cả những lời khen không bóng bầy nhưng ấm lòng.

Xâu cá sau lưng trĩu nặng, cá phơi ức dật dờ, râu tôm bị nước rỏ cong quặt. Lão và Nam mò chậm, kỳ đến thành từ

tồn, do dự. Mắt Lão ngó chằm chằm về phía đóng chà.

Lão mẩn mò dưới sinh vừa được con cá rô đồng thì vừa trông thấy mé bãi bị cời lên một đường thẳng chạy về phía Lão. Cá có thói quen hể nghe động thì chạy ngược nước như vậy. Lão chắt lưỡi rỏ to. Nước cốt trầu có dịp tràn ra,

cả những bả nhỏ, loang từng dốm đỏ lấm chấm trên mặt nước. Bỗng dưng, cá chúi, nổi bọt sinh sôi ùng ục về phía chân Lão. Bản tính Lão trầm mặc mà đến kêu lên « úy, úy... » liền miệng. Lão bồng trầm mình, mặt hơi hồng, gân trán hằn lên, đập hai chân lún bùn quá gối. Lão không còn thì giờ xỏ con cá rô đã nằm trong tay. Cá kia biết bắt được chẳng nên cá này Lão không đành bỏ. Lão kêu Nam chưa trợn câu thì chân Lão cộm lên, cá toan thoát

chạy. Lão vận dụng hết sức lực ra đầu chân miết sâu xuống mà sao nó cứ gò gò lên đến là hồi hộp. Có lẽ bóng tượng hay cá lóc gì đây, ít lắm cũng vài ký.

Không chần chờ được, Lão phun phẹt bả trầu, há miệng ngậm cá rô ; một cách cẩn trọng, hai tay thọc sâu xuống. Lão miết tay xuống mãi. Nước ngập tới ức, nửa căn cò rồi tới cằm.



Một chèo giề khăn quần đầu đã chấm nước. Mặc. Mắt Lão trực sáng lên và râu mép rung rinh. Hai tay Lão đã móc được vào hai mang cá. Lão ngọng nghịu báo tin mừng với Nam, bỗng dưng, mắt Lão trợn trừng, đầu ngóc lên cúi xuống lia lịa. Thì ra, nhân lúc Lão há miệng, cá vọt vẩy vùng. Đầu cá trở vô trong nên sinh lộ của nó là dốc giọng, là cuống họng. Lão khọt khọt mưa ra nhưng hết được rồi !

Toàn thân Lão run bắn, mắt đỏ ngầu lảo liên, tiết nước trong veo chảy ngoằn ngoèo. Lão lỏng tay bao giờ. Cá ta hú hồn, đâm đầu chạy cời lên mé bãi rồi mới quành trở xuống, mắt hút. Cả Nam lẫn Lão không ai để ý đến nó nữa. Nam dúi Lão sát vào bờ. Lão lỏng lộn vô kè. Kỳ, mang cá giương ra, đâm xóc đầu đấy, máu từ miệng Lão vọt ra loang hồng.

Nước mắt Lão ràn rụa. Lão nhảy mũi liền hai cái khèn khẹt. Máu từ mũi chảy ra, có chất nhờn lòng thông. Nam diếng hồn, kêu vọng qua bên kia bờ gấp rút, hái hùng như khi nhà cháy.

Bà Tư hốt hoảng sai con chèo xuống qua. Thân xác Lão oặc oà, Nam dúi Lão đỡ được lên xuống là cả một sự khờ nhọc. Nam mệt dừ, một tay vịn Lão, một tay bỏ sãi trên be xuống, ngực phập phồng thở dốc. Chèo chạt liền mái đưa thuyền ra đến nửa sông, Nam mới gượng gỡ râu cá đeo trong vòng lưng của mình và Lão.

Tôm bị xỏ đuôi, cá bị xỏ tét mang rỉ máu. Máu cá và máu Lão ồng ộc ra

đỏ cả đáy xuống. Người chèo và Nam nhăn mặt rần rún mà cứ bắt phải ngó.

Tin Lão lâm nạn được người trong xóm biết mau nhắp nháy. Họ ngưng ngay việc làm ủa tới với Lão. Trong nhà chật chội với lại sợ « xúi quẩy » (1). Bà Tư trải chiếu trên sân gạch để Lão nằm dài lên đó, hối thúc mọi người vây quanh tìm phương vùa giúp.

Năm người mười ý là sự thương. Lão quần oại rên siết mà người ta còn mãi bàn ra tán vào về phương pháp cứu chữa. Kẻ nói nên đâm cổ cút heo vắt nước đổ vào miệng cầm máu. Người giành họa bùa để đuổi âm binh các đảng rồi sẽ lo thuốc sau. Bùa chú không linh, cây cỏ cầm máu vô hiệu, có người theo âu học, bàn chuyện vạch miệng Lão để móc cá. Nhưng ai cũng ngại, nếu còn sống, cá nhân dịp miệng há, rộng đường, chum sâu vào nữa thì thêm nguy nên tuy định là định vậy mà mãi đến lúc mắt Lão hoàn toàn trắng bạch, đứng tròng, hai mí mắt lụp xụp khép hờ mới có người bạo tay hành động.



Công luận là điều đáng lưu ý. Một kỳ Lão xướng lên việc nhờ Bà Tư vuốt mắt Lão khép lại để tâm linh Lão yên nghỉ. Toàn thể tán thành ý đó, nhiều giọng rất hóm hỉnh.

Hoàn cảnh Lão bị nạn ngang bến Bà Tư, được con Bà chở về đặt nằm trên sân và giờ một câu vái van, một bàn tay run rẩy để trên mặt Lão mặc nhiên công nhận liên hệ thủy chung của mối tình dang dở. Nhiều bạn nhậu chia nhau chùi máu, lấy khăn nhúng nước lau bọt rong đóng ở

(1) Xúi quẩy : xúi xẻo.

cầm, cồ, ngực và bunn non đóng khăng ở hai chân Lão. Họ khiêng Lão về đây chờ mai xin ván ráp hòm xong sẽ chôn cất. Lão đã đành yên rồi phận bạc, có mỗi cái dư luận là lắm điều.

Người ta nói Lão chết vì câu sanh nghề tử nghiệp. Kể bàn, tại Lão « bắt cá hai tay ». Những ý : Đi mò giữa trưa đựng âm binh Bà Thủy, số kiếp, tại cái lệ của con sông (mỗi năm phải bắt chết một người) v.v... cũng được đề ra và tranh cãi. Cuối cùng, thành ngữ « bắt cá hai tay » quen thuộc và vì trong câu có tiếng trùng với nghề nghiệp của Lão nên được nói nhiều hơn cả.

Chỉ có Nam găm đầu, nuốt nước miếng nghe gắt cồ và có vị đắng : Nam bắt bình lời phê phán về Lão nhứt lại là những câu bông đùa. Lão vẫn tự nhiên nhưng tội nghiệp cho Bà Tư, đã quá xuân thời vẫn còn đỏ mặt, khó chịu vì câu trên quá đáng.

Sự xáo động do cái chết của Lão cùng với trời chiều bóng ngả, tản mạn theo các nẻo về. Giờ chỉ còn Lão nằm đây, Bà Tư gác lại việc nhà đến ngồi kia, ba ông bạn già nằm la liệt đó và Nam. Nam muốn xua đi hình ảnh cái chết kỳ dị của Lão nhưng không được. Nghĩ vẩn vơ, sự sợ hãi tự trong tiềm thức vùng dậy. Nam nghe sợ cá rô, sợ những sinh vật mở huyết lộ. Nam lầm bầm một điều tự cho là nguyên lý : Sự quật khởi của bất cứ giống vật hay con người đều có một hậu quả khôn lường. Bình thư Tôn-Tử : « Chớ rượt giặc cùng » chắc chẳng ngoài điều ấy.

Rồi Nam lại cố mình định về cái chết của Lão Sáu. Nam nghĩ rằng, tai nạn của Lão cũng như tai nạn lao động của thợ thuyền trong công xưởng, lao

tâm của nhà nghiên cứu, lao lực của bác nông dân nắng dãi mưa dầm. « Bắt cá hai tay » là thành ngữ ám chỉ sự tham lam, đứng núi này trông núi nọ, bỏ mỗi bắt bóng. Ví như chị gái buông bắt những kẻ cầu thân, quan viên giành kiêm nhiệm nhiều chức vụ để so lương, tạo uy thế làm tiền hơn là có thực tài quán xuyến. Vị nhỏ bỏ lớn, vị lợi gần bỏ lợi xa, vị tư lợi bỏ công ích ; làm tiền, làm tình, làm quốc sự hai ba chân là « bắt cá hai tay » gây thiệt thòi cho đại cuộc biết bao nhiêu ! Khổ nổi, lắm kẻ đường hoàng, làm công việc đó.

Bốn bề im lặng. Sương xuống trắng xóa, lăn trở mình trên mái nhà kêu lắc rắc. Dầu gần hết và lại phải thay tim.

Nam giờ khấn đắp mặt, nhìn Lão thêm lần nữa.

Trông Lão khác thường, vì cồ họng sưng to lên và hàm bên trái no ra như khi độn trầu. Những nhăn nhó, những khủng khiếp vẽ ghê rợn trên mặt Lão ban chiều như được bàn tay vuốt sả của Bà Tư lau đi tất. Trừ hai mí môi vì độn cá bên trong nên chỉ khép hờ hờ, hơi méo về bên trái thì trông Lão thản nhiên, yên tĩnh và vô tư hơn lúc sống nhiều. Trông mãi Lão, Nam nghiệm ra một điều : Lão có đếm xỉa gì đến dư luận đâu, cả những cử chỉ sỗ sàng của Bà Tư, cả những lời biện minh của Nam nữa. Những tình cảm trên cọt, mến thương, tiếc rẻ hay gì gì ấy chắc Lão cũng không cần nốt.

— Những khen chê sau bất kỳ cái chết nào chỉ để làm luận đề, bài học luân lý, kinh nghiệm để phòng cho người sống. Đúng là chỉ để cho người sống. Người chết bao giờ cũng rộng lượng, im lặng và dửng dưng.

VIII. 1958

LÊ-VĂN

Những truyện Liêu Trai chưa ai dịch.

KÍ-SANH, CON TRAI

VƯƠNG QUẾ-AM ⁽¹⁾



« Yêu đương đầu phải chờ non biển,
« Khăng khít cần chi đến tốt giao :
« Một sợi tóc tơ huyền đủ buộc
« Nghìn năm người Thục với Chiêm bao.

Tràng thanh âm có năng lực say lòng trên đây đã thăm lặng vang lên thành một nhạc khúc trầm trầm, gây hứng vị bền bỉ trong thần trí tôi suốt thời gian phiên dịch các truyện mộng của Liêu Trai (vốn vốn chỉ có hai : Vương-Quế-Am và Kí-Sanh), nên tôi kính dâng bản dịch này cho tác giả bốn câu thơ ấy : Đại-An-Am tiên sanh.

KIỀU-YIÊU

KÍ-SANH, tự Vương-Tôn, là một danh sĩ trong quận. Cha mẹ thấy lúc còn nằm tã mà đã biết nhìn mặt cha xa cách trở về, cho rằng chàng được cái trí huệ trời phú, nên yêu chàng vô cùng. Lớn

lên càng xinh đẹp. Tám chín tuổi biết làm văn ; mười bốn tuổi nhập học ở trường quận, thường dễ tâm tự chọn bạn lứa.

Cha là Quế-Am có người con gái tên

(1) Xin xem Bách-Khoa, số 40.

BÁCH KHOA XXXXV

gọi Nhị-nương, gả cho ông tú tài Trịnh Từ-Kiều, sanh con gái, tên Khuê-Tú, thông minh diễm lệ không ai bì kịp. Vương-Tôn trông thấy, lòng trộm mến yêu, nhớ nhung tha thiết. Ngày qua tháng lặn, dần bỏ cả ăn uống.

Cha mẹ lo sợ, theo gạn hỏi đến điều, cuối cùng mới chịu thú thật. Cha cậy mai đánh tiếng với Trịnh. Nhưng Trịnh có tính câu nệ khuôn phép, cứ hiềm một nỗi bà con cô cậu với nhau, nhất quyết từ khước. Thế là Vương-Tôn đã bệnh càng thêm bệnh. Mẹ bối rối không biết liệu phương nào, lén nhắn Nhị-nương, ngỏ ý chỉ mong sao được Khuê-Tú đến thăm một lần. Trịnh nghe vậy càng trời giận, thốt ra những lời mịch lòng. Cha mẹ đành tuyệt vọng, tùy ý Trịnh tính sao cũng được.

Trong quận có một họ đông đảo là họ Trương, năm người con gái đều đẹp cả. Cô út, tiểu danh là Ngũ-Khả, lại trời hơn các chị, còn đương thời kì kén rề, chưa gả cho ai. Một hôm đi thăm nhà mồ trong họ, giữa đường gặp Vương-Tôn, từ trong xe liếc dòm thấy mặt. Về thưa lại mẹ hay, mẹ dò biết ý con, tìm đến nhà bà mai họ Vu, chỉ vẽ đường đi nước bước. Mụ mỗi bèn lại nhà Vương-Tôn, lúc chàng đương bệnh, hỏi thăm biết tình trạng ấy, cười rằng : « Chứng bệnh đó già này trị hết được. » Vân-Nương, mẹ Vương-Tôn, hỏi lý do vì đâu nói thế, thì mụ trình bày ý kiến họ Trương, luôn tiện hết lời khen sắc đẹp của Ngũ-Khả. Vân-Nương mừng rỡ, liền bảo mụ đi sang phòng Vương-Tôn nói chuyện.

Mụ mỗi bước vào, khẽ vỗ vai Vương-Tôn mà tỏ rõ sự tình. Vương-Tôn lắc đầu nói : « Y sư đó không hợp với chứng

bệnh này, biết làm sao bây giờ. » Mụ mỗi cười rằng : « Đáng lẽ nên hỏi y sư giỏi hay không mới phải chớ. Miễn là lương y, thì hẵng nên rước, dẫu có chậm trễ chút đỉnh cũng được mà. Chớ cứ cố chấp cầu cho được người nào đó, rồi khẳng khẳng một dạ chờ người ấy mãi đến chết, thế há chẳng phải là si cuồng đó sao ? » Vương-Tôn thở dài mà rằng : « Khốn nỗi trong thiên hạ có vị lương y nào được như lời bà nói đâu. » Mụ mỗi cười rằng : « Rõ là cậu chưa biết nhiều thấy rộng. » Rồi cái gì của Ngũ-Khả, nào dung nhan, nào mái tóc nước da, nào thần sắc, nào thái độ, mụ khoa trương tất cả, miệng miêu tả mà tay ra điệu bộ. Vương-Tôn lại lắc đầu mà rằng : « Thôi, bà đừng nói nữa. Người ấy vượt hẳn lên trên sở nguyện của tôi. » Rồi quay mặt vào vách, không thêm nghe gì nữa hết. Mụ mỗi thấy chí chàng đã quyết, chắc không dờn dỗi, bèn bỏ đi về.

Một hôm Vương-Tôn, giữa bệnh tình trầm trọng, bỗng nhác thấy một ti nữ bước vào mà rằng : « Người cậu mơ ước đến kia rồi ! » Mừng quýnh, lồm cồm nhồm dậy, lật đật bước ra khỏi nhà, thì giai nhân đã đến giữa sân. Nhìn kĩ, không phải Khuê-Tú. Mặc áo dài màu phấn thông vàng, cùn thêu có lẫn xếp nhỏ lẫn tăn, hé lộ hai mũi giày cong vút, thật chẳng khác nào thần tiên. Chào hỏi tính danh, thì đáp rằng : « Thiếp đây là Ngũ-Khả. Lòng chàng say tình, mà chỉ trứ vào Khuê-Tú, sự ấy khiến cho người ta bất bình lắm. » Vương-Tôn tạ lỗi, nói rằng : « Sanh bình chưa từng thấy nhan sắc nên trong con mắt chỉ có một mình Khuê-Tú thôi. Nay đã biết lỗi. » Thế rồi muốn cùng ai thề thốt.

Đương nắm tay nhau khăng khít, thì mẹ chợt đến thăm nom vô về. Choàng tỉnh dậy, té ra một giấc chiêm bao. Quay đầu về phía mộng ảnh vừa tan biến, mặt hoa cười nụ vẫn còn như rành rành trước mắt. Thăm nghĩ nếu Ngũ-Khả mà được giống như trong mộng, thì hà tất luống công ao ước người khó gặp làm chi. Bèn đem việc chiêm bao thưa mẹ hay. Mẹ thấy những si tưởng của con đã tiêu mất phần nào, lấy làm mừng, vội vàng muốn cậy mai dạm hỏi. Vương-Tôn sợ mơ thấy không thiệt mặt, cậy bà lão láng giềng xưa nay vốn quen biết nhà họ Trương, giả thác đi thăm vì một việc bịa đặt gì đó, mà dặn riêng bà rón nhìn rõ tướng mạo Ngũ-Khả.

Bà lão đến nhà, lúc Ngũ-Khả đương bệnh, ngồi tựa vào gối, tay chống cằm, vẻ kiều mị trên đời chẳng ai sánh kịp. Tiến lại gần hỏi : « Cô trong mình làm sao đó ? », thì ả chỉ làm thinh, tay mân mê dải thắt lưng, mà không thốt một tiếng nào cả. Người mẹ thay lời đáp rằng : « Có bệnh gì đâu. Chỉ tại trọn buổi sớm nó sanh sự hờn giận ba má nó đó. » Bà hỏi duyên cớ, thì đáp rằng : « Chỗ này chỗ nọ đến làm lễ vấn danh, đều nhất luật chẳng đành lòng. Đòi phải được như cậu Kí-Sanh nhà họ Vương mới chịu. Làm mẹ thấy con vậy, hết lời khuyên giải, thì lại giờ chứng không ăn đã mấy hôm rồi. » Bà lão cười rằng : « Cô đây mà được kết duyên với cậu Vương thì thật đúng với lời tục thường nói : như đôi dưa ngọc nằm trên mâm vàng. Mà cậu ấy nếu được thấy cô Ngũ-Khả đây, sợ chắc cũng sẽ nhớ nhung tiểu tụy mà chết. Tôi về, cho bà mai đến lập tức, cô nghĩ sao ? » Ngũ-Khả ngăn lại mà rằng : « Xin bà đừng quá vội. Rủi không hợp duyên,

lại càng làm bia miệng cười đồ thôi. » Bà lão cam quyết lánh trách nhiệm làm cho việc phải thành, Ngũ-Khả bấy giờ mới nhoẽn nụ cười.

Bà lão về thưa lại, nhất nhất đều như lời mẹ mỗi đã tô chuốt. Vương-Tôn hỏi tỉ mỉ về chiếc áo, đôi giày, không cái nào là chẳng phù hợp với giấc chiêm bao, rất vui mừng, tâm tình nghe có phần thư thái, nhưng rút cục vẫn chưa dám lấy lời người ta nói làm tin thật hoàn toàn.

Vài hôm sau, bệnh dần dần bớt, lên nhân bà mai họ Vu lại nhà bàn mưu kế làm sao cho được tận mắt trông thấy Ngũ-Khả một lần. Bà bảo là khó, nhưng cũng hứa liệu, rồi đi. Lâu ngày không trở lại. Đương định đi tìm, thì bà mai bỗng từ đâu hớn hờ đi vào mà rằng : « Cơ hội tốt có thể nắm được lắm. Mấy bữa rày, Ngũ-Khả hơi khó ở, ngày ngày đều kêu tỉ nữ đi dạo đi dạo ngang qua sân đối cửa một bạn. Vậy công tử hãy đi rình coi. Cô ấy đi thông thả, chậm rãi như đếm từng bước một, có thể dòm không sót kẻ tóc chân tơ. » Vương-Tôn hoan hỉ, làm y theo lời.

Sáng hôm sau, mượn xe ngựa lên đường thật sớm. Mẹ mỗi đã đứng sẵn đó hồi nào, liền bảo buộc ngựa ở gốc cây trong xóm, dắt chàng vào cái nhà sát bên lộ, xếp chỗ cho ngồi, khép hờ cửa lại rồi đi. Một lát quả nhiên Ngũ-Khả vịn vai tỉ nữ đi ra. Vương-Tôn từ trong khe cửa chăm chăm nhìn ra. ả đi ngang qua cửa. Bà mỗi cố ý chỉ xem cây này cây nọ, để trì hoãn thêm bước chân nhỏ bé của cô ả. Vương

Tôn lên xem đủ mọi chi tiết, phảng phất như lại lạc vào cõi mộng, khắp khởi run rẩy đến nước không tài nào kìm lại cho yên. Chẳng bao lâu, mẹ mỗi đi lại nói : « Đố, thay Khuê-Tú được không ? » Vương-Tôn ngó lời cảm tạ rồi ra về. Bấy giờ mới thưa cùng cha mẹ, cho mai mối qua nhà gái định ngày.

Bà mai sang bên ấy, thì hay Ngũ-Khả đã hứa gả chỗ khác rồi. Vương-Tôn thất vọng, buồn nào muốn chết, tức khắc trở bệnh lại. Cha mẹ lo lắng vô cùng, trách con về sự quá nông nổi làm hại đến thân. Vương-Tôn không nói gì, mỗi ngày chỉ uống chừng một ngậm nước cơm. Qua mấy tháng nằm trên giường, tay chân gầy đét như xương giò gà, bệnh tình so với dạo trước càng thêm trầm trọng. Bà mai chợt đến, kinh ngạc kêu lên : « Sao mà suy nhược đến thế ? » Vương-Tôn rớt nước mắt, ngó hết tâm tình. Bà mai cười rằng : « Công tử rõ thật si cuồng. Hôm trước người ta tìm đến mình, thì lại nằng nặc từ khước ; hôm nay định cầu người ta, lẽ đâu được toại nguyện hay sao ? Tuy nhiên, cũng còn có thể ra tay cứu giúp, miễn là bản tính với già này cho sớm sớm. Giả sử có hứa gả y cho hoàng tử ở kinh đô đi nữa, tôi cũng giành lại về đây được mà ! »

Vương-Tôn mừng quýnh, hỏi có mẹo gì. Mẹ mới bảo viết thư sai người mang đi, hẹn hôm sau sẽ đến đón tin ở nhà họ Trương. Quế-Am sợ đường đột như thế, sẽ bị cự tuyệt. Bà mai nói : « Hôm trước, ông Trương đã có lời thỏa định. Tại lần lửa mấy hôm, thành ra thoát đời ý, hứa gả về nhà

khác. Nhưng vẫn chưa gởi thơ xác định. Ngạn ngữ có câu : Ai lạnh tay nấu cơm, nấy no bụng trước, còn hoài nghi gì nữa. » Quế-Am thuận theo lời.

Hôm sau, cho hai người nhà sang bên ấy, tuyệt không có lời tiếng gì khác ; được thết đãi nồng hậu, họ đi về. Vương-Tôn rất mừng, khỏi bệnh đứng dậy được. Từ đấy mỗi tương tư Khuê-Tú mới dứt tuyệt.

Dạo trước, Trịnh-Tử-Kiều từ chối lời dạm hỏi, Khuê-Tú đã có phần bất mãn. Nay nghe họ Trương tính xong việc gả con, trong lòng lại thêm uất ức, hồn vía đi đâu mất như mắc bệnh gì, càng ngày càng sút đi nhiều. Cha mẹ gạn hỏi, chẳng dám thừa thật. Tì nữ dò hiểu ý tứ, nói lên với bà mẹ. Trịnh hay được, giận quá, không chạy thầy chạy thuốc, bỏ mặc cho chết. Nhị-nương tức mình nói : « Cháu nhà ta, không tệ gì lắm. Sao lại bo bo giữ thói tục của hạng người chít khăn vô học (1), đề đến nỗi giết chết mụn gái còn non dại của chúng ta chớ ? » Trịnh phát cáu nói : « Sanh con gái chỉ thêm khổ thân, nó chết sớm đi càng hay, đề khỏi làm bìa miệng cười. » Từ đó vợ chồng đâm ra bất hòa.

Nhị-nương cố theo nói chuyện với con gái, tính bề gì cũng cho con về với Vương-Tôn, xem như nàng hầu cũng được. Ấy cúi đầu không nói gì, dường như rất bằng lòng. Nhị-nương bàn lại với Trịnh, Trịnh càng nài xưng, phó mặc cả cho Nhị-nương, coi con gái như chết

(1) Thuở xưa, hạng sĩ trở lên đội mũ, còn dân thường thì chít khăn. Từ đời Hán về sau, khăn mới được thông dụng ở mọi tầng lớp.

rồi, không thêm dự chuyện gì nữa cả. Nhị-nương yêu con tha thiết, quyết thật hành lời nói của mình. Ấy bấy giờ mới lộ vẻ vui, và bệnh mới dần dần khỏi. Mẹ lên đi thăm Vương-Tôn, nhất định phải có ngày làm lễ thân nghinh.

Đến ngày, lấy có cháu làm đám cưới, tính về thăm cha mẹ ruột luôn thề. Trời chưa sáng hẳn, sai gia nhân sang nhà anh mượn xe và người đánh xe. Anh cả vốn rất mực mến em, lại thấy hai nơi gần nhau, liền chịu cho mượn cỗ xe ngựa đã dọn sẵn để làm lễ thân nghinh, đem đi rước Nhị-nương trước. Khi về đến nhà, mẹ liền trang điểm cho con gái bước lên xe, cặp hai tên đầy tớ trai và hai bà lão hộ tống lên đường.

Đến cổng, trái thăm lòng chiêm trên lối đi mà vào. Lúc ấy đàn nhạc đã tụt lại đủ. Người tùy tùng cao giọng bảo thồi kèn đánh trống. Tiếng người ồn ào nổi lên một lượt. Vương-Tôn chạy ra xem, thì nữ lang đã lấy khăn hồng che khuất mặt. Chàng luống cuống sợ hãi, muốn chạy đi, thì hai tên bộc nhà họ Trịnh dìu chàng, bảo hãy cùng tân nương giao bái. Vương-Tôn chẳng hiểu đầu đuôi gì cả, lập tức cũng làm lễ vái chào. Hai bà lão dìu nữ lang đi thẳng một hơi vào ngồi trong buồng mới. Bấy giờ mới hay là Khuê-Tú.

Cả nhà xôn xao bối rối, không biết làm thế nào. Lúc ấy đã gần tối, Vương-Tôn hết dám làm lễ thân nghinh như đã dự liệu. Quế-Am sai đầy tớ đem cả sự tình nói thật cùng Trương. Trương nổi giận, muốn đoạn tuyệt ngay. Ngũ-Khả chẳng đồng ý thừa rằng: « Người đó tuy đến trước, nhưng chưa nhận được

sính lễ bao giờ. Chi bằng nhẫn bên ấy cứ làm lễ thân nghinh, là phải hơn. » Cha cho là nói đúng lý, lấy ý đó mà trả lời với người tớ, bảo về thưa lại. Nhưng rốt cuộc Quế-Am vẫn chẳng dám nghe theo. Vợ chồng cứ bàn tính lẫn lộn với nhau, chẳng biết nên mừng hay nên giận. Bên này, Trương ngóng đợi hồi lâu, biết rằng bên ấy chẳng đi rước, bèn dọn cỗ xe ngựa đưa Ngũ-Khả đến nhà.

Thế là phải giảng mừng tân hôn trong một phòng khác. Rồi Vương-Tôn đi đi lại lại cả hai phòng, lảng xảng chẳng biết đặt mình ở nơi nào cho ổn. Mẹ bèn đứng giữa điều đình, bảo nên lấy tuổi lớn nhỏ mà sắp thứ tự. Hai ả đều vâng lời. Đến khi Ngũ-Khả nghe được Khuê-Tú lớn hơn, phải xưng bằng chị, thì lộ vẻ khó chịu, mẹ rất lấy làm lo. Ba hôm sau, cùng họp lại trong phòng của mẹ, thấy Khuê-Tú rõ ra người có phong độ xứng đáng, nên đem lòng tôn kính. Từ ấy tình thế mới yên định. Tuy vậy cha mẹ vẫn nơm nớp sợ lâu ngày chầy tháng họ không hòa thuận được với nhau. Nhưng hai nàng chẳng bao giờ có lời gièm pha qua lại, áo quần giày dép cùng trao đổi cho nhau mặc, yêu mến nhau như chị em ruột vậy.

Vương-Tôn bấy giờ mới hỏi duyên cớ vì sao đã từ khước lời bà mai, thì cười rằng: « Có gì lạ đâu. Gọi là đề báo một phần nào cái thù chàng đã cự tuyệt bà Vu đó thôi. Trước kia chưa thấy thiệp, trong lòng chỉ có một mình Khuê-Tú. Lúc đã thấy rồi, thiệp cũng xin làm ngắt một chút chơi, để dò xem ý chàng đối với thiệp và đối với Khuê-

Tú, hơn kém nhau thề nào. Chớ giả sử chàng bệnh vì người ta, mà chẳng ốm tương tự vì thiếp, thì chắc không nên ép uổng duyên phận cho sum họp nhau làm gì ».

Vương-Tôn cười rằng : « Cuộc báo thù quả cũng có phần thâm hại. Mà nghĩ lại, nếu không có bà Vu, thì làm sao được nhìn trộm dung mạo kiều mị của em một lần ? » Ngũ-Khả nói : « Đó là tự thiếp muốn gặp chàng, chớ bà già tính thế nào nên việc được. Lúc đi ngang qua trước cửa nhà độ nọ, thiếp há lại chẳng biết người nhìn đắm đắm đương núp bên trong đó sao ? Đã từng gặp nhau trong mộng, thế mà vẫn chưa

tin điều thiếp vừa nói đó à ? » Vương-Tôn kinh ngạc hỏi : « Sao biết ? » Đáp rằng : « Lúc thiếp bệnh, có lần mơ thấy đến nhà chàng, cho là xằng bậy. Sau nghe tin chàng cũng chiêm bao thấy thiếp, mới biết hồn phách quả có thể tìm đến với nhau. » Vương-Tôn lấy làm lạ, bèn thuật giấc mơ của mình, nhận thấy ngày giờ đều phù nhau cả.

Mối lương duyên của cha cũng như con đều nhờ mộng mà thành, âu cũng là một thứ tình kì diệu, nên ghi cả hai ra đây.

BỒ-TÙNG-LINH
(1640-1715)

BÁO MỚI

Chúng tôi vừa nhận được « Phở thông tạp chí » bộ mới, số I, phát hành ngày 1-11-58 do ông Nguyễn-Vỹ làm giám đốc.

« Phở thông tạp chí » loại mới trình bày nhiều màu, khuôn khổ gọn gàng, gồm các bài giá trị của các cây bút đặc sắc.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn yêu văn nghệ và chúc bạn đồng nghiệp mạnh tiến.

B. K.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

Dứt tình tiền thuyết nổi tiếng của cổ văn sĩ Vũ-Trọng-Phụng tái bản lần thứ 3 do nhà sách Tân-Sinh 116 Đinh-Tiên-Hoàng Dakao gửi tặng. Sách trình bày mỹ thuật, dày 176 trang giá bán 34\$

— Tắt đèn, tiểu thuyết đặc sắc của Ngô-Tất-Tố tái bản lần thứ 3 cũng do nhà sách Tân-Sinh gửi tặng.

Sách dày 188 trang giá bán 38đ.

Xin chân thành cảm tạ nhà sách Tân-Sinh, và trân trọng giới thiệu 2 cuốn tiểu thuyết giá trị trên cùng các bạn đọc.

B. K.

Địa chỉ mới của Tòa soạn BÁCH KHOA
160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAIGON

TỪ ĐIỂN Y NGỮ

VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đầu từ B. K số 39)

A

acidurie : a-sit niều ; — Chứng nước
dái thừa a-sit.

acine : xem chữ : Acinus.

acinèse : (acinésie, akinesia) :

(T,N) : Vận động bất năng.

(V) : Bệnh liệt, — bệnh bại.

acinétique : (crise —) :

xem chữ : Akinétique.

acineux :

(N) : Tế diệt trạng, — Bồ đào trạng.

(V) : Hình trùn nhỏ, — hình quả nhỏ.

acini pancréatique :

(T) : Di tuyến bào.

(V) : Di tuyến bào.

acinus (alvéole, — gland alveolus) :

(T) : Tuyến bào.

(N) : — Tuyến bào, — Tế diệt, —
Bào nang, —
— Tuyến phòng.

(V) : Tuyến bào, — Bào túi.

acladiose :

(N) : Phiên âm.

(V) : Bệnh a-cơ-la-di-ô ; Một thứ bệnh
ngoài da do loài nấm Acladium
Castellanii gây ra.

aclusion : (aclusio, abocclusio) :

(T) : Giao hợp bất toàn, — Vô giao
hợp.

(N) : Bất toàn giao hợp.

(V) : Khép không chặt, không khít.

acmé :

(T) : Cực kỳ.

(N) : Cực kỳ, — Đỉnh điểm.

(V) : Cực kỳ.

acné :

(T) : Toa sang, — Phấn thích.

(N) : Toa sang.

(V) : Mụn.

acné adenoidalis : (adenoid follicular lupus) :

- (T) : Tuyến dạng toa sang.
- (N) : Bá trùng tính, toa sang.
- (V) : Mụn giống hạch.

acné adolescentium :

- (T) : Thanh niên kỳ toa sang.
- (V) : Mụn thời trẻ.

acne alba :

- (N) : Bạch sắc toa sang.
- (V) : Mụn trắng.

acne atrophica :

- (T,N) : Ủy tức tính toa sang.
- (V) : Mụn thui chột.

acné boutonneuse (inflammatoire) :

- (V) : Mụn sưng.

acné bromique :

- (N) : Phiên âm.
- (V) : Mụn bờ-rôm.

acne cachecticorum (folliclis) :

- (T) : Ác bệnh chất toa sang.
- (N) : Ác dịch chất toa sang.
- (V) : Mụn ác.

acné chéloïdienne (folliculitis keloïdalis, — acne keloid) :

- (T) : Ban ngăn lưu tính toa sang.
- (N) : — Toa sang kê-rô-i-dô.
- Hạng bộ nhú đầu trạng bì phu viêm.
- (V) : Mụn càng cua.

acne conglobata :

- (T) : Tụ hội tính toa sang.
- (N) : Tập thốc tính toa sang.
- (V) : Mụn tụ hội.

acné cornée : (a. kératique, — Keratosa)

- (T) : Giác hóa tính toa sang.
- (N) : Giác tính toa sang.
- (V) : Mụn sừng.

acne disseminata (a. vulgaris) :

- (T) : Phồ thông phần thích.
- (N) : Tâm thường tính toa sang.
- (V) : Mụn thường.

acné éléphantiasique : (a. hypertrophique, — Rhinophyma) :

- (T) : Phì hậu tính toa sang.
- (N) : Phì đại tính toa sang.
- (V) : Mụn voi, — mụn mũi to.

acné érythémateuse : (couperose, — copper nose, — brandy nose) :

- (T) : Hồng ban toa sang. — Tửu toa sang.
- (N) : Xích sang.
- (V) : Mụn hồng, — mụn sần da cam, mụn rượu.

acné excoriée des jeunes filles :

- (N) : Bắc thoát tính toa sang.
- (V) : Mụn sảy da.

acné goudronneuse : Mụn hắc ín.

acné hypertrophique : x.c. A. éléphantiasique.

acné indurata :

- (T,N) : Ngạnh kết tính toa sang.
- (V) : Mụn cứng.

acné inflammatoire : xem chữ Acné-boutonneuse.

acné kératique : x.c ; acné cornée,

acné keratosa : x.c. acné cornée.

acné lupoid : x.c. : acné varioliforme.

acné médicamenteuse :

- (N) : Dược tế tính toa sang.
- (V) : Mụn thuốc.

acné meibomienne (canaliculite tarsienne) :

- (V) : Mụn vành mắt trong ; Mụn mí.

acné mentagra : (sycosis) :

(T) : Tu sang, — Kiềm sang. (*Tu* : râu ; *Kiềm* : mắt.)

(N) : Mao sang.

(V) : Mụn râu, — mụn lông.

acné miliaire : (grutum)

(T) : Túc lạp chần. (*Túc* : ngũ cốc ; *Lạp* : hạt.)

(N) : Bại lạp chủng : (*Bại* : lúa kê.)

(V) : Mụn hạt kê.

acné nécrotique :

(T) : Hoại tử tính toa sang.

(*Hoại* : hỏng, phá ; *Tử* : chết).

(N) : Hoại thư tính toa sang. (*Thư* : Nhọt)

(V) : Mụn hoại tử.

acné petroleum :

(N) : Thạch du toa sang. (*Thạch du* : dầu lửa).

(V) : Mụn dầu hỏa, mụn dầu lửa.

acné punctuée : (a. punctata, — comédon) :

(T,N) : Điềm trạng toa sang.

(V) : Mụn lấm chấm.

acné pustuleuse : (a. pustulosa) :

(T) : Nung pháo tính toa sang. (*Pháo* : hòn, sùng).

(N) : Nung pháo tính toa sang.

(V) : Mụn mủ.

acné rosacée ou rosée : x.c. : acné érythémateuse, couperose).

acné scrofulosorum :

(T) : Kết hạch tính toa sang.

(N) : Ác dịch chất tính toa sang. (*dịch* : nước trong thân thể.)

(V) : Mụn hạch.

acné sébacée (séborrhée, seborrhea) :

(T) : Bì chi dật. (*Bì* : da ; — *chi* : mỡ ; — *dật* : đầy tràn).

(N) : Chi lậu. (*lậu* : chảy ra, rỉ ra.)

(V) : Mụn nhờn.

acné sébacée concrète : (Kératome sénile, Epithélioma acnéiforme) :

(V) : Nham thượng bì hình mụn.

(*Nham* : chữ đề chỉ bệnh, tiếng Pháp gọi là Cancer, — *Thượng bì* : lớp da ở trên, dịch ở chữ Pháp : Epithélioma).

acné solaris :

(T) : Nhật quang tính toa sang.

(V) : Mụn mặt giới.

acné syphilitique :

(T,N) : Mai độc tính toa sang.

(V) : Mụn dương mai.

acné tubercata :

(T) : Kết tiết tính toa sang.

(V) : Mụn kết tiết.

acné urticata :

(T,N) : Tầm ma chần tính toa sang

(*Tầm ma* : tên một thứ cây, thuộc loại *Urtica Thunbergiana*, — *Chần* : mụn.)

(V) : Mụn mảy dầy.

acné varioliforme : (Molluscum contagiosum)

(T) : Đậu dạng toa sang.

(N) : Đậu sang trạng toa sang.

(V) : Mụn hình đậu.

acné vermoulante (atrophodermie vermiculée) :

(V) : Mụn một má.

acné vulgaire : xem chữ acné disseminata.

acnémie :

(T) : Vô thoát ky hình. (*Thoát* : đùi. *Ky hình* : hình quái thai.)

(N) : Tiên thiên tính hạ chi khiếm như. (*hạ chi* : chân.)

(V) : Quái thai không đùi, không cẳng chân
— Bắp thịt cẳng chân bị hao mòn.

acnitis : (dermatose folliculaire) :

(T) : Toa sang viêm. (*Vlêm* : sưng, dịch ở chữ Pháp : Inflammation.)

(N) : Phiếm âm.

(V) : Một thứ bệnh trong loại kết hạch chân. (Folliclis)

acollis (utérus —) : Chứng cổ dạ con bị ngừng nhón.

acologie :

(T,N) : Trị liệu học.

(V) : Ngành học về cách chữa bệnh, Trị liệu học.

acomia : (calvitie) :

(T,N) : Vô phát, — Thốc.

(V) : Bệnh hói, — sới đầu, — trụi tóc.

acorée (acorie) :

(T) : Vô đồng tử.

(N) : Đồng không khiếm tồn.

(V) : Tật thiếu con người.

acorie (Lacassie) :

(T) : Tham thực.

(N) : Mãn phúc cảm khiếm như.

(V) : Chứng tham ăn, — chứng ăn không biết no.

acormus :

(T) : Vô khu can ky thai, — Vô thê ky thai. (*Khu can* : thân mình).

(N) : Vô động kỳ hình nhi (*động* : ruột.)

(V) : Quái thai không có thân.

acorticisme : Chứng bệnh do sự bài tiết của tuyến vỏ thượng thận bị bế tắc. (— *Vỏ thượng thận* : Cortico — surrénale).

acosmia :

(T) : — Vi hòa.

— Bệnh trình dị thường.

(N) : — Bất kiện khang.

— Tật bệnh biến tắc kinh qua.

(V) : — Yếu đuối, — khó ở.

— Bệnh trình lạ thường.

acouesthésie : (*acou* : chỉ tất cả cái gì có liên quan đến sự nghe.) :

(T) : Thính giác.

(N) : — Thính giác chướng hại.

— Thính giác quá mẫn.

(V) : — Thính giác.

— Sự sáng tai.

acoumètre (audiomètre, aurometer, acouometer.) :

(T,N) : Thính lực kế.

(V) : Thính kế, — Máy đo sự sáng tai.

acoumétrie :

(T) : Thính lực trắc nghiệm pháp.

(N) : Thính lực kiểm tra pháp.

(V) : Phép đo sự sáng tai, — đo thính giác.

acoumétrie à la montre :

(N) : Thời kế pháp thính lực kiểm tra (*thời kế* : cái đồng hồ.)

(V) : Cách đo thính giác bằng đồng hồ.

acouophonia : (percussion à l'auscultation) :

(T) : Khẩu thính hợp chân. (*Khẩu* : gõ.)

(V) : — Phép đoán bệnh bằng cách vừa gõ, vừa nghe. — Khẩu thính hợp chân.

acouphène :

(N) : Nhĩ minh.

(V) : Sự ù tai. — Lùng bùng trong tai.

(Còn nữa)

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XI

Địch-Nhân, con trai mất nết của Diêu tiên sinh, nửa chừng bỏ tiệc cưới về nhà; a hoàn Ngân-Bình cũng tìm có mà về sớm hơn. Khiến trên đường về cả nhà đều ngờ có chuyện chẳng hay ở nhà.

Quả thế, San-Thư, cô gái nuôi lớn, ở nhà, cho biết Địch-Nhân và Ngân-Bình là lợi với nhau, cô bắt được, thì bị Địch-Nhân mắng một cách quá ư hỗn xược, quên mình dù sau cũng vai em.

Diêu tiên sinh giận quá, tìm đến phòng con trai mà sửa cho một mẻ nên thân. Thân mẫu cậu và hai cô em, Mộc-Lan và Mộc-Sầu cũng lạnh nhạt với cậu. Không khí gia đình khó thở.

Mãi tới hôm tam hỉ, khi Tăng-gia tổ-mẫu cùng với Lý-di-má đến Kinh, Mộc-Lan mới lại thăm Man-Ni.

Tăng-tổ-mẫu có gửi quà sang biếu bên Diêu-gia. Cụ ngõ ý, muốn gặp Mộc-Lan. Cô bèn dắt em sang bên Tăng-phủ, để chào cụ.

Hiện thời, Man-Ni đã trút bỏ tất cả hỉ phục đi rồi, và đã nghiêm nhiên thành một người nội trợ, đương phục thị một cách tận tâm, người chồng ngọa bệnh. Tiều-Lạc và Tuyết-Hoa, bây giờ, mỗi người một tay, giúp đỡ Man-Ni. Còn Bàn-A, bệnh tình của cậu xem chừng đã mỗi ngày một khá hơn nhiều và trong suốt cả tuần lễ ấy, Man-Ni đã thấy trong lòng vui vẻ đến cực độ; người nàng

cứ đẹp ngồn ngộn lên; có lẽ trong suốt đời nàng cái tuần lễ đó, là cái tuần lễ hoan hỉ nhất, đối với nàng.

Tăng-lão-thái-thái ở Sơn-Đông lên, có mang theo một ít bánh nhân thịt, đậu và đường đỏ, mà ở miền đó gọi là « tung tử ». Người ta thường làm thứ bánh đó để ăn vào dịp tết đoan ngũ, mừng năm, tháng năm; nay, tuy tết đã qua, nhưng cụ biết các cháu cụ rất thích ăn tung tử, nên cụ cũng của một đồng, công một nén, lách thếch mang lên cho hàng được, để làm quà cho lũ cháu. Từ trước Bàn-A, cũng như tất cả em cậu, vẫn rất thích ăn tung tử. Hôm đó, vừa ăn cơm tối xong, cả nhà mới đem tung tử ra ăn. Bàn-A nghe thấy

nói có tung tử, cứ nằng nặc đòi ăn. Man-Ni sợ, nếu căng tri quá, sẽ làm phật ý cậu, nên cho Tuyết-Hoa lên thưa với Tăng-thái-thái, Tăng-thái-thái, cũng nghĩ cậu đã khá nhiều, kể từ hôm cưới tới nay, đã được bảy bữa, và cũng có ý chiều con, nên bảo có thể cho cậu ăn, nhưng ăn rất ít thôi.

Man-Ni bóc một chiếc bánh, ngắt ra làm đôi và đưa cho cậu một nửa chiếc, còn nửa chiếc, nàng để ở trên bàn. Kể ra, đối với một người khỏe thì, cả chiếc bánh, chẳng qua chỉ ăn một miếng là hết. Bân-A ăn xong, thấy còn thòm thèm, nhất định đòi ăn nữa. Man-Ni không nghe, cô cầm nửa chiếc bánh cất đi, nhưng cậu vờn mình, giơ tay giật lấy ; nàng gắng sức cướp lại ; hai người giằng co nhau mãi ; Man-Ni năn nỉ : « Bân-kha ! mẹ đã dặn, ăn một ít cho đỡ thèm thôi, em van anh, anh đừng ăn nữa. » Nhưng cậu có nghe đâu, Cùng thế, nàng đành phải để cho cậu ăn nốt nửa còn lại của cái tung tử.

Đến nửa đêm, Bân-A bắt đầu đau bụng, rồi cứ mỗi lúc, mỗi, đau dữ dội thêm lên. Man-Ni ngồi suốt đêm ở bên cậu, sợ hãi đến cực độ. Trời tang tảng sáng thì bệnh thể của cậu chuyển sang vô cùng trầm trọng. Lúc ánh sáng lờ mờ soi qua cửa sổ, nàng bèn sai Tuyết-Hoa lên ngay nhà trên, báo tin với song thân cậu. Nửa giờ đầu tiên, khi có mặt thân mẫu cậu, thì cậu vẫn tỉnh táo ; nhưng, sau đó, cậu cứ dần dần đòi nhược hẳn đi. Quan thái y tới chẩn mạch cho cậu, thì mạch cậu ủy nhược, mong manh, cơ hồ như chỉ chực muốn tắt hẳn. Man-Ni vẫn cố đem hết can đảm ra để trấn định tinh thần. Vì thấy

cậu thở rất khó khăn, nàng bèn ghé miệng vào mũi cậu, rồi mím môi, thổi không khí vào lỗ mũi cậu cho cậu thở... Có một lúc, nghe như ở cổ họng cậu, có đờm dãi nó bít tắc lấy đầu khí quản, cậu muốn ho mà không có đủ hơi sức để ho ; mỗi lúc đờm nó kéo lên như vậy, cậu như sắp bị tắt thở. Nàng liền cúi xuống, kề môi, ngậm chặt lấy miệng cậu mà cố hút cho được cái cục đờm đó ra. Quả tình, nể các đấng thần minh có lương tâm, mà trông thấy cái cảnh tượng ấy, cũng phải rủ lòng thương hại cho cái đôi vợ chồng son trẻ ấy và đừng bắt họ, mới ở đầu con đường trần, đã phải đứt gánh ! Vừa đúng giờ Ngọ hôm đó, cậu tắt thở.

« Biết nhau, thêm dở dang nhau,
« Quen hơi, bèn nết, bao lâu, mà rằng !
« Ấy ai, chấp mối xích thàng,
« Biết rằng đứt chỉ, thà đừng vương tơ ! »
(Nhị độ mai)

Man-Ni ôm chặt lấy thi hài cậu mà gào, mà gọi : « Bân-kha ! Bân-kha ơi !.... Bân-kha hãy tỉnh lại.... tỉnh lại.... Bân-kha !..... » Rồi nàng cứ hà hơi mãi vào lỗ mũi cậu. Song thân cậu trông thấy vậy, mà đứt từng khúc ruột ra. Hai ông bà nhận thấy rằng : chính cái chết của con trai mình không thể thắm bằng sự tranh trát giữa người nàng dâu, với tử thần.

Một lát sau, Tăng-tồ-mẫu chạy xuống và cùng với thân mẫu Man-Ni, cố gỡ nàng ra, rồi, dìu nàng về bên tây phòng, vực nàng lên trên giường. Tồ-mẫu bèn ngồi bên nàng để giữ nàng.

Mộc-Lan và Mạc-Sầu cũng theo Diêu-phu nhân đến. Tất cả những người có mặt ở đó, trong lúc ấy, cũng đều nhận

thấy rằng, Man-Ni hẳn còn ít tuổi quá, ai cũng thấy thương nàng nhưng chẳng ai biết làm thế nào mà cứu trợ được nàng !

Cái cảnh tình đó làm cho Mộc-Lan vụt nhớ ra cái câu cổ ngữ : « Ta cứ ăn ở cho chính trực, không khi nào ta gặp sự chẳng lành. » Liệu câu đó có đúng không ? ! Nào Man-Ni đã làm gì nên tội, mà số kiếp nữ hạ khắc đối với nàng đến cái mức đó.

★

Chính Lý-di-má đã giúp Tăng-tổ-mẫu gói bánh tung tử, ấy thế mà, tối hôm ấy, trước mặt Quế-Cô, nhà má ta, dám cả gan bảo Bàn-A chết là vì cái vận khí của nhà họ Tôn không ra gì !... nhà họ Tôn phải tuyệt tự cho nên Bàn-A làm rề nhà họ Tôn thì phải tử vong. Quế-Cô không thể chịu được, nên mới mắng cho nhà má ta một trận, nên thân. Sau, tổ mẫu nghe thấy câu chuyện đó, cũng hết sức giận, ghét, nhà má ta và từ đấy, cụ không che chở cho nhà má ta nữa. Thế là nhà má ta không còn có địa vị gì ở Tăng-gia nữa.

Từ hôm Bàn-a trường thọ, Mộc-Lan, đợi mãi tới hôm tần liệm và nhập quan, mới sang bên Tăng-phủ. Cô nghe nói Man-Ni ưu thương quá độ, chẳng chịu ăn, uống, một tí gì hết, và cứ nằm liệt ở trên giường. Quế-Cô phải thân hành sang bên Diêu-phủ đề cố mời cho được Mộc-Lan sang, vì ngoài cô ra, không còn ai là người có thể khuyên can nổi Man-Ni.

Quế - Cô nói với Diêu - phu - nhân rằng : « Đêm hôm qua, cả Tôn-thái-thái lẫn tôi, hai người, suốt cả đêm, tận tâm khuyên nhủ Man-Ni mà cũng chẳng ăn

thưa gì ; Man-Ni cứ lặng yên, không nói, không rằng ; thiệt là buồn quá, thảm quá ; sau, cùng thế, Tôn-thái-thái mới bàn tính phải đi mời cho được Mộc - Lan sang, mới xong !... »

Thân mẫu Mộc-Lan bằng lòng ngay, nên cô cũng đi ngay với Quế-Cô, sang bên Tăng-phủ.

Trong khi đi đường, Quế-Cô nói nhỏ với Mộc-Lan rằng, sự bi uất có thể đưa Man-Ni đến chỗ quá phần, mà tìm cách quỳ sinh. Những việc tuần tiết như vậy đã xảy ra rất nhiều, và đã có bao nhiêu bài thi ca tán dương, bao nhiêu bài phụng ngữ kỷ niệm. Rồi còn có bao nhiêu câu chuyện còn ghi trong các ký sự của địa phương, hoặc truyền tụng trong dân gian, nó làm cho Tăng-gia luôn luôn hồi hộp, lo sợ, vì, thiệt tình, Tăng gia vô cùng yền thương, quý mến Man-Ni.

Lần này, là lần đầu tiên, Mộc-Lan đích thân chứng kiến một đám tang và giúp đỡ tang gia đề liệu lý các việc. Lúc mới đầu, nghĩ tới việc phải ở bên cạnh cái áo quan, cô rất thấy ghê sợ, nhưng sau, cô mới rõ, cái phòng của Man-Ni ở cách xa hẳn chỗ kê cỗ quan tài, như vậy, cô có thể qua đêm với bạn được.

Nhân có Mộc-Lan, Man-Ni bằng lòng cùng với cô bạn lên cái phòng mà khi mới tới Kinh nàng đã ở đó, và cùng ở đó, nàng đã tái hội bạn. Trời ơi ! chỉ trong có mười hôm trời, mà đã xảy ra biết bao nhiêu sự biến thiên ! Mộc-Lan có cái cảm tưởng rằng Man-Ni đương làm một hi sinh phẩm cho một cái lực lượng huyền bí và ác độc nào đó, hoặc, nàng đương bị những người

nào đó. hay những việc nào đó, nó hễ nhau vào, mà lừa dối, lường gạt nàng, ấy thế mà chính nàng, nàng chẳng hề, hay, biết, gì cả.

Khi Mộc-Lan bước vào trong buồng thì Man-Ni đang nằm thiêm thiếp ở trên giường, mà thân mẫu nàng, thì đang ngồi ở bên nàng, để canh giữ nàng. Tội nghiệp cho bà thân mẫu nàng ! Trông bà rất đổi mỗi mệt, vẻ mặt mắt cả thần sắc. Cô liền ân cần mời bà đi nghỉ và để Man-Ni cho cô săn sóc. Cô ngồi xuống và dăm dăm nhìn bạn, người bạn đầu xanh, mới hơn hớ, chưa đầy hai chục tuổi, mà đột nhiên, đã hóa ra người vị vong. Cô mới sực nhớ ra cái giấc mộng kỳ ảo của bạn. Cũng một buổi chiều, cũng ở trong gian phòng này. Những cái mà Man-Ni đã mơ thấy, như cái cổ quan tài ở trong một cái ngõ hẹp, tối ; cái cầu làm bằng một cái nắp áo quan, bắc ngang trên lạch ; tất cả những thứ đó chẳng là tượng trưng của cái chết của Bàn-A, là gì ? Thế rồi, bên kia cầu, lại có cung điện « Trường-minh » để cho Man-Ni, có thể ở đó sinh hoạt. Xem như vậy, có đủ cả « tử vong » và « lai sinh ». Liệu cô có thể làm cho Man-Ni hiểu thấu các lẽ đó không ?

Mộc-Lan liền đứng lên, bê pho tượng Phật bà Quan-Âm, đem lại để lên trên bàn, đối diện với Man-Ni, để khi nàng mở bừng mắt ra thì, lập tức nàng sẽ trông thấy. Và, ở trong mộng, Mộc-Lan là một nữ lang bạn áo đen, đem một lạng than lại cho Man-Ni, kia mà. Cô mới gọi Tiểu-Lạc, bảo đi tìm Tuyết-Hoa và mượn cho cô một cái áo đen.

Khi Tiểu-Lạc đem áo lên, Mộc-Lan

bận vào, rồi ngồi lại bên cạnh Man-Ni. Một lát sau, Man-Ni cựa mình, Mộc-Lan liền gọi :

« Tỷ, tỷ ! Em đem than lại cho tỷ tỷ đây... »

Man-Ni mở bừng mắt ra, chợt trông ngay thấy pho tượng Quan-Âm, rồi lại nhận thấy cái cô hắc y nữ lang.

« Em đấy à, muội muội ? » Nàng hỏi bằng một giọng yếu ớt như vậy.

« Chính em đây !... trời hạ tuyết, lạnh giá, em đem than đến cho chị đây... » Mộc-Lan đáp thế.

« Tôi ở đây, là đâu, đây nhỉ ? » Man-Ni hỏi, Mộc-Lan chưa kịp đáp, nàng lại hỏi tiếp : « Trời đang hạ tuyết như ?... » Nàng ngược mắt, quay đầu nhìn tứ phía, rồi nói : « Tại sao, tôi lại đến nơi đây làm gì, thế này, nhỉ ? »

« Ở kia, hiện tại, chị đang ở trong ngôi từ đường của Tăng-gia, mà lại... » Mộc-Lan đáp thế, rồi nói tiếp : « Ở bên ngoài kia, đang có tuyết xuống... chị đang nằm mơ thấy chị đã thành hôn và đã thành một tân nương... mà chồng chị là Bàn-A, đã qua đời rồi, ... sự tử biệt đó làm cho chị vô cùng đau khổ ! ... Nhưng, chị nhìn về phía sau nhà, ở trong đó có một cái hành lang... ở phía đầu kia của cái hành lang, có một cái cầu nhỏ, mà cái cầu đó làm bằng một mảnh ván nắp áo quan... chị đi qua cầu, chị sẽ tới một tòa cung điện, Bàn-A đang thì đợi chị ở nơi đó đấy, chị có nhớ ra chưa ? »

« Không phải ở ngoài kia hạ tuyết, muội muội nói dối chị... »

Thì vừa may, ở ngoài bỗng đổ xuống một trận mưa to, nặng hạt... những

hạt mưa ào ào rơi xuống mái ngói, nước mưa rồn rập chảy trên các mảng kẽm và đồ xuống những ống dẫn nước, nghe có âm điệu, có tiết tấu...

Bỗng nhiên, tiếng của Tiều-Lạc lên thưa rằng chị đã mang nước rửa mặt lên, làm cho Man-Ni, đương ở trong cõi mơ hồ, vụt trở lại với cái cảnh giới hiện thực.

Man-Ni, bằng một giọng tri độn bảo với Mộc-Lan rằng : « Không đâu, Bàn-Kha đã chết rồi !... »

« Chị ạ, em đã muốn đánh lừa chị đấy, nhưng cũng không phải hẳn là đã lừa dối chị đâu... Tuy ngoài kia, không có tuyết hạ, nhưng có mưa rơi, một trận mưa rất mỹ diệu. »

Mà, hình như ở trong mưa, Man-Ni nghe phảng phất có tiếng chuông, trống. Nàng nói : « Thế là thế nào ? Vừa rồi, chị nghe như có tiếng âm nhạc ở trong không trung, thì phải ?... »

Mộc-Lan đáp : « Đây là tiếng chuông, trống, của các vị hòa thượng, đương tụng kinh, ở phía bên kia viện thất. »

« Bàn-Kha đã chết rồi mà !... chị biết ! » Man-Ni lại nhắc như thế.

Quả thiệt, Mộc-Lan đã khéo léo, đem mộng với thực trà trộn, hỗn hợp lại, mà làm cho sự tử vong mất hết tính cách kích thích, và làm cho Man-Ni không thể phân biệt được thực với mộng. Bao nhiêu nỗi bi thương, thống khổ, bỗng lẫn vào một thứ ảo cảnh. Như vậy, Man-Ni không thể, không tin rằng, cả cái mệnh vận của nàng là do trời chú định. Nàng đành chịu nhận lấy cái phần khổ ải của cái kiếp người, một khi nàng đã hết lòng tin ngưỡng vào trời, Phật, vào số mệnh, vào tiền kiếp, vào sự luân hồi. Y như trong giấc mơ, nàng tin rằng, nàng vốn, kiếp trước, là một vị tiên nữ, đã phạm tội ở trên thiên đình ; cả Bàn-A cũng vậy ; Bàn-A cùng

với nàng, phải đầy xuống hạ giới, để yêu nhau, rồi chịu phần đau khổ, để chuộc lại cái tội trước !

Đồng thời, ai ai cũng thương yêu, quý mến nàng. Nàng sẽ cam phận làm một người nàng dâu hiền thực của Tăng-gia. Như vậy, cả người sống, lẫn vong linh người đã khuất, cũng đều hy vọng nàng, sẽ cùng với Tăng-gia yên sống, cho tới khi mãn phần, mãn số. Tăng-gia, đối với Man-Ni, ở kiếp này, cũng như ở lai sinh, sẽ mãi mãi là một cái « trú cãng » cho nàng an thân, và nàng không còn lo gì cho tấm thân chiếc bách của nàng, trong cái khổ hải mệnh mỏng, đầy giông tố phủ phàng !

Tới buổi chiều ngày thứ ba của tang sự, Man-Ni đã theo tuần lễ, ôm lấy linh cữu mà khóc rất thê thảm. Quế-Cô và Tuyết-Hoa nghe thấy cái tiếng khóc đó, thì sẽ nói nhỏ với Tăng-thái-thái rằng : cái thời kỳ ác liệt nhất, đã qua được rồi. Đây là nhờ ở cái công của Mộc-Lan.

Từ khi thân phụ nàng khứ thế, lần này là lần thứ hai, nàng bận đồ tang trắng, suốt từ đầu tới chân. Ta đã từng rõ, sau khi cha nàng mất đi, nàng rất yêu thích bộ tang phục, vì, theo ý nàng, ngoài màu trắng ra, không có màu nào khác, tương xứng với cái dung nhan khiết bạch, băng thanh, của nàng.

Tang lễ, có khi chỉ vụ về sự giao tế, có khi lại là một cách khoa trương với những thịnh điển rất đồi xa hoa. Cũng có những trường hợp khác, tang lễ là biểu thị của lòng ưu ái đối với người quá cố, thứ tang lễ này, quả thiệt, có một vẻ vừa giản đơn, vừa nghiêm túc.

Đối với Man-Ni, cái bộ đồ tang nàng bận lần này, ý nghĩa khác hẳn với các lần trước, nó thiết cận và đau khổ hơn nhiều. Mỗi buổi cúng cơm, nàng tự tay, đốt nến, thắp hương, rồi ôm lấy linh cữu mà gào khóc. Nàng cất tiếng khóc, là làm cho cả nhà, phải mũi lòng, sa lệ theo.

Vì ông Tăng-Văn-Phác cho rằng, cả gia quyến ông sẽ vĩnh viễn ở Bắc-kinh, nên ông có dự ý mua lấy một thửa đất, ở phía nam thành, để làm một cái gia phần, nhưng, Tăng-tổ-mẫu không ưng, vì cụ viện lẽ rằng phần mộ của cụ ông, đã ở quê nhà, ở Thái-an, thì, đến lượt cụ, sau này, khi cụ trăm tuổi, cụ cũng sẽ an nghỉ, cùng một nơi, với cụ ông. Đối với Bản-A, cụ cũng bắt đem di hài cậu về Thái-an. Hiện nay, việc vận chuyển đó, không thể thực hành được. Bởi vậy, trong khi chờ đợi, đành phải đem linh cữu quan tại trước mặt nếp nhà ở kề sát với Từ-đường. Tạm như vậy, cho tới mùa xuân sang năm, mới sẽ lo liệu đem di hài cậu về nguyên tịch.

Các việc được an bài như vậy. Còn, hai mẫu nữ Nan-Ni thì cứ vẫn ở nơi phòng ốc mà cậu Bản-A khi mất, ở đó. Hai chị a-hoàn Tiểu-Lạc và Tuyết-Hoa riêng sẽ phục thị nàng và Tôn-thái-thái. Ban ngày thì không sao, nhưng, đến tối, thì nàng sợ, nên nàng cùng nằm chung với thân mẫu nàng, một giường. Pho tượng đức Quan-Âm, nay, nàng đã đem để ở trên bàn, ở ngay trong phòng ngủ của nàng.

Từ nay, nàng đem cả một tấm lòng trình bạch đề tụng kinh, niệm Phật, để tìm ở nơi đức đại từ, đại bi, sự an ủi, sự cứu khổ, cứu nạn vậy.

Tuy nàng muốn thứ gì cũng có thể có, được đầy, nhưng, nàng bố trí lại gian phòng một cách cực kỳ đơn giản và phác tổ; bao nhiêu châu báu, nữ trang, nàng cất kín vào rương và vĩnh viễn không bao giờ đụng tới. Nàng chỉ bày ra có cái đôi đèn mà đêm tân hôn đã dùng để cắm đôi hoa chúc, cùng là một cây đèn dầu hồi thôi.

Chẳng bao lâu sau, hàng bắt đầu ăn trường trai, và ngày, đêm, tụng niệm, để cầu sự siêu độ cho vong linh của

chồng nàng, và, ngoài ra, trong khi rảnh rang nàng thêu những bức Phật-tượng. Thế là, ở trong cái gia đình phú lệ đó, nàng đã lập thế tu hành. Dần dà, cái nơi nàng ở, cải thành một nơi thanh tịnh, và cách tuyệt hẳn với cái trần thế huyền ảo ở bên ngoài. Trong đình viện ấy, có điểm xuyết thêm những cây thạch lựu, cùng là ghế đá, ao cá, bồn cảnh; tất cả trở thành một cảnh sắc thanh u, tĩnh mịch.

Rồi mùa đông năm ấy, một đứa nhỏ đã được đưa đến đề xung phá cái không khí trầm tịch, cái không khí của một nhà tu ấy.

Ông Tăng-văn-Phác vẫn quan tâm tới sự nổi dỗi của người con trưởng của ông. Bởi vậy, ông nói nhỏ với bà vợ ông thửướm hỏi thân mẫu của Man-Ni xem, liệu nàng có thể có một « di-phúc-tử » chăng, nhưng, nàng đã nói rõ cho Mộc-Lan hay rằng, nàng vẫn còn là xử nữ. Mộc-Lan đã đem điều đó nói với Diêu-thái-thái, Diêu-thái-thái lại nói lại với Tăng-thái-thái. Cả nhà mới yên trí rằng việc tục tỵ của Bản-A như thế là không có hy vọng gì cả.

Ngoài việc tục tỵ đó ra, Tăng-thái-thái rất đổi quan tâm đến sự hieu quạnh của người nàng dâu ở góa. Bà mới nói với Tăng-lão-gia, viết thư về Sơn-đông cho họ hàng để cố tìm lấy một đứa con trai nhỏ để lập tục cho Bản-A, thì vừa may, có một đứa trẻ con đã đầy tuổi tới, mà mẹ nó bằng lòng đem cho. Người nhà liền vội vàng đưa đứa bé đó lên Bắc-kinh.

Man-Ni ôm thẳng nhỏ vào trong lòng. Nàng có cái cảm giác như mình, chính là mẹ nó, và từ nay, nàng sẽ yêu thương, chăm bẵm nó, rồi mai ngày, gầy dựng cho nó, để nó thành một người nổi dỗi cho Bản-A. Nàng đặt tên cho nó là « A-Thiện ».

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG XI

HỢP THƠ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được :

Ly cà - phê bơ (K. C. Thanh-Trung) Bức chân dung hình thuẫn (Diệc - Biểc - Duy). Về hai trường thơ Tanka và Haikai của Nhật-bản (Nam-Thanh). Nhân vị của đức Kitô (Việt-Tử). Thiên-Chúa đã vào lịch sử (Vũ-Văn-Thiện). Tình bạn (Như-Phong) Lão cù (Hy - Văn).

Tất cả những bài trên đây, chúng tôi đương xem ; sẽ xin trả lời lần lần trên mục hợp thơ này.

Tôn - Nữ Hoàng - Trân : Đã nhận được « Cách - cảm », sẽ đăng trong những số tới. Mong đợi thêm những bài khác nữa.

Ô. Nguyễn-An - Bang. (Phong-Dinh). Rất cảm ơn nhiệt tình của ông đối với Bách-khoa và rất thông cảm tâm sự yêu thơ của ông. Bài ông ưa thích sẽ đăng trên Bách-khoa trong mấy số sắp tới đây. Mong ông vui lòng đợi cho một thời gian ngắn nữa.

Anh Hoàng-Khanh : Sẽ đăng « Chuyện lòng ». Xin Anh cứ gửi tiếp cho.

Ô. Hy-Văn (Huế) : Sẽ gửi thư riêng đến ông.

Ô. Diệu-Thanh : Đã nhận được Thơ của ông. Sẽ đăng trong những số tới.

Ô. Ô. Nguyễn-Hữu-Nghĩa (Chợ-quán). Thạc-Luật, Nguyễn-Lâm, Minh-Hy, Phạm-Ngọc-Nhiễm, Tinh-Hà : Rất tiếc không đăng được : « Nông dân có ruộng để cày », « Trầm lặng » — « Triều miến » — « Độc thoại » — « Người quân tử » — « Dọc bờ sông Ba. »

Cùng các bạn gửi bài đăng trên Bách-Khoa :

Xin trân trọng trả lời chung đề các bạn rõ :

Bách-khoa sẽ lần lượt ra những số đặc biệt về : Lễ Giáng-Sinh (Noël), số kỷ niệm Đệ nhị chu niên (15 - 1 - 59), Số tết, Số đầu Xuân. Các bài đăng trong số Lễ Giáng-Sinh xin gửi đến Tòa-soạn Bách-khoa trước ngày 30-11-58. Các bài đăng trên các số đặc biệt sau (số Kỷ-niệm, số Tết, số Đầu Xuân), xin gửi đến trước ngày 15-12-58.

CẦN MƯỢN :

I.— Chúng tôi cần có một vài bức ảnh đền Hùng, mộ Tổ, để minh họa bài « Dòng vua dựng nước ta là Hùng-vương hay Lạc-vương ? » ; bạn nào có sẵn hoặc biết sách nào báo nào hay ai có, xin cho chúng tôi mượn hoặc cho chúng tôi biết, chúng tôi xin cảm tạ.

PHẠM-HOÀN-MỸ

(nhờ tòa soạn Bách-Khoa chuyển giao gửi)

II.— Và những bạn nào còn giữ « Tiểu thuyết thứ bảy » có đăng tiểu thuyết « Trúng số độc đắc » của Vũ - Trọng - Phụng, hoặc trọn truyện, hoặc một phần (về điểm sau này, xin nói rõ báo số mấy) cùng tiểu thuyết lịch sử « Nam, cực tinh huy » của Hồ-Biểu-Chánh, xin cho chúng tôi biết để thương lượng mượn sao lại, hoặc mua, tùy các bạn. Xin gửi về :

NGUYỄN-NGU-Í

(nhờ tòa-soạn Bách-Khoa chuyển giao)

CẦN MUA LẠI :

Những sách cũ : « Ông Ký Cóp, Kinh-Kha » do nhà Hàn-Thuyên xuất bản, « Lệ Chi Viên » do Đại-La xuất bản, « Kim Tiền » (đăng trong báo Ngày Nay từ số 103 ngày 27-3-1930).

Xin liên lạc với ông Vi-Huyền-Đắc tại trụ sở Việt-Nam P.E.N (Nhóm Bát Việt), 157 đường Phan-Đình-Phùng, Sài Gòn.

CHÚ Ý

TÒA SOẠN BÁCH-KHOA ĐỔI ĐỊA CHỈ

Chúng tôi đã dời tòa soạn Bách-Khoa từ ngày 1-9-1958, lại **160, Phan-dình-Phùng Saigon** hộp thư số 339.

Vậy yêu cầu các bạn có bài vở hoặc các độc giả có thư từ, bưu phiếu muốn liên lạc với tòa báo xin gửi tới địa chỉ nói trên.

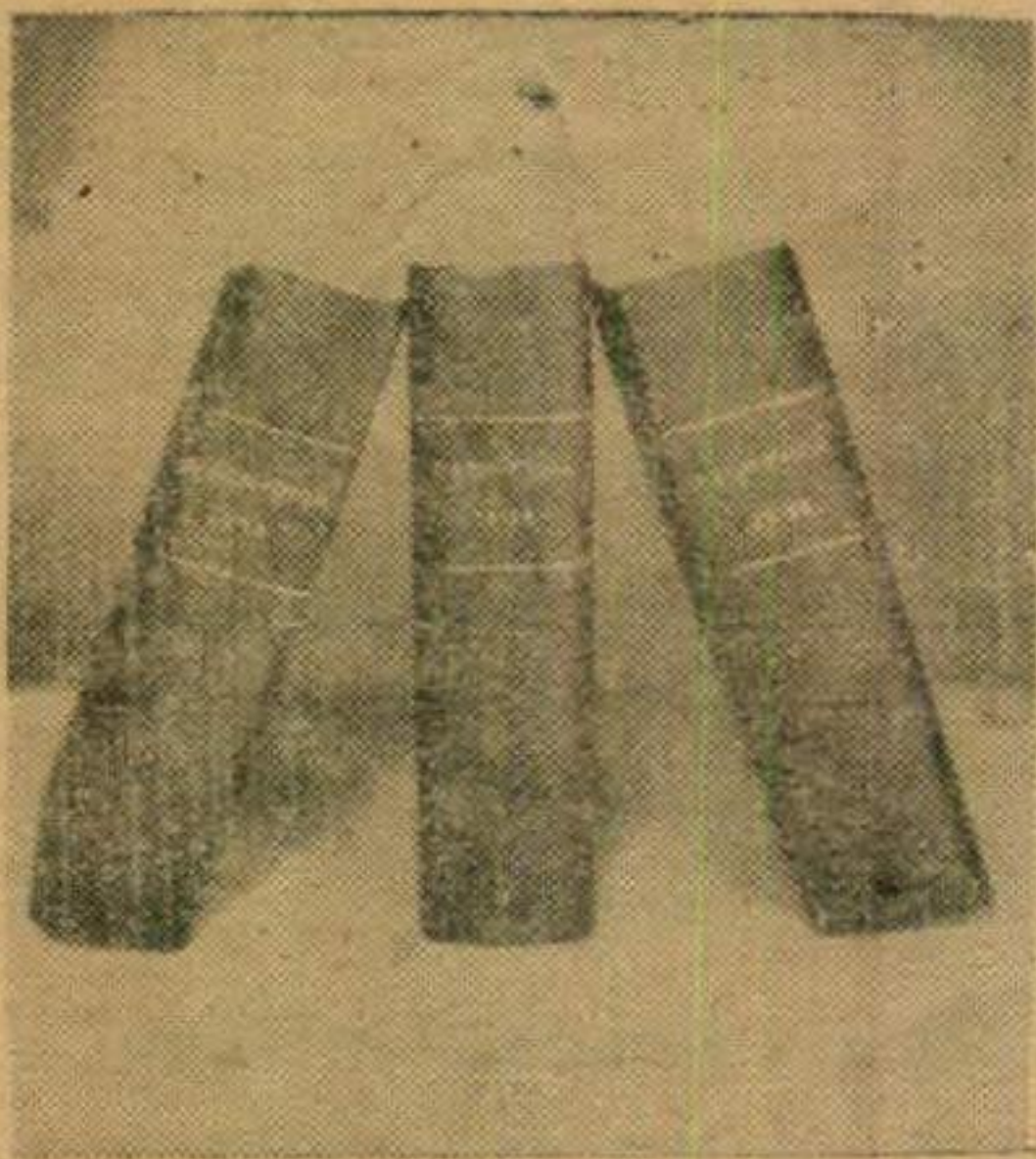
B. K.

BÁCH KHOA ĐÓNG THÀNH TẬP

— Bách-Khoa đã đóng thành từng tập 12 số, bìa dày (carton) gáy chữ vàng, rất mỹ thuật, giá phổ thông mỗi tập 105\$. Tập I: từ số 1 đến 12, Tập II: từ số 13 đến 24, Tập III: từ số 25 đến 36.

Ở xa xin gửi thêm cước phí bảo đảm 45\$ ba tập.

Số sách đóng thành tập có hạn, xin gửi mua ngay kẻo hết.



✧ MỘT BỘ SÁCH QUÝ
TRONG TỦ SÁCH
GIA ĐÌNH.

✧ MỘT TẶNG PHAM
TRANG NHÃ.

— Bách-Khoa đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 1 đến số 24. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0\$50, chúng tôi sẽ gửi đến biếu các bạn.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN - THẮT - ĐẠM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Aexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

VIENTIANE

SAIGON
QUADRI-MOTEUR

VIENTIANE

BOEING STRATOLINER

DIMANCHE — VOL DIRECT

MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO

9100000 AIR LAOS



VIENTIANE

BANGKOK

HONGKONG

PHNOMPENH

SIEMREAP

PHONGSAVANH

LUANGPRABANG

LUONGNAMTHA

MUONGSING

THAKHEK

SAMNEUA

AIRLAOS

Renseignements & Reservations

65, Rue Lê-Thanh-Tôn -:- SAIGON

Tél. 22102 et Card 34



Quet là kinh-tê Quốc-Gia
Dùng Hộp phụng-sự

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

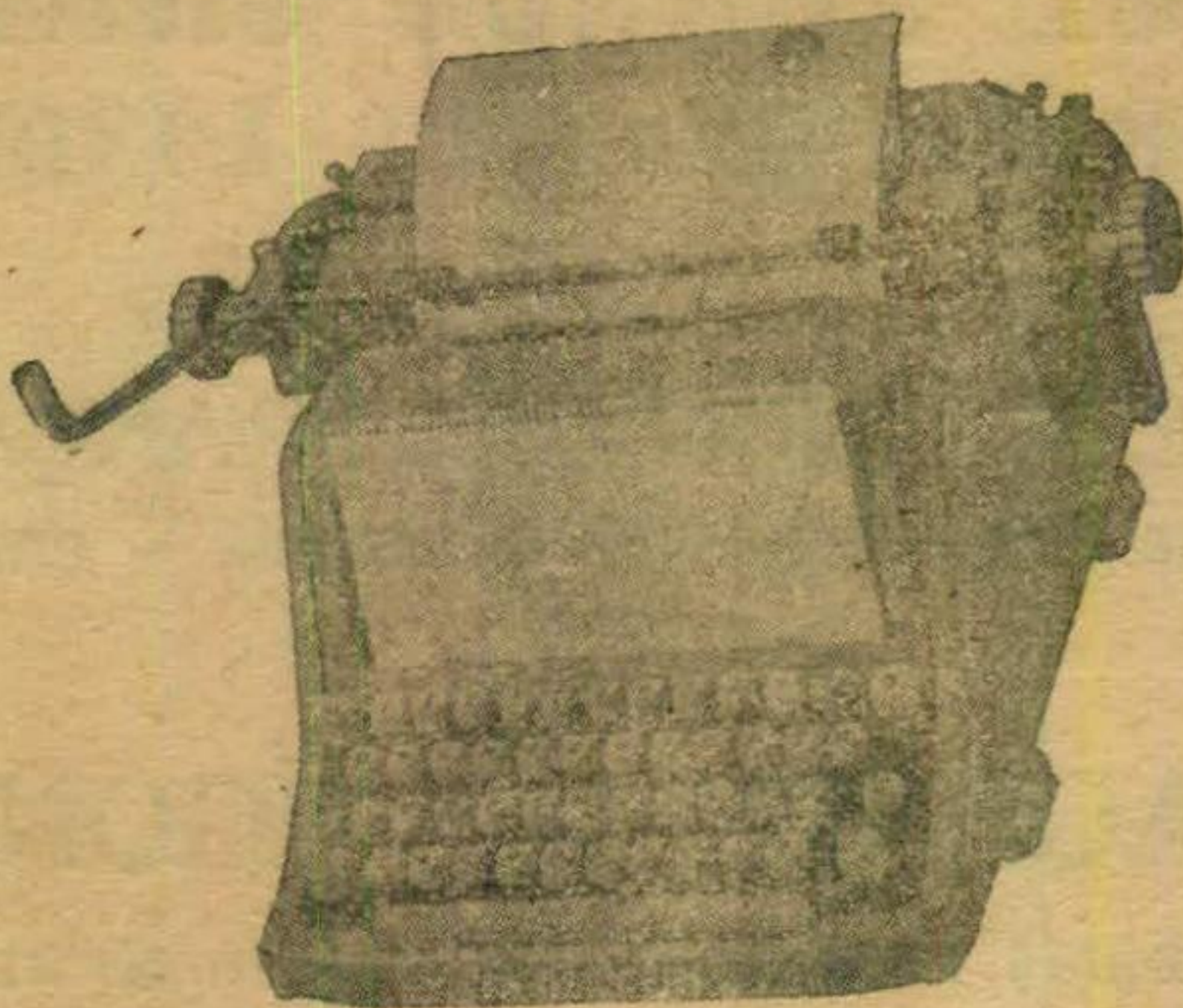
Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « HERMÈS »



ĐÃ RÈ LẠI TỐT — BÁN SẴN VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

Thuốc thơm
hảo hạng

Crown King
CIGARETTES

Crown King

A.P. 50

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

THE BANK OF EAST ASIA, LTD
(DONG-A NGAN-HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Dĩ-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N^o 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE

Agences et Correspondant dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



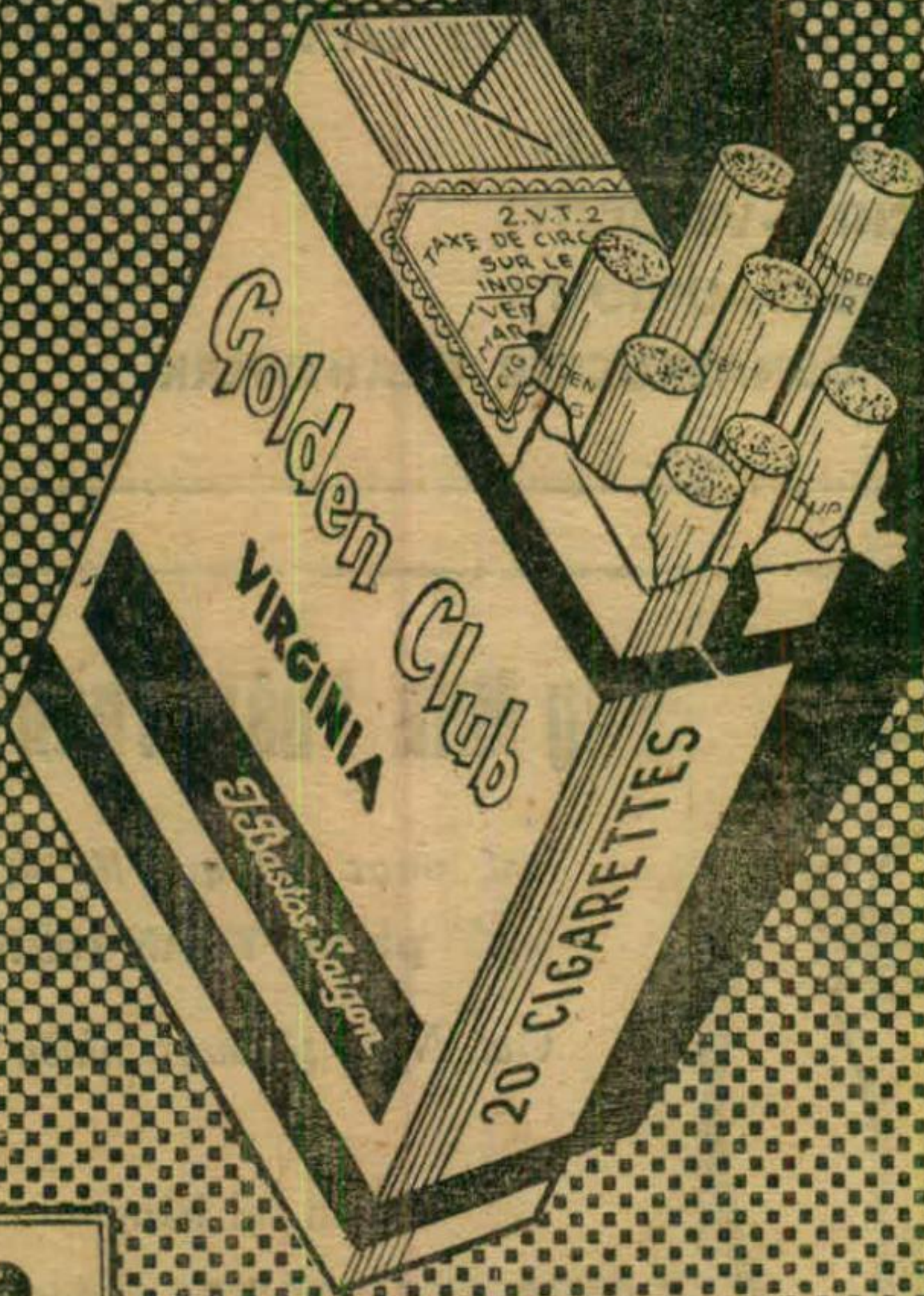
*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

GOLDEN CLUB



Một gói thuốc Thơm thường hảo hạng

SOCIÉTÉ
PACHOD FRÈRES ET C^{ie} D'I.C.

12 à 22, Đại-lộ Hàm-Nghi

SAIGON



COMMISSION IMPORTATION

- FOLLIS — ENGLEBERT
- FLECHET — VELOCETTE
- SACHS — UNION
- OSNABRUCKER DRAHTWERK



Hãy Mua Phân Thần-Nông

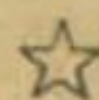
sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân THẦN-NÔNG

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG
Assurance Franco Asiatique
Assurances Toutes Branches
Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

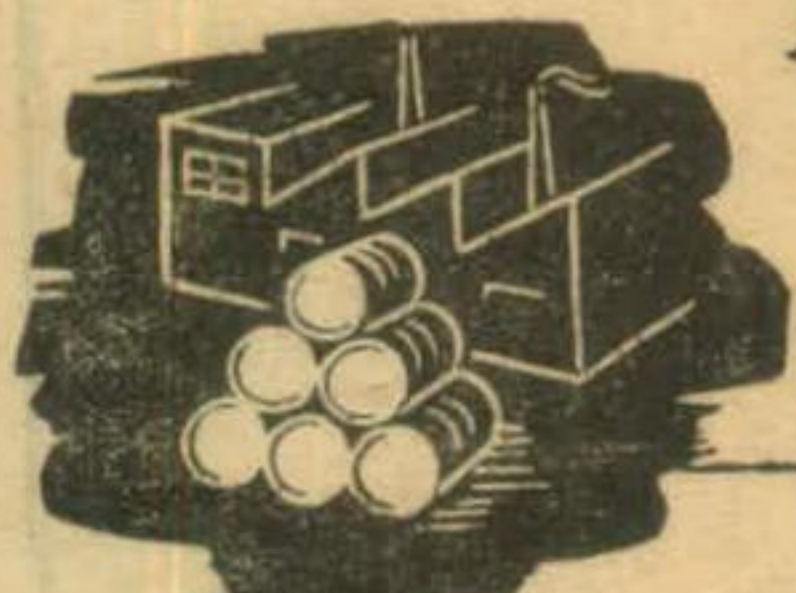
Giấy số : 21.253 — 23.913



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



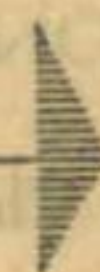
Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00